

**HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC**  
**TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM**  
**TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ**  
**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**



**TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC**  
**TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM**  
**TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ**  
**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**Hà Nội, tháng 12 năm 2023**



# TÀI LIỆU

## HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC

**TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM  
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ  
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

# DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Báo cáo về kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ công chức cấp xã; phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.
2. Tổng hợp báo cáo tham luận của các Bộ, địa phương.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

**BÁO CÁO**

**Về kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức  
và cán bộ công chức cấp xã; phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới**  
*(Tài liệu tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong  
các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập)*

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng hệ thống vị trí việc làm (VTVL) cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư<sup>1</sup>, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

**1. Công tác chỉ đạo**

- Quán triệt yêu cầu đổi mới quản lý vị trí việc làm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII<sup>2</sup>, Thường trực Ban Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo tại Văn bản số 8698-CV/VPTW ngày 18/01/2019 của Văn phòng Trung ương, trong đó đã giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng hệ thống danh mục, bản mô tả vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

- Trên cơ sở hướng dẫn thống nhất của Ban Tổ chức Trung ương<sup>3</sup> về nội dung, nguyên tắc, phương pháp và kế hoạch xây dựng danh mục, bản mô tả vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo<sup>4</sup> các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp thực hiện xây dựng danh mục, bản mô tả vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo Ban Cán sự đảng

<sup>1</sup> Văn bản số 8698-CV/VPTW ngày 18/01/2019 của Văn phòng Trung ương.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

<sup>3</sup> Văn bản số 7590-CV/BTCTW ngày 14/3/2019 và Văn bản số 8215-CV/BTCTW ngày 30/5/2019 của Ban Tổ chức Trung ương.

<sup>4</sup> Các văn bản: (1) Văn bản số 6852/VPCP-TCCV ngày 01/8/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng VTVL; (2) Văn bản số 11775/VPCP-TCCV ngày 26/12/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng VTVL đối với viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

Chính phủ, gửi Ban Tổ chức Trung ương để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế<sup>5</sup>; đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về VTVL và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, tạo cơ sở pháp lý cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn VTVL công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nhằm tập trung chỉ đạo hoàn thành việc hướng dẫn VTVL và tổ chức triển khai xây dựng, phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo về xây dựng và quản lý VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang làm Trưởng Ban Chỉ đạo (Ban Chỉ đạo đã tổ chức phiên họp lần thứ nhất vào ngày 14/7/2023 và có Thông báo số 283/TB-VPCP ngày 21/7/2023 để chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng và quản lý VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập).

## **2. Quá trình triển khai và kết quả thực hiện**

### ***2.1. Quá trình triển khai***

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngay từ Quý I/2019, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, xây dựng hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Theo đó, việc triển khai xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện như sau:

#### a) Đối với vị trí việc làm cán bộ, công chức

Để tổ chức triển khai nhiệm vụ xây dựng VTVL cán bộ, công chức, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành triển khai thực hiện<sup>6</sup>; đồng thời, giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương để thống nhất với các Bộ, ngành về nguyên tắc xây dựng VTVL<sup>7</sup> và danh mục VTVL cán bộ, công chức của từng ngành, lĩnh vực. Theo đó, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ<sup>8</sup> để gửi Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị về kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức.

---

<sup>5</sup> Văn bản số 1368-CV/BCSĐCP ngày 01/4/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức và Văn bản số 309-CV/BCSĐ ngày 29/12/2020 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về việc xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

<sup>6</sup> Văn bản số 6852/VPCP-TCCV ngày 01/8/2019 của Văn phòng Chính phủ.

<sup>7</sup> Bộ Nội vụ và Ban Tổ chức Trung ương đã trực tiếp họp với từng Bộ, ngành (từ ngày 14/10/2019 đến ngày 29/10/2019).

<sup>8</sup> Văn bản số 1368-CV/BCSĐCP ngày 01/4/2020 của Ban cán sự đảng Chính phủ.

b) Đối với vị trí việc làm viên chức và cán bộ, công chức cấp xã

Trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành tiếp tục triển khai xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, gửi Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ<sup>9</sup> thông qua để gửi Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/9/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức, trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành<sup>10</sup> rà soát danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ<sup>11</sup>, gửi Ban Tổ chức Trung ương về kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

## 2.2. Kết quả thực hiện

### a) Về công tác xây dựng thể chế (Chi tiết tại Phụ lục I)

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về VTVL và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL theo phân công của Chính phủ, cụ thể:

+ Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp; Thông tư hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức.

+ 20/20 Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành.

---

<sup>9</sup> Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ có Văn bản số 289-CV/BCSD ngày 03/12/2020 báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ về VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện ý kiến của Bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1733-CV/BCSDCP ngày 17/12/2020 của Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 309-CV/BCSD ngày 29/12/2020 gửi Ban Tổ chức Trung ương về kết quả xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

<sup>10</sup> Có 30/30 cơ quan có văn bản góp ý (gồm 28 Bộ, ngành và Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

<sup>11</sup> Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ.

+ 15/15 Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Về xây dựng danh mục vị trí việc làm

**- VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính**

Tổng số: **840** vị trí, chia ra:

+ VTVL lãnh đạo, quản lý: **122** vị trí<sup>12</sup>.

VTVL đã quy định tại Thông tư: **107** vị trí (Phụ lục II.1)

VTVL chưa quy định tại Thông tư: **13** vị trí lãnh đạo, quản lý<sup>13</sup>; **02** vị trí chuyên gia (Phụ lục II.2).

+ VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành: **656** vị trí (Phụ lục III).

+ VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: **40** vị trí (Phụ lục IV).

+ VTVL hỗ trợ, phục vụ: **22** vị trí (Phụ lục V).

**- VTVL trong cơ quan thuộc Chính phủ**

+ VTVL lãnh đạo, quản lý: **31** vị trí (Phụ lục VI).

VTVL đã quy định tại Thông tư: **10** vị trí

VTVL áp dụng chức danh, chức vụ tương đương: **21** vị trí, bao gồm: **09** vị trí việc làm<sup>14</sup> sẽ áp dụng chức danh, chức vụ tương đương theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV, **02** vị trí việc làm sẽ do các chức danh lãnh đạo, quản lý khác kiêm nhiệm (Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý) và **10** vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan thuộc Chính phủ sẽ áp dụng Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ thì áp dụng các VTVL theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (Phụ lục VII).

---

<sup>12</sup> **122 vị trí lãnh đạo, quản lý** đã được xác định, bảo đảm tính liên thông, đồng bộ với các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở quy định tại Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị.

<sup>13</sup> **13 vị trí lãnh đạo, quản lý (cán bộ)** được xác định theo các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương tại Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị, gồm: (1) Bộ trưởng và tương đương; (2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (4) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; (5) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; (6) Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (7) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (8) Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (9) Phó Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (10) Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; (11) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; (12) Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện; (13) Phó Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện.

<sup>14</sup> Gồm: **01** vị trí việc làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam (áp dụng chức danh tương đương Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm) và **08** vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý của Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

**- VTVL trong đơn vị sự nghiệp công lập**

Tổng số: **559** vị trí, chia ra:

- + VTVL lãnh đạo, quản lý: **110** vị trí (Phụ lục VIII).
- + VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: **392** vị trí (Phụ lục IX).
- + VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: **30** vị trí (Phụ lục X).
- + VTVL hỗ trợ, phục vụ: **27** vị trí (Phụ lục XI).

**- VTVL cán bộ, công chức cấp xã**

Tổng số: **17** vị trí (Phụ lục XII)

- + Cán bộ chuyên trách: **11** vị trí.
- + Công chức cấp xã: **06** vị trí.

**c) Về triển khai xây dựng và phê duyệt VTVL**

Căn cứ quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và quy định của Chính phủ hướng dẫn thi hành, trong thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương đã chủ động triển khai xây dựng và phê duyệt VTVL công chức, viên chức làm cơ sở để tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo VTVL<sup>15</sup>. Một số Bộ, ngành, địa phương có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng và phê duyệt VTVL như: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam...; các địa phương: Hà Nội, Đà Nẵng, Hưng Yên, Bà Rịa - Vũng Tàu...

### **3. Đánh giá chung**

#### **3.1. Ưu điểm**

a) Việc xây dựng danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn từ năm 2019 đến nay được đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Thường trực Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Các VTVL được xây dựng với mức độ khái quát cao theo chức năng nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương, có tính đến mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi đối tượng phục vụ,

---

<sup>15</sup> Cụ thể là: (1) Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành các Quyết định phê duyệt VTVL công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ, ngành, địa phương trong năm 2015, 2016; (2) Các Bộ, ngành, địa phương đã phê duyệt VTVL đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Chính phủ tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016; (3) Ban Tổ chức Trung ương ban hành Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW ngày 12/9/2016 xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.



quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của công việc theo chức năng, nhiệm vụ tương ứng với từng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

c) Các VTVL được thiết kế gắn với yêu cầu kết quả sản phẩm đầu ra theo từng chức năng, nhiệm vụ tương ứng với từng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức sẽ góp phần thực hiện được 3 mục tiêu của việc xây dựng VTVL của hệ thống chính trị: (1) Đổi mới việc phân loại, đánh giá, tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; (2) Thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII; (3) Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

d) Việc xác định VTVL theo hướng dẫn thống nhất của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực bảo đảm tính thống nhất, liên thông trong hệ thống các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, khắc phục toàn bộ tồn tại, hạn chế đối với việc xác định VTVL gắn với ngạch tối thiểu như quy định trước đây<sup>16</sup>.

đ) Các Bộ, ngành Trung ương và địa phương đã triển khai xây dựng và phê duyệt VTVL đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo VTVL nên có điều kiện tiếp cận và điều chỉnh kịp thời theo phân cấp của Chính phủ, vừa bảo đảm tính kế thừa và vừa đáp ứng yêu cầu thống nhất, liên thông, đồng bộ về xây dựng và quản lý VTVL trong hệ thống chính trị.

### **3.2. Tồn tại, hạn chế**

Mặc dù các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành Thông tư hướng dẫn về VTVL, tuy nhiên đây là nhiệm vụ mới và khó, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện còn có nhiều khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kịp thời; một số Bộ, ngành chậm ban hành Thông tư hướng dẫn, dẫn đến khó khăn cho các Bộ, ngành, địa phương khi triển khai nhiệm vụ xây dựng VTVL.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu chung:** Tiếp tục tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế về xây dựng và quản lý VTVL trong hệ thống chính trị theo quy định Đảng, Quốc hội và

---

<sup>16</sup> Việc xác định VTVL gắn với ngạch tối thiểu có các hạn chế sau: (1) Chưa phản ánh được tính chất, mức độ phức tạp của nhiệm vụ theo VTVL; (2) Không có điều kiện để thực hiện cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo VTVL; (3) Chưa tạo động lực đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ theo VTVL; (4) Chưa có đủ cơ sở để thiết kế bảng lương theo VTVL; (5) Chưa bảo đảm cho việc áp dụng thống nhất, liên thông các vị trí việc làm giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sự tương đồng về tính chất hoạt động và mức độ phức tạp của nhiệm vụ; (6) Chưa bảo đảm tính thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức có sự tương đồng về vị trí pháp lý, loại hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ.

của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; gắn việc phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước; đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức theo VTVL gắn với kết quả sản phẩm đầu ra và thực hiện trả lương theo VTVL phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

### ***1.2. Mục tiêu cụ thể***

a) Từ nay đến tháng 3 năm 2024: Hoàn thành việc xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL gắn với cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Từ tháng 4 năm 2024 trở đi:

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về VTVL và điều chỉnh kịp thời VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Từng bước thực hiện cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức theo VTVL gắn với kết quả sản phẩm đầu ra.

## **2. Nguyên tắc**

**2.1.** Việc xây dựng và quản lý VTVL trong hệ thống chính trị nói chung và khối Chính phủ quản lý nói riêng được đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Thường trực Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

**2.2.** Việc xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL gắn với cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm mục tiêu cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước.

**2.3.** Các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng các VTVL đã được phê duyệt để thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức theo VTVL gắn với kết quả sản phẩm đầu ra và thực hiện trả lương theo VTVL phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

### 3. Nhiệm vụ, giải pháp

**3.1.** Tiếp tục quán triệt các chủ trương, yêu cầu của việc xây dựng, quản lý VTVL theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, coi việc xây dựng và phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần hoàn thành để thực hiện việc trả lương theo VTVL đã được thông qua tại Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII và Nghị quyết của Quốc hội khóa XV về tiếp tục thực hiện một số nghị quyết của Quốc hội khóa 15 và từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 về giám sát chuyên đề, chất vấn.

**3.2.** Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định hướng dẫn VTVL theo ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị.

**3.3.** Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL gắn với cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

- **Một là**, các Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý xây dựng Đề án VTVL trên cơ sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- **Hai là**, việc xây dựng Đề án VTVL cần bảo đảm các nội dung sau:

(1) Về xây dựng VTVL được thực hiện như sau: (i) Tên VTVL<sup>17</sup> được sử dụng thống nhất theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; (ii) Bản mô tả VTVL<sup>18</sup> sẽ được mô tả cụ thể phù hợp với công việc cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; (iii) Khung năng lực VTVL<sup>19</sup> sẽ được mô tả cụ thể, phù hợp với yêu cầu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để hoàn thành công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

(2) Về xác định cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính cần có tính kế thừa và đáp ứng yêu cầu từng bước cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức; xác định cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với hạng của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp.

<sup>17</sup> **Tên VTVL** thể hiện “ngạch công chức” hoặc “hạng chức danh nghề nghiệp” và “chức năng, nhiệm vụ chính theo ngành, lĩnh vực” của VTVL với mức độ khái quát cao.

<sup>18</sup> **Bản mô tả** thể hiện “công việc” của VTVL gắn với sản phẩm, kết quả đầu ra tương ứng với mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, tầm quan trọng theo yêu cầu của “ngạch công chức” hoặc “hạng chức danh nghề nghiệp” theo từng ngành, lĩnh vực.

<sup>19</sup> **Khung năng lực** thể hiện các “năng lực” cơ bản, cần thiết theo yêu cầu “công việc” tương ứng với “ngạch công chức” hoặc “hạng chức danh nghề nghiệp” theo từng ngành, lĩnh vực.

- **Ba là**, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ.

- **Bốn là**, việc phê duyệt VTVL và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước, đặc biệt đối với đơn vị sự nghiệp công lập cần thực hiện đồng bộ với Đề án tự chủ để từng bước cơ cấu lại số lượng người làm việc theo hướng tăng số lượng người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

**3.4.** Trên cơ sở Đề án VTVL được phê duyệt, các cơ quan, tổ chức, đơn vị từng bước thực hiện cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo VTVL gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước; thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức theo VTVL gắn với kết quả sản phẩm đầu ra và thực hiện trả lương theo VTVL phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương.

#### **4. Phân công tổ chức thực hiện**

Căn cứ nhiệm vụ theo phân công, phân cấp của Chính phủ tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, đề nghị các Bộ, ngành và địa phương cần khẩn trương thực hiện một số nhiệm vụ sau:

##### **4.1. Các Bộ, ngành, địa phương**

a) Quán triệt và tập trung chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng Đề án VTVL và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

b) Phê duyệt VTVL gắn với cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Chính phủ hoặc theo phân cấp, ủy quyền của Bộ, ngành, địa phương (hoàn thành trong Quý I năm 2024).

Đối với các VTVL công chức trong các tổ chức giúp việc của Hội đồng nhân dân và các tổ chức hành chính khác ở địa phương, đề nghị các địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực của từng tổ chức để xác định VTVL công chức chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm việc phê duyệt VTVL được triển khai đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị (Phụ lục XIII).

Đối với các VTVL cán bộ, công chức cấp xã, đề nghị các địa phương xác định theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và tổng hợp vào Đề án VTVL của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Đối với các VTVL trong các tổ chức đảng thuộc Bộ, ngành và địa phương, đề nghị các cấp ủy đảng ở Trung ương và địa phương chỉ đạo thống nhất theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm việc phê duyệt VTVL được triển khai đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị.

c) Báo cáo kết quả phê duyệt VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý về Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý VTVL trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (qua Bộ Nội vụ).

#### **4.2. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

a) Kịp thời hướng dẫn và trao đổi, giải đáp những khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Rà soát các Thông tư hướng dẫn về VTVL đã ban hành, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết, làm cơ sở cho Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

#### **4.3. Bộ Nội vụ (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo)**

a) Tổng hợp, xây dựng Báo cáo chung về VTVL cán bộ, công chức, viên chức (khỏi Chính phủ quản lý) và cán bộ, công chức cấp xã, báo cáo Chính phủ và Ban Tổ chức Trung ương.

b) Phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực rà soát các Thông tư hướng dẫn về VTVL đã ban hành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết.

c) Tổng hợp, nắm bắt tình hình triển khai, đôn đốc xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL của các Bộ, ngành, địa phương. Kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo để xem xét, giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL của các Bộ, ngành, địa phương.

### **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

#### **1. Đối với Ban Tổ chức Trung ương**

a) Chủ trì, tổng hợp danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị.

b) Rà soát, hoàn thiện, đôn đốc các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

c) Hướng dẫn VTVL trong các tổ chức đảng thuộc Bộ, ngành và địa phương, bảo đảm việc phê duyệt VTVL được triển khai đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị.

## **2. Đối với Ban Công tác đại biểu**

Tham mưu cho Đảng đoàn Quốc hội có ý kiến chỉ đạo việc xây dựng Đề án VTVL và phê duyệt VTVL cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

## **3. Đối với các địa phương**

Để bảo đảm công tác chỉ đạo triển khai được tập trung, thống nhất, liên thông, đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị tại địa phương, đề nghị các địa phương nghiên cứu thành lập 01 Ban Chỉ đạo để chỉ đạo nhiệm vụ này. Khi triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương thì sẽ kiện toàn Ban Chỉ đạo này để chỉ đạo chung về VTVL và cải cách chính sách tiền lương.

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, quản lý VTVL trong thời gian tới để Hội nghị nghiên cứu, thảo luận và thống nhất thực hiện./.

# PHỤ LỤC

**KẾT QUẢ XÂY DỰNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM  
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ  
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

## DANH MỤC PHỤ LỤC

STT	PHỤ LỤC
1	PHỤ LỤC I: Các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành
2	PHỤ LỤC II.I: Danh mục vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính
3	PHỤ LỤC II.II: Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính chưa quy định tại Thông tư
4	PHỤ LỤC III: Tổng hợp danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành
5	PHỤ LỤC IV: Tổng hợp danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính
6	PHỤ LỤC V: Danh mục vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính
7	PHỤ LỤC VI: Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong cơ quan thuộc Chính phủ
8	PHỤ LỤC VII: Hướng dẫn áp dụng vị trí việc làm đối với các cơ quan thuộc Chính phủ
9	PHỤ LỤC VIII: Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực
10	PHỤ LỤC IX: Tổng hợp danh mục vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành
11	PHỤ LỤC X: Tổng hợp danh mục vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung
12	PHỤ LỤC XI: Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập
13	PHỤ LỤC XII: Danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã
14	PHỤ LỤC XIII: Hướng dẫn áp dụng vị trí việc làm trong các tổ chức giúp việc của hội đồng nhân dân



**Phụ lục I**  
**Các Văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành**

**1. Văn bản do Bộ Nội vụ tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành**

(1) Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

(2) Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 25/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo việc xây dựng, tổ chức triển khai vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

**2. Văn bản do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền (Bộ Nội vụ đã hoàn thành 04 nhiệm vụ theo phân công của Chính phủ)**

(1) Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

(2) Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ.

(3) Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ.

(4) Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

**3. Văn bản do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành theo thẩm quyền**

**3.1. Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành**

Có 20/20 Bộ, ngành ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành, cụ thể:

(1) Thông tư số 01/2023/TT-BNG ngày 30/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn về vị trí việc làm công chức chuyên ngành đối ngoại trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đối ngoại.

(2) Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ.

(3) Thông tư số 02/2023/TT-BTP ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tư pháp.

(4) Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê.

(5) Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính.

(6) Thông tư số 06/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương.

(7) Thông tư số 06/2023/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

(8) Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

(9) Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng.

(10) Thông tư số 05/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

(11) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông.

(12) Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

(13) Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

(14) Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

(15) Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giáo dục.

(16) Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 06/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế.

(17) Thông tư số 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc.

(18) Thông tư số 19/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Ngân hàng trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực ngân hàng.

(19) Thông tư số 01/2023/TT-TTCT ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra.

(20) Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong các cơ quan, tổ chức hành chính.

### ***3.2. Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tổng đơn vị sự nghiệp công lập***

Đã có 15/15 Bộ, ngành ban hành Thông tư, cụ thể:

(1) Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ.

(2) Thông tư số 06/2023/TT-BTP ngày 18/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp.

(3) Thông tư số 07/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực công thương.

(4) Thông tư số 11/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

(5) Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

(6) Thông tư số 10/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng.

(7) Thông tư số 10/2023/TT-BTNMT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

(8) Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông.

(9) Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

(10) Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

(11) Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

(12) Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

(13) Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

(14) Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

(15) Thông tư số 21/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực ngân hàng.

**Phụ lục II.I**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>
<b>A</b>	<b>Vị trí việc làm chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>	
<b>I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
1	Thủ trưởng và tương đương	
2	Tổng cục trưởng và tương đương	
3	Phó Tổng Cục trưởng và tương đương	
4	Cục trưởng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ) và tương đương	
5	Phó Cục trưởng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ) và tương đương	
6	Vụ trưởng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
7	Chánh Thanh tra (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
8	Chánh Văn phòng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
9	Vụ trưởng (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
10	Chánh Thanh tra (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
11	Chánh Văn phòng (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
12	Cục trưởng (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
13	Phó Vụ trưởng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
14	Phó Chánh Thanh tra (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
15	Phó Chánh Văn phòng (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
16	Phó Vụ trưởng (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
17	Phó Chánh Thanh tra (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
18	Phó Chánh Văn phòng (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
19	Phó Cục trưởng (thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
20	Chi Cục trưởng (thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
21	Chi Cục trưởng (thuộc Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	

TT	Tên vị trí việc làm	Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù
22	Phó Chi Cục trưởng (thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
23	Phó Chi cục trưởng (thuộc Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
24	Chánh Văn phòng (thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
25	Chánh Văn phòng (thuộc Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
26	Phó Chánh Văn phòng (thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
27	Phó Chánh Văn phòng (thuộc Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
28	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
29	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục và tương đương thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
30	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
31	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
32	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
33	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục và tương đương thuộc Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
34	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Thanh tra, Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
35	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc Tổng cục và tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ)	
	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực</b>	
36	Tổ trưởng Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về kinh tế
37	Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về doanh nghiệp
38	Tổng Thư ký Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh
39	Ủy viên Thư ký Hội đồng quốc gia Giáo dục và phát triển nhân lực	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về giáo dục
40	Tổng Thư ký Hội đồng Chính sách khoa học công nghệ quốc gia	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về khoa học và công nghệ

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>
41	Đại sứ đặc mệnh toàn quyền	Lĩnh vực ngoại giao
42	Đại sứ	Lĩnh vực ngoại giao
43	Tổng Lãnh sự	Lĩnh vực ngoại giao
44	Giám đốc Sở giao dịch	Lĩnh vực NHNN
45	Phó Giám đốc Sở giao dịch	Lĩnh vực NHNN
46	Phó Chủ tịch chuyên trách của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	Lĩnh vực giao thông vận tải
47	Giám đốc Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	Lĩnh vực giao thông vận tải
48	Phó Giám đốc Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	Lĩnh vực giao thông vận tải
49	Trưởng Đại diện Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	Lĩnh vực giao thông vận tải
50	Phó Trưởng Đại diện Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	Lĩnh vực giao thông vận tải
51	Trưởng phòng tại Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	Lĩnh vực giao thông vận tải
52	Phó Trưởng phòng tại Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	Lĩnh vực giao thông vận tải
53	Đội trưởng đội Thanh tra - An toàn (thuộc Cục thuộc Bộ; thuộc Cục thuộc Tổng cục; thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực giao thông vận tải
54	Phó Đội trưởng đội Thanh tra - An toàn (thuộc Cục thuộc Bộ; thuộc Cục thuộc Tổng cục; thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực giao thông vận tải
55	Giám đốc Chi nhánh	Lĩnh vực NHNN
56	Phó Giám đốc Chi nhánh	Lĩnh vực NHNN
57	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh	Lĩnh vực NHNN
58	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh	Lĩnh vực NHNN
59	Trưởng ban Tiếp công dân (thuộc Thanh tra Chính phủ)	Lĩnh vực thanh tra
60	Phó Trưởng ban Tiếp công dân (thuộc Thanh tra Chính phủ)	Lĩnh vực thanh tra
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia</b>	
1	Chủ tịch	
2	Phó Chủ tịch	
3	Chánh Văn phòng	
4	Trưởng ban	
5	Phó Chánh Văn phòng	
6	Phó Trưởng ban	



<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng)	
<b>III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh</b>	
1	Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh	
2	Chánh Văn phòng UBND cấp tỉnh	
3	Chánh Thanh tra cấp tỉnh	
4	Giám đốc Sở và tương đương	
5	Trưởng ban Ban Quản lý (BQL Khu Kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
6	Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh	
7	Phó Chánh Văn phòng UBND cấp tỉnh	
8	Phó Chánh Thanh tra cấp tỉnh	
9	Phó Giám đốc Sở và tương đương	
10	Phó Trưởng ban Ban Quản lý (BQL Khu Kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
11	Chi cục trưởng và tương đương thuộc Sở	
13	Phó Chi cục trưởng và tương đương thuộc Sở	
15	Chánh Văn phòng (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; Sở và tương đương)	
16	Trưởng phòng (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; Sở và tương đương)	
17	Trưởng đại diện và tương đương (thuộc BQL Khu Kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
18	Phó Chánh Văn phòng (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; Sở và tương đương)	
19	Phó Trưởng phòng (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; Sở và tương đương)	
20	Phó Trưởng đại diện và tương đương (thuộc BQL Khu Kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
21	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục, Ban thuộc Sở)	
22	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục, Ban thuộc Sở)	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>
23	Đội trưởng (thuộc Chi cục thuộc Sở)	
24	Phó Đội trưởng (thuộc Chi cục thuộc Sở)	
25	Hạ trưởng (thuộc Chi cục thuộc Sở)	
26	Phó Hạ trưởng (thuộc Chi cục thuộc Sở)	
	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực</b>	
27	Trạm trưởng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ hoặc Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn
28	Phó Trạm trưởng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ hoặc Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn
29	Đội trưởng đội nghiệp vụ (thuộc thanh tra Sở Giao thông vận tải)	Lĩnh vực giao thông vận tải
30	Phó Đội trưởng đội nghiệp vụ (thuộc thanh tra Sở Giao thông vận tải)	Lĩnh vực giao thông vận tải
<b>IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện</b>	
1	Chánh Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện	
2	Chánh Thanh tra cấp huyện	
3	Trưởng phòng và tương đương	
4	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện	
5	Phó Chánh Thanh tra cấp huyện	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương	
<b>B</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh trợ lý, thư ký</b>	
1	Trợ lý Thủ tướng Chính phủ	
2	Trợ lý Phó Thủ tướng Chính phủ (Ủy viên Bộ Chính trị)	
3	Thư ký Thủ tướng Chính phủ	
4	Thư ký Phó Thủ tướng Chính phủ	
5	Thư ký Bộ trưởng	

**Phụ lục II.II**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH  
CHƯA QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ**

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>
<b>A</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính</b>	
<b>I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
1	Bộ trưởng và tương đương	
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh</b>	
1	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
2	Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
<b>III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện</b>	
1	Chủ tịch UBND cấp huyện	
2	Phó Chủ tịch UBND cấp huyện	
<b>B</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh chuyên gia</b>	
1	Chuyên gia cao cấp	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
2	Chuyên gia	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội, UBND Thành phố Hồ Chí Minh
<b>C</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện</b>	
1	Chủ tịch HĐND cấp tỉnh	
2	Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh	
3	Trưởng ban (thuộc HĐND cấp tỉnh)	
4	Phó Trưởng ban (thuộc HĐND cấp tỉnh)	
5	Chủ tịch HĐND cấp huyện	
6	Phó Chủ tịch HĐND cấp huyện	
7	Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện	
8	Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện	

**Phụ lục III**  
**TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH**

STT	Tên lĩnh vực	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ngạch công chức hành chính					Ngạch công chức chuyên ngành					VTVL chưa xác định ngạch
					Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Nhân viên	Tương đương Chuyên viên cao cấp	Tương đương Chuyên viên chính	Tương đương Chuyên viên	Tương đương Cán sự	Nhân viên	
1	Lĩnh vực ngoại giao	29	12	6	6	6	6								11
2	Lĩnh vực nội vụ	21	14	7	7	7	7								
3	Lĩnh vực tư pháp	32	12	4	7	8	7	1	1	2	2	3	1		
4	Lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	26	14	5	7	7	7			1	1	1	2		
5	Lĩnh vực tài chính	101	12	3	18	19	19	5		7	8	8	9	8	
6	Lĩnh vực công thương	25	14	2	7	7	7			1	1	1	1		
7	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	68	45	11	15	15	15			2	8	10	3		
8	Lĩnh vực giao thông vận tải	22	10	4	6	8	8								
9	Lĩnh vực xây dựng	27	18	8	9	9	9								
10	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	33	20	8	11	11	11								
11	Lĩnh vực thông tin và truyền thông	51	28	14	14	16	16		5						
12	Lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	51	34	16	17	17	17								
13	Lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch	30	20	6	10	10	10								
14	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	31	19	5	9	9	9	1		1	1	1			
15	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	21	14	7	7	7	7								
16	Lĩnh vực y tế	24	16	8	8	8	8								
17	Lĩnh vực dân tộc	3	2	1	1	1	1								
18	Lĩnh vực ngân hàng	25			6	6	5	1	1	2	2	2			
19	Lĩnh vực thanh tra	24	16	8	4	4	4			4	4	4			
20	Lĩnh vực văn phòng	12	8	4	4	4	4								
	<b>Tổng cộng</b>	<b>656</b>	<b>328</b>	<b>127</b>	<b>173</b>	<b>179</b>	<b>177</b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>20</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>16</b>	<b>8</b>	<b>11</b>

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC NGOẠI GIAO**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về lãnh sự	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về lãnh sự	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về lãnh sự	Chuyên viên	x	x	x	
13	Chuyên viên cao cấp về lễ tân nhà nước	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về lễ tân nhà nước	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về lễ tân nhà nước	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
16	Chuyên viên cao cấp về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	Chuyên viên	x	x	x	
19	Công sứ					Vị trí việc làm công chức chuyên ngành đối ngoại tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
20	Tham tán Công sứ					
21	Tham tán					
22	Bí thư thứ nhất					
23	Bí thư thứ hai					
24	Bí thư thứ ba					
25	Tùy viên					
26	Phó Tổng lãnh sự					
27	Lãnh sự					
28	Phó Lãnh sự					
29	Tùy viên lãnh sự					

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC NỘI VỤ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bộ máy chuyên ngành
2	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nguồn nhân lực chuyên ngành
5	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về địa giới hành chính	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về địa giới hành chính	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về cải cách hành chính	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ cải cách hành chính chuyên ngành
11	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	x	x	x	
13	Chuyên viên cao cấp về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên cao cấp	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
14	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính	x	x		Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ thi đua, khen thưởng chuyên ngành
15	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	x	x	x	
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên cao cấp về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên cao cấp về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên	x	x	x	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về xây dựng pháp luật	Chuyên viên cao cấp	x			gồm xây dựng chính sách, phát luật
2	Chuyên viên chính về xây dựng pháp luật	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên chính	x	x		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
12	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về hành chính tư pháp	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về hành chính tư pháp	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về hành chính tư pháp	Chuyên viên	x	x	x	
16	Chuyên viên cao cấp về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý	Chuyên viên	x	x		
19	Chuyên viên cao cấp về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên chính	x			
21	Chuyên viên về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên	x			
22	Đại diện Bộ Tư pháp tại Phái đoàn Thường trực của Việt Nam bên cạnh Liên hợp quốc, Tổ chức thương mại thế giới và các tổ chức quốc tế khác tại Giơ-ne-vơ	Chuyên viên chính	x			
23	Thẩm tra viên cao cấp thi hành án	Thẩm tra viên cao cấp	x			
24	Thẩm tra viên chính thi hành án	Thẩm tra viên chính	x			
25	Thẩm tra viên thi hành án	Thẩm tra viên	x			

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
26	Chấp hành viên cao cấp thi hành án	Chấp hành viên cao cấp	x			
27	Chấp hành viên trung cấp thi hành án	Chấp hành viên trung cấp	x			
28	Chấp hành viên sơ cấp thi hành án	Chấp hành viên sơ cấp	x			
29	Thư ký thi hành án	Thư ký thi hành án	x			
30	Thư ký trung cấp thi hành án	Thư ký trung cấp thi hành án	x			
31	Cán sự thủ kho vật chứng	Cán sự	x			
32	Nhân viên thủ kho vật chứng	Nhân viên	x			

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý đầu tư	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đầu tư chuyên ngành
5	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên	x	x		
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý quy hoạch	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý đầu thầu	Chuyên viên cao cấp	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
14	Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	x	x	x	
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý doanh nghiệp chuyên ngành
17	Chuyên viên chính về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên	x	x	x	
22	Thống kê viên cao cấp	Thống kê viên cao cấp	x			
23	Thống kê viên chính	Thống kê viên chính	x			
24	Thống kê viên	Thống kê viên	x			
25	Thống kê cao đẳng	Thống kê viên cao đẳng	x			
26	Thống kê trung cấp	Thống kê viên trung cấp	x			

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý tài sản công	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về quản lý tài sản công	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý giá	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý giá chuyên ngành
8	Chuyên viên chính về quản lý giá	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Chuyên viên	x	x		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên	x	x		
19	Chuyên viên cao cấp về kế toán	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về kế toán	Chuyên viên chính	x			
21	Chuyên viên về kế toán	Chuyên viên	x			
22	Chuyên viên cao cấp về kiểm toán	Chuyên viên cao cấp	x			
23	Chuyên viên chính về kiểm toán	Chuyên viên chính	x			
24	Chuyên viên về kiểm toán	Chuyên viên	x			
25	Chuyên viên cao cấp về bảo hiểm	Chuyên viên cao cấp	x			
26	Chuyên viên chính về bảo hiểm	Chuyên viên chính	x			
27	Chuyên viên về bảo hiểm	Chuyên viên	x			
28	Chuyên viên cao cấp về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên cao cấp	x			
29	Chuyên viên chính về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên chính	x			
30	Chuyên viên về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên	x			
31	Chuyên viên cao cấp về quản lý thuế	Chuyên viên cao cấp	x			
32	Chuyên viên chính về quản lý thuế	Chuyên viên chính	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
33	Chuyên viên về quản lý thuế	Chuyên viên	x			
34	Kiểm tra viên cao cấp thuế	Kiểm tra viên cao cấp	x			
35	Kiểm tra viên chính thuế	Kiểm tra viên chính	x			
36	Kiểm tra viên thuế	Kiểm tra viên	x			
37	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Kiểm tra viên trung cấp	x			
38	Nhân viên thuế	Nhân viên	x			
39	Chuyên viên cao cấp về quản lý rủi ro thuế	Chuyên viên cao cấp	x			
40	Chuyên viên chính về quản lý rủi ro thuế	Chuyên viên chính	x			
41	Chuyên viên về quản lý rủi ro thuế	Chuyên viên	x			
42	Kiểm tra viên cao cấp về giám sát quản lý hải quan	Kiểm tra viên cao cấp	x			
43	Kiểm tra viên chính về giám sát quản lý hải quan	Kiểm tra viên chính	x			
44	Kiểm tra viên về giám sát quản lý hải quan	Kiểm tra viên	x			
45	Kiểm tra viên trung cấp về giám sát quản lý hải quan	Kiểm tra viên trung cấp	x			
46	Nhân viên về giám sát quản lý hải quan	Nhân viên	x			
47	Kiểm tra viên cao cấp về điều tra chống buôn lậu	Kiểm tra viên cao cấp	x			
48	Kiểm tra viên chính về điều tra chống buôn lậu	Kiểm tra viên chính	x			
49	Kiểm tra viên về điều tra chống buôn lậu	Kiểm tra viên	x			



STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
50	Kiểm tra viên trung cấp về điều tra chống buôn lậu	Kiểm tra viên trung cấp	x			
51	Nhân viên về điều tra chống buôn lậu	Nhân viên	x			
52	Kiểm tra viên cao cấp về quản lý rủi ro hải quan	Kiểm tra viên cao cấp	x			
53	Kiểm tra viên chính về quản lý rủi ro hải quan	Kiểm tra viên chính	x			
54	Kiểm tra viên về quản lý rủi ro hải quan	Kiểm tra viên	x			
55	Kiểm tra viên trung cấp về quản lý rủi ro hải quan	Kiểm tra viên trung cấp	x			
56	Nhân viên về quản lý rủi ro hải quan	Nhân viên	x			
57	Kiểm tra viên cao cấp về kiểm định hải quan	Kiểm tra viên cao cấp	x			
58	Kiểm tra viên chính về kiểm định hải quan	Kiểm tra viên chính	x			
59	Kiểm tra viên về kiểm định hải quan	Kiểm tra viên	x			
60	Kiểm tra viên trung cấp về kiểm định hải quan	Kiểm tra viên trung cấp	x			
61	Nhân viên về kiểm định hải quan	Nhân viên	x			
62	Kiểm tra viên cao cấp về kiểm tra sau thông quan hải quan	Kiểm tra viên cao cấp	x			
63	Kiểm tra viên chính về kiểm tra sau thông quan hải quan	Kiểm tra viên chính	x			
64	Kiểm tra viên về kiểm tra sau thông quan hải quan	Kiểm tra viên	x			
65	Kiểm tra viên trung cấp về kiểm tra sau thông quan hải quan	Kiểm tra viên trung cấp	x			
66	Nhân viên về kiểm tra sau thông quan hải quan	Nhân viên	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
67	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động chứng khoán	Chuyên viên cao cấp	x			
68	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động chứng khoán	Chuyên viên chính	x			
69	Chuyên viên về quản lý hoạt động chứng khoán	Chuyên viên	x			
70	Chuyên viên cao cấp về giám sát thị trường chứng khoán	Chuyên viên cao cấp	x			
71	Chuyên viên chính về giám sát thị trường chứng khoán	Chuyên viên chính	x			
72	Chuyên viên về giám sát thị trường chứng khoán	Chuyên viên	x			
73	Chuyên viên cao cấp về phát triển thị trường chứng khoán	Chuyên viên cao cấp	x			
74	Chuyên viên chính về phát triển thị trường chứng khoán	Chuyên viên chính	x			
75	Chuyên viên về phát triển thị trường chứng khoán	Chuyên viên	x			
76	Chuyên viên cao cấp về dự trữ nhà nước (kế hoạch, quản lý hàng dự trữ, khoa học và công nghệ bảo quản)	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý dự trữ nhà nước chuyên ngành
77	Chuyên viên chính về dự trữ nhà nước (kế hoạch, quản lý hàng dự trữ, khoa học và công nghệ bảo quản)	Chuyên viên chính	x			
78	Chuyên viên về dự trữ nhà nước (kế hoạch, quản lý hàng dự trữ, khoa học và công nghệ bảo quản)	Chuyên viên	x			
79	Kỹ thuật viên chính về bảo quản hàng dự trữ quốc gia	Kỹ thuật viên chính	x			
80	Kỹ thuật viên về bảo quản hàng dự trữ quốc gia	Kỹ thuật viên	x			
81	Kỹ thuật viên trung cấp về bảo quản hàng dự trữ quốc gia	Kỹ thuật viên trung cấp	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
82	Thủ kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia	Thủ kho	x			
83	Nhân viên bảo vệ kho dự trữ	Nhân viên	x			
84	Kế toán viên cao cấp về kế toán nhà nước	Kế toán viên cao cấp	x			
85	Kế toán viên chính về kế toán nhà nước	Kế toán viên chính	x			
86	Kế toán viên về kế toán nhà nước	Kế toán viên	x			
87	Kế toán viên trung cấp về kế toán nhà nước	Kế toán viên trung cấp	x			
88	Chuyên viên cao cấp quản lý ngân quỹ nhà nước	Chuyên viên cao cấp	x			
89	Chuyên viên chính quản lý ngân quỹ nhà nước	Chuyên viên chính	x			
90	Chuyên viên quản lý ngân quỹ nhà nước	Chuyên viên	x			
91	Chuyên viên cao cấp kiểm soát chi ngân sách nhà nước	Chuyên viên cao cấp	x			
92	Chuyên viên chính kiểm soát chi ngân sách nhà nước	Chuyên viên chính	x			
93	Chuyên viên kiểm soát chi ngân sách nhà nước	Chuyên viên	x			
94	Cán sự kiểm soát chi ngân sách nhà nước	Cán sự	x			
95	Nhân viên kiểm soát chi ngân sách nhà nước	Nhân viên	x			
96	Chuyên viên chính về nghiệp vụ quản lý kho quỹ	Chuyên viên chính	x			
97	Chuyên viên về nghiệp vụ quản lý kho quỹ	Chuyên viên	x			
98	Thủ quỹ kho bạc	Cán sự	x			

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
99	Thủ kho kho bạc	Cán sự	x			
100	Kiểm ngân	Cán sự	x			
101	Phụ kho kho bạc	Cán sự	x			

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý thương mại quốc tế	Chuyên viên	x	x		
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý công nghiệp	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về quản lý công nghiệp	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý năng lượng	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý năng lượng	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý năng lượng	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoá chất	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý hoá chất	Chuyên viên chính	x	x		

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
15	Chuyên viên về quản lý hoá chất	Chuyên viên	x	x		
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý cạnh tranh	Chuyên viên	x	x		
19	Chuyên viên cao cấp về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên	x	x		
22	Kiểm soát viên cao cấp về quản lý thị trường	Kiểm soát viên cao cấp thị trường	x			
23	Kiểm soát viên chính về quản lý thị trường	Kiểm soát viên chính thị trường	x			
24	Kiểm soát viên về quản lý thị trường	Kiểm soát viên thị trường	x			
25	Kiểm soát viên trung cấp về quản lý thị trường	Kiểm soát viên trung cấp thị trường	x			

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý trồng trọt	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về bảo vệ thực vật (bao gồm: bảo vệ thực vật; kiểm dịch thực vật)	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về bảo vệ thực vật (bao gồm: bảo vệ thực vật; kiểm dịch thực vật)	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về bảo vệ thực vật (bao gồm: bảo vệ thực vật; kiểm dịch thực vật)	Chuyên viên	x	x	x	
7	Kiểm dịch viên chính thực vật	Kiểm dịch viên chính thực vật	x	x		
8	Kiểm dịch viên thực vật	Kiểm dịch viên thực vật	x	x		
9	Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật	x	x		
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Chuyên viên chính	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
12	Chuyên viên về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Chuyên viên	x			
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý phân bón	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý phân bón	Chuyên viên chính	x			
15	Chuyên viên về quản lý phân bón	Chuyên viên	x			
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về quản lý thú y (bao gồm: quản lý thú y; kiểm dịch động vật)	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về quản lý thú y (bao gồm: quản lý thú y; kiểm dịch động vật)	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về quản lý thú y (bao gồm: quản lý thú y; kiểm dịch động vật)	Chuyên viên	x	x	x	
22	Kiểm dịch viên chính động vật	Kiểm dịch viên chính động vật	x	x		
23	Kiểm dịch viên động vật	Kiểm dịch viên động vật	x	x		
24	Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật	x	x		
25	Chuyên viên cao cấp về quản lý thuốc thú y	Chuyên viên cao cấp	x			
26	Chuyên viên chính về quản lý thuốc thú y	Chuyên viên chính	x			



STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
27	Chuyên viên về quản lý thuốc thú y	Chuyên viên	x			
28	Chuyên viên cao cấp về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên cao cấp	x			
29	Chuyên viên chính về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên chính	x	x		
30	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên	x	x	x	
31	Kiểm lâm viên cao cấp	Kiểm lâm viên cao cấp	x			
32	Kiểm lâm viên chính	Kiểm lâm viên chính	x	x		
33	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	x	x		
34	Kiểm lâm viên trung cấp	Kiểm lâm viên trung cấp	x	x		
35	Chuyên viên cao cấp về quản lý thủy sản	Chuyên viên cao cấp	x			
36	Chuyên viên chính về quản lý thủy sản	Chuyên viên chính	x	x		
37	Chuyên viên về quản lý thủy sản	Chuyên viên	x	x	x	
38	Kiểm ngư viên cao cấp	Kiểm ngư viên cao cấp	x			
39	Kiểm ngư viên chính	Kiểm ngư viên chính	x	x		
40	Kiểm ngư viên	Kiểm ngư viên	x	x		
41	Kiểm ngư viên trung cấp	Kiểm ngư viên trung cấp	x	x		
42	Thuyền trưởng tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư hoặc Thuyền viên kiểm ngư chính	x	x		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
43	Thuyền phó tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư hoặc Thuyền viên kiểm ngư chính	x	x		
44	Máy trưởng tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư hoặc Thuyền viên kiểm ngư chính	x	x		
45	Máy phó tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư trung cấp hoặc Thuyền viên kiểm ngư	x	x		
46	Thủy thủ trưởng và thông tin liên lạc tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư trung cấp hoặc Thuyền viên kiểm ngư	x	x		
47	Thợ điện tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư trung cấp hoặc Thuyền viên kiểm ngư	x	x		
48	Chuyên viên cao cấp về quản lý thủy lợi	Chuyên viên cao cấp	x			
49	Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi	Chuyên viên chính	x	x		
50	Chuyên viên về quản lý thủy lợi	Chuyên viên	x	x	x	
51	Chuyên viên cao cấp về quản lý nước sạch nông thôn	Chuyên viên cao cấp	x			
52	Chuyên viên chính về quản lý nước sạch nông thôn	Chuyên viên chính	x	x		
53	Chuyên viên về quản lý nước sạch nông thôn	Chuyên viên	x	x	x	
54	Chuyên viên cao cấp về phòng, chống thiên tai	Chuyên viên cao cấp	x			
55	Chuyên viên chính về phòng, chống thiên tai	Chuyên viên chính	x	x		
56	Chuyên viên về phòng, chống thiên tai	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
57	Chuyên viên cao cấp về quản lý đô thị	Chuyên viên cao cấp	x			
58	Chuyên viên chính về quản lý đô thị	Chuyên viên chính	x	x		
59	Chuyên viên về quản lý đô thị	Chuyên viên	x	x	x	
60	Kiểm soát viên chính đô thị	Kiểm soát viên chính đô thị	x	x		
61	Kiểm soát viên đô thị	Kiểm soát viên đô thị	x	x		
62	Kiểm soát viên trung cấp đô thị	Kiểm soát viên trung cấp đô thị	x	x		
63	Chuyên viên cao cấp về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên cao cấp	x			
64	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên chính	x	x		
65	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên	x	x		
66	Chuyên viên cao cấp về phát triển nông thôn	Chuyên viên cao cấp	x			
67	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	Chuyên viên chính	x	x		
68	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về đại diện thường trực tại OSJD	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về đại diện thường trực tại OSJD	Chuyên viên chính	x			
15	Chuyên viên về đại diện thường trực tại OSJD	Chuyên viên	x			
16	Chuyên viên chính về thường trực ban thư ký IMO Việt Nam	Chuyên viên chính	x			
17	Chuyên viên về thường trực ban thư ký IMO Việt Nam	Chuyên viên	x			
18	Chuyên viên chính về quản lý đăng kiểm (tàu biển và công trình biển, phương tiện thủy nội địa, đường sắt, chất lượng và kiểm định xe cơ giới)	Chuyên viên chính	x			
19	Chuyên viên về quản lý đăng kiểm (tàu biển và công trình biển, phương tiện thủy nội địa, đường sắt, chất lượng và kiểm định xe cơ giới)	Chuyên viên	x			
20	Chuyên viên cao cấp về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên cao cấp	x			
21	Chuyên viên chính về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên chính	x	x		
22	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	Chuyên viên	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý kiến trúc	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về quản lý kiến trúc	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động xây dựng chuyên ngành
8	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên	x	x	x	
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên chính	x	x		

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
15	Chuyên viên về quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên	x	x	x	
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý về nhà ở	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về quản lý về nhà ở	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý về nhà ở	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về quản lý công sở	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về quản lý công sở	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về quản lý công sở	Chuyên viên	x	x	x	
22	Chuyên viên cao cấp về quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên cao cấp	x			
23	Chuyên viên chính về quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên chính	x	x		
24	Chuyên viên về quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên	x	x		
25	Chuyên viên cao cấp về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên cao cấp	x			
26	Chuyên viên chính về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên chính	x	x		
27	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về địa chất	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về địa chất	Chuyên viên chính	x			
3	Chuyên viên về địa chất	Chuyên viên	x			
4	Chuyên viên cao cấp về khoáng sản	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý khoáng sản chuyên ngành
5	Chuyên viên chính về khoáng sản	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý đất đai	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý đất đai	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	x	x	x	
13	Chuyên viên cao cấp về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên	x	x	x	



STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
16	Chuyên viên cao cấp về môi trường	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý môi trường chuyên ngành
17	Chuyên viên chính về môi trường	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về biến đổi khí hậu	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về biến đổi khí hậu	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên	x	x	x	
22	Chuyên viên cao cấp về khí tượng thủy văn	Chuyên viên cao cấp	x			
23	Chuyên viên chính về khí tượng thủy văn	Chuyên viên chính	x	x		
24	Chuyên viên về khí tượng thủy văn	Chuyên viên	x	x		
25	Chuyên viên cao cấp quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên cao cấp	x			
26	Chuyên viên chính quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên chính	x	x		
27	Chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên	x	x	x	
28	Chuyên viên cao cấp về tài nguyên nước	Chuyên viên cao cấp	x			
29	Chuyên viên chính về tài nguyên nước	Chuyên viên chính	x	x		
30	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên	x	x	x	
31	Chuyên viên cao cấp về viễn thám	Chuyên viên cao cấp	x			
32	Chuyên viên chính về viễn thám	Chuyên viên chính	x	x		
33	Chuyên viên về viễn thám	Chuyên viên	x	x		

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý báo chí	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về quản lý báo chí	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên cao cấp	x			Bao gồm quản lý nội dung trên phát thanh, truyền hình; quản lý nội dung trên mạng; quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình
5	Chuyên viên chính về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý thông tin đối ngoại chuyên ngành
11	Chuyên viên chính về quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên	x	x	x	
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý xuất bản	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về quản lý xuất bản	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý xuất bản	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên chính về quản lý in	Chuyên viên chính	x	x		
20	Chuyên viên về quản lý in	Chuyên viên	x	x	x	
21	Chuyên viên chính về quản lý phát hành	Chuyên viên chính	x	x		
22	Chuyên viên về quản lý phát hành	Chuyên viên	x	x	x	
23	Chuyên viên cao cấp về quản lý bưu chính	Chuyên viên cao cấp	x			
24	Chuyên viên chính về quản lý bưu chính	Chuyên viên chính	x	x		
25	Chuyên viên về quản lý bưu chính	Chuyên viên	x	x	x	
26	Chuyên viên cao cấp về quản lý mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1)	Chuyên viên cao cấp	x			
27	Chuyên viên chính về quản lý mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1)	Chuyên viên chính	x			
28	Chuyên viên về quản lý mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1)	Chuyên viên	x			
29	Nhân viên khai thác bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1)	Nhân viên	x			
30	Nhân viên vận chuyển bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1)	Nhân viên	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
31	Chuyên viên cao cấp về quản lý viễn thông	Chuyên viên cao cấp	x			Bao gồm quản lý mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước
32	Chuyên viên chính về quản lý viễn thông	Chuyên viên chính	x	x		
33	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên	x	x	x	
34	Nhân viên khai thác mạng viễn thông phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Nhân viên	x			
35	Nhân viên vận hành, sửa chữa mạng viễn thông phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Nhân viên	x			
36	Nhân viên trực trạm vệ tinh	Nhân viên	x			
37	Chuyên viên cao cấp về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên cao cấp	x			
38	Chuyên viên chính về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên chính	x	x		
39	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên	x	x	x	
40	Chuyên viên cao cấp về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số)	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý công nghệ thông tin chuyên ngành
41	Chuyên viên chính về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số)	Chuyên viên chính	x	x		
42	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số)	Chuyên viên	x	x	x	
43	Chuyên viên cao cấp về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên cao cấp	x			

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
44	Chuyên viên chính về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên chính	x	x		
45	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên	x	x	x	
46	Chuyên viên cao cấp về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý an toàn thông tin chuyên ngành
47	Chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính	x	x		
48	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên	x	x	x	
49	Chuyên viên cao cấp bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Chuyên viên cao cấp	x			
50	Chuyên viên chính bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Chuyên viên chính	x			
51	Chuyên viên bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Chuyên viên	x			

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về lao động tiền lương	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về lao động tiền lương	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về lao động tiền lương	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về bình đẳng giới	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về bình đẳng giới	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý lao động ngoài nước	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý lao động ngoài nước	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý lao động ngoài nước	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý an toàn, vệ sinh lao động chuyên ngành
14	Chuyên viên chính về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
16	Chuyên viên cao cấp về người có công	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về người có công	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên	x	x	x	
22	Chuyên viên cao cấp về việc làm	Chuyên viên cao cấp	x			
23	Chuyên viên chính về việc làm	Chuyên viên chính	x	x		
24	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên	x	x	x	
25	Chuyên viên cao cấp về bảo trợ xã hội	Chuyên viên cao cấp	x			
26	Chuyên viên chính về bảo trợ xã hội	Chuyên viên chính	x	x		
27	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên	x	x	x	
28	Chuyên viên cao cấp về giảm nghèo	Chuyên viên cao cấp	x			
29	Chuyên viên chính về giảm nghèo	Chuyên viên chính	x	x		
30	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên	x	x	x	
31	Chuyên viên cao cấp về trẻ em	Chuyên viên cao cấp	x			
32	Chuyên viên chính về trẻ em	Chuyên viên chính	x	x		
33	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên	x	x	x	
34	Chuyên viên cao cấp về cơ sở vật chất và thiết bị	Chuyên viên cao cấp	x			
35	Chuyên viên chính về cơ sở vật chất và thiết bị	Chuyên viên chính	x	x		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
36	Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị	Chuyên viên	x	x	x	
37	Chuyên viên cao cấp về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	Chuyên viên cao cấp	x			
38	Chuyên viên chính về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	Chuyên viên chính	x	x		
39	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	Chuyên viên	x	x	x	
40	Chuyên viên cao cấp về công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên cao cấp	x			
41	Chuyên viên chính về công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên chính	x	x		
42	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên	x	x	x	
43	Chuyên viên cao cấp về quản lý kỹ năng nghề	Chuyên viên cao cấp	x			
44	Chuyên viên chính về quản lý kỹ năng nghề	Chuyên viên chính	x	x		
45	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	Chuyên viên	x	x	x	
46	Chuyên viên cao cấp về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên cao cấp	x			
47	Chuyên viên chính về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên chính	x	x		
48	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên	x	x	x	
49	Chuyên viên cao cấp về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên cao cấp	x			
50	Chuyên viên chính về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên chính	x	x		
51	Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên	x	x	x	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý di sản văn hoá	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về quản lý di sản văn hoá	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý di sản văn hoá	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý văn hoá cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hoá dân tộc)	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về quản lý văn hoá cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hoá dân tộc)	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý văn hoá cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hoá dân tộc)	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về văn hoá nghệ thuật (bao gồm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm)	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về văn hoá nghệ thuật (bao gồm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm)	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về văn hoá nghệ thuật (bao gồm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm)	Chuyên viên	x	x		
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý bản quyền tác giả	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý bản quyền tác giả	Chuyên viên chính	x	x		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
12	Chuyên viên về quản lý bản quyền tác giả	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên	x	x	x	
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên	x	x	x	
22	Chuyên viên cao cấp về quản lý lễ hành	Chuyên viên cao cấp	x			
23	Chuyên viên chính về quản lý lễ hành	Chuyên viên chính	x	x		
24	Chuyên viên về quản lý lễ hành	Chuyên viên	x	x		
25	Chuyên viên cao cấp về quản lý lưu trú du lịch	Chuyên viên cao cấp	x			
26	Chuyên viên chính về quản lý lưu trú du lịch	Chuyên viên chính	x	x		

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
27	Chuyên viên về quản lý lưu trú du lịch	Chuyên viên	x	x		
28	Chuyên viên cao cấp về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên cao cấp	x			
29	Chuyên viên chính về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên chính	x	x		
30	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên cao cấp	x			- Hoạt động khoa học và công nghệ gồm cả hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ; quản lý thông tin và thống kê khoa học và công nghệ. - Được sử dụng chung tại các cơ quan Được giao nhiệm vụ quản lý khoa học công nghệ chuyên ngành
2	Chuyên viên chính về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	Chuyên viên	x	x		
7	Chuyên viên cao cấp về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử	Chuyên viên chính	x			
12	Chuyên viên về quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử	Chuyên viên	x	x		
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên chính	x			
15	Chuyên viên quản lý về hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên	x	x		
16	Chuyên viên cao cấp về sở hữu trí tuệ	Chuyên viên cao cấp	x			- Bao gồm giải quyết khiếu nại và hỗ trợ thực thi về sở hữu công nghiệp; hoạt động sở hữu công nghiệp và sáng kiến; hoạt động thẩm định đơn sở hữu công nghiệp và cấp văn bằng bảo hộ. - Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ sở hữu trí tuệ chuyên ngành
17	Chuyên viên chính về sở hữu trí tuệ	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về sở hữu trí tuệ	Chuyên viên	x	x		
19	Cán sự về sở hữu trí tuệ	Cán sự	x	x		
20	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá
21	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá	Chuyên viên chính	x	x		
22	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá	Chuyên viên	x	x	x	
23	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động đo lường
24	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên chính	x	x		
25	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
26	Chuyên viên cao cấp về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy
27	Chuyên viên chính về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên chính	x	x		
28	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên	x	x	x	
29	Kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x			
30	Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x	x		
31	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x	x		

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH**  
**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý giáo dục đào tạo
2	Chuyên viên chính về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên	x	x	x	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
13	Chuyên viên cao cấp về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên cao cấp	x			
14	Chuyên viên chính về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên	x	x	x	
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên	x	x	x	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC Y TẾ**

STT	Tên vị trí việc làm	Trương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp về kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về thiết bị y tế, công trình y tế	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về thiết bị y tế, công trình y tế	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về thiết bị y tế, công trình y tế	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về dược	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về dược	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về dược	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về an toàn thực phẩm	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý an toàn thực phẩm
11	Chuyên viên chính về an toàn thực phẩm	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên	x	x	x	
13	Chuyên viên cao cấp về dân số	Chuyên viên cao cấp	x			Bao gồm cả kế hoạch hoá gia đình
14	Chuyên viên chính về dân số	Chuyên viên chính	x	x		
15	Chuyên viên về dân số	Chuyên viên	x	x	x	

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
16	Chuyên viên cao cấp về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý y tế chuyên ngành
17	Chuyên viên chính về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên	x	x	x	
19	Chuyên viên cao cấp về bảo hiểm y tế	Chuyên viên cao cấp	x			
20	Chuyên viên chính về bảo hiểm y tế	Chuyên viên chính	x	x		
21	Chuyên viên về bảo hiểm y tế	Chuyên viên	x	x	x	
22	Chuyên viên cao cấp về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên cao cấp	x			
23	Chuyên viên chính về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên chính	x	x		
24	Chuyên viên về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC DÂN TỘC**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về công tác dân tộc	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về công tác dân tộc	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên viên cao cấp về hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng	Chuyên viên chính	x			
3	Chuyên viên về hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng	Chuyên viên	x			
4	Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động công nghệ ngân hàng	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động công nghệ ngân hàng	Chuyên viên chính	x			
6	Chuyên viên về quản lý hoạt động công nghệ ngân hàng	Chuyên viên	x			
7	Chuyên viên cao cấp về nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Chuyên viên chính	x			
9	Chuyên viên về nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Chuyên viên	x			
10	Cán sự về nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Cán sự	x			
11	Nhân viên về nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Nhân viên	x			
12	Thanh tra viên cao cấp về thanh tra, giám sát ngân hàng	Thanh tra viên cao cấp	x			
13	Thanh tra viên chính về thanh tra, giám sát ngân hàng	Thanh tra viên chính	x			

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
14	Thanh tra viên về thanh tra, giám sát ngân hàng	Thanh tra viên	x			
15	Kiểm soát viên cao cấp về kiểm soát ngân hàng	Kiểm soát viên cao cấp	x			
16	Kiểm soát viên chính về kiểm soát ngân hàng	Kiểm soát viên chính	x			
17	Kiểm soát viên về kiểm soát ngân hàng	Kiểm soát viên	x			
18	Chuyên viên cao cấp về phòng, chống rửa tiền	Chuyên viên cao cấp	x			
19	Chuyên viên chính về phòng, chống rửa tiền	Chuyên viên chính	x			
20	Chuyên viên về phòng, chống rửa tiền	Chuyên viên	x			
21	Chuyên viên cao cấp về tiền tệ, ngân hàng quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			
22	Chuyên viên chính về tiền tệ, ngân hàng quốc tế	Chuyên viên chính	x			
23	Chuyên viên cao cấp về quản lý tổ chức tín dụng	Chuyên viên cao cấp	x			
24	Chuyên viên chính về quản lý tổ chức tín dụng	Chuyên viên chính	x			
25	Chuyên viên về quản lý tổ chức tín dụng	Chuyên viên	x			

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC THANH TRA**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Thanh tra viên cao cấp về công tác thanh tra	Thanh tra viên cao cấp	x			Bao gồm bao gồm cả kế hoạch, tổng hợp và giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra
2	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính	x	x		
3	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về công tác thanh tra	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	x	x	x	
7	Thanh tra viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên cao cấp	x			
8	Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên chính	x	x		
9	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	x	x	x	
13	Thanh tra viên cao cấp về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên cao cấp	x			
14	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên chính	x	x		

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
15	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	x	x	x	
16	Chuyên viên cao cấp về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên cao cấp	x			
17	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính	x	x		
18	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	x	x	x	
19	Thanh tra viên cao cấp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên cao cấp	x			
20	Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính	x	x		
21	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên	x	x	x	
22	Chuyên viên cao cấp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên cao cấp	x			
23	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính	x	x		
24	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC VĂN PHÒNG**

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về thư ký - biên tập	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về thư ký - biên tập	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về thư ký - biên tập	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên cao cấp	x			Nhóm vị trí về kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng các cấp thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành
8	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	x	x	x	
10	Chuyên viên cao cấp về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên cao cấp	x			
11	Chuyên viên chính về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên chính	x	x		
12	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên	x	x	x	



**Phụ lục IV**

**TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên lĩnh vực	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ngạch công chức hành chính					Ngạch công chức chuyên ngành					VTVL chưa xác định ngạch	Ghi chú
					Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Nhân viên	Tương đương Chuyên viên cao cấp	Tương đương Chuyên viên chính	Tương đương Chuyên viên	Tương đương Cán sự	Nhân viên		
1	Lĩnh vực thanh tra															Được sử dụng chung với các VTVL nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực thanh tra
2	Lĩnh vực hợp tác quốc tế	3	2	1	1	1	1									
3	Lĩnh vực pháp chế	6	4	1	2	2	2									
4	Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng															Được sử dụng chung với VTVL nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ
5	Lĩnh vực văn phòng	15	15	8		5	5	2			1	1	1			
6	Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	16	13	9	3	3	4	1	1		1	1	1		1	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>34</b>	<b>19</b>	<b>6</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG  
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực thanh tra</b>					Được sử dụng chung với các VTVL nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực hợp tác quốc tế</b>					
1	Chuyên viên cao cấp về hợp tác quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên	x	x	x	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực pháp chế</b>					
1	Chuyên viên cao cấp về pháp chế	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			Được sử dụng chung với các VTVL nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực tư pháp
5	Chuyên viên chính về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên	x	x		

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Cấp trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Ghi chú
IV	<b>Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính</b>					Được sử dụng chung với các VTVL nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực nội vụ
V	<b>Lĩnh vực văn phòng</b>					
1	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	x	x		
2	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	x	x	x	
3	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính	x	x		
4	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	x	x	x	
5	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự	x	x	x	
6	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính	x	x		
7	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	x	x		
8	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	x	x	x	
10	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính	x	x		
11	Văn thư viên	Văn thư viên	x	x	x	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
12	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	x	x	x	
13	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính	x	x		
14	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	x	x	x	
15	Cán sự về lưu trữ	Cán sự	x	x	x	
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực kế hoạch, tài chính</b>					
1	Chuyên viên cao cấp về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên cao cấp	x			
2	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính	x	x		
3	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên	x	x	x	
4	Chuyên viên cao cấp về thống kê	Chuyên viên cao cấp	x			
5	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính	x	x		
6	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên	x	x	x	
7	Chuyên viên cao cấp về tài chính	Chuyên viên cao cấp	x			
8	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính	x	x		
9	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	x	x	x	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
10	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)		x	x	x	
11	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	x	x		
12	Kế toán viên	Kế toán viên	x	x	x	
13	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp	x	x	x	
14	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên	x	x	x	
15	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự	x	x	x	
16	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	x	x	x	

**Phụ lục V**  
**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ**  
**TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>
1	Nhân viên kỹ thuật	x	x	x	
2	Nhân viên Y tế cơ quan	x	x	x	
3	Nhân viên Phục vụ	x	x	x	
4	Nhân viên Lễ tân	x	x	x	
5	Nhân viên Bảo vệ	x	x	x	
6	Nhân viên Lái xe	x	x	x	
	<b>VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ đặc thù theo ngành, lĩnh vực</b>				
7	Nhân viên y tế tàu kiểm ngư	x			Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn
8	Nhân viên cấp dưỡng tàu kiểm ngư	x			Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn
9	Thủy thủ	x			Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>
10	Thợ máy	x			Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; giao thông vận tải
11	Thuyền trưởng	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
12	Thuyền phó	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
13	Máy trưởng	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
14	Máy phó	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
15	Đại phó	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
16	Sỹ quan boong	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
17	Sỹ quan máy	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
18	Người lái phương tiện	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
19	Máy hai	x			Lĩnh vực giao thông vận tải
20	Nhân viên lái tàu	x			Lĩnh vực tài chính/giao thông vận tải
21	Nhân viên bảo vệ Kho bạc Nhà nước	x			Lĩnh vực tài chính
22	Nhân viên lái xe chuyên dùng chở tiền Kho bạc Nhà nước	x			Lĩnh vực tài chính

**Phụ lục VI**

**TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL của Hội đồng quản lý</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	
3	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ</b>	
1	Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	
2	Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	
3	Chánh Văn phòng	
4	Trưởng ban	
5	Vụ trưởng	
6	Phó Chánh Văn phòng	
7	Phó Trưởng ban	
8	Phó Vụ trưởng	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)	
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)	



STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
11	Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
12	Cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
13	Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ □	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
14	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
15	Người đứng đầu cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
16	Cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
17	Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ và tương đương thuộc cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
18	Phó Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ và tương đương thuộc cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
<b>III</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	
7	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam
8	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam
9	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	
10	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Bảo hiểm xã hội Việt Nam</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>VTVL của Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	
3	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ</b>		
1	Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	Tổng Giám đốc	
2	Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Tổng Giám đốc	
3	Chánh Văn phòng		
4	Trưởng ban		
5	Vụ trưởng		
6	Phó Chánh Văn phòng		
7	Phó Trưởng ban		
8	Phó Vụ trưởng		
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)		
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)		
11	Người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh	

STT	Tên vị trí việc làm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Ghi chú
12	Cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh	
13	Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng	
14	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng	
15	Người đứng đầu cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp huyện	
16	Cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp huyện	
17	Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ và tương đương thuộc cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ	
18	Phó Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ và tương đương thuộc cơ quan cấp huyện thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ	
<b>II.III</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm/ Viện trưởng/ Hiệu trưởng trường Đào tạo/ Tổng Biên tập	

STT	Tên vị trí việc làm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Ghi chú
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Viện trưởng/ Phó Hiệu trưởng trường Đào tạo/ Phó Tổng Biên tập	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)		
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)		
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng khoa	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng khoa	
7	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Trưởng phòng/ Trưởng khoa	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng khoa	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>VTVL của Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý		
3	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ</b>		
1	Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	Tổng Giám đốc	
2	Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Tổng Giám đốc	
3	Chánh Văn phòng		
4	Trưởng ban		
5	Vụ trưởng		
6	Phó Chánh Văn phòng		
7	Phó Trưởng ban		
8	Phó Vụ trưởng		
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)	Trưởng phòng/ Trưởng đại diện/ Trưởng Cơ quan thường trú TTXVN tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	

STT	Tên vị trí việc làm	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam	Ghi chú
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng đại diện/ Phó Trưởng Cơ quan thường trú TTXVN tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
<b>III</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)		
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)		
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)		
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)		
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ		
6	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ		
7	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ		

STT	Tên vị trí việc làm	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam	Ghi chú
8	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ		
9	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ		
10	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ		



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam; các tổ chức Khoa học và Công nghệ khác thuộc cơ quan thuộc Chính phủ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>VTVL của Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý/ Chủ tịch Hội đồng Học viện	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý/ Phó Chủ tịch Hội đồng Học viện	
3	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý/ Thành viên Hội đồng Học viện	
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ</b>		
1	Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	Chủ tịch Viện	
2	Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Chủ tịch viện	
3	Chánh Văn phòng		
4	Trưởng ban		
5	Vụ trưởng		
6	Phó Chánh Văn phòng		

STT	Tên vị trí việc làm	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam; các tổ chức Khoa học và Công nghệ khác thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Ghi chú
7	Phó Trưởng ban		
8	Phó Vụ trưởng		
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)		
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Văn phòng, Ban)		
<b>III</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Tổng Giám đốc/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Tổng Giám đốc/ Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc Trung tâm	
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam; các tổ chức Khoa học và Công nghệ khác thuộc cơ quan thuộc Chính phủ</b>	<b>Ghi chú</b>
6	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
7	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	

**PHỤ LỤC VII**  
**HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM**  
**ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

**I. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**

**1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

Áp dụng các VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành sau: (1) VTVL về bảo hiểm xã hội (thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội) để thực hiện nghiệp vụ quản lý thu sổ, thẻ và nghiệp vụ thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội; (2) VTVL về bảo hiểm y tế (thuộc ngành, lĩnh vực y tế) để thực hiện nghiệp vụ quản lý thu sổ, thẻ và chính sách bảo hiểm y tế; nghiệp vụ về giám định bảo hiểm y tế; (3) VTVL về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính (thuộc ngành, lĩnh vực tài chính) để thực hiện nghiệp vụ đầu tư quỹ; (4) VTVL về kiểm toán (thuộc ngành, lĩnh vực tài chính) để thực hiện nghiệp vụ về kiểm toán nội bộ.

**2. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

Áp dụng các VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành sau: (1) VTVL quản lý tài chính doanh nghiệp (thuộc ngành, lĩnh vực tài chính) để thực hiện nghiệp vụ quản lý tài chính doanh nghiệp; (2) VTVL về quản lý đầu tư (thuộc ngành, lĩnh vực kế hoạch và đầu tư) để thực hiện nghiệp vụ về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (3) VTVL về quản lý doanh nghiệp (thuộc ngành, lĩnh vực kế hoạch và đầu tư) để thực hiện nghiệp vụ về đổi mới, sắp xếp, quản trị doanh nghiệp và nghiệp vụ kiểm soát nội bộ).

**3. Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia**

Áp dụng các VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành sau: (1) VTVL về giám sát thị trường chứng khoán (thuộc ngành, lĩnh vực tài chính); (2) VTVL về bảo hiểm (thuộc ngành, lĩnh vực tài chính); (3) VTVL về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính (thuộc ngành, lĩnh vực tài chính); (4) VTVL về thanh tra, giám sát ngân hàng (thuộc ngành, lĩnh vực ngân hàng) để thực hiện nghiệp vụ giám sát thị trường tài chính quốc gia.

**II. VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ**

Áp dụng các VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ đã được hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**Phụ lục VIII**

**TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý, Hội đồng trường</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý/ Chủ tịch Hội đồng Đại học/ Chủ tịch Hội đồng trường/ Chủ tịch Hội đồng Học viện	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	Lĩnh vực tài chính; khoa học và công nghệ
3	Thành viên Hội đồng quản lý/ Thành viên Hội đồng trường	
4	Thư ký Hội đồng quản lý	Lĩnh vực tài chính
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>	
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
5	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	
6	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
11	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	
12	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	
13	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	lĩnh vực thông tin truyền thông
14	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	lĩnh vực thông tin truyền thông

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
15	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	lĩnh vực thông tin truyền thông
16	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	lĩnh vực thông tin truyền thông
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
9	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực thông tin truyền thông
10	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực thông tin truyền thông
<b>I.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	



STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>I.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
5	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực giao thông vận tải
6	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực giao thông vận tải
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực giao thông vận tải
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Lĩnh vực giao thông vận tải
<b>II</b>	<b>Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	
3	Trưởng phòng và tương đương	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	
<b>III</b>	<b>Đại học</b>	
<b>III.I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý Đại học</b>	
1	Giám đốc Đại học	
2	Phó Giám đốc Đại học	
<b>III.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học</b>	
1	Hiệu trưởng, Giám đốc và tương đương	
2	Phó Hiệu trưởng, Phó Giám đốc và tương đương	
3	Chánh Văn phòng Đại học, Trưởng ban và tương đương	
4	Phó Chánh Văn phòng Đại học, Trưởng ban và tương đương	
5	Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm và tương đương	
6	Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa, Phó Giám đốc Trung tâm và tương đương	
7	Trưởng Bộ môn thuộc khoa, Trưởng phòng thí nghiệm thuộc khoa và tương đương	
8	Phó Trưởng Bộ môn thuộc khoa, Phó Trưởng phòng thí nghiệm thuộc khoa và tương đương	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>III.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị cấu thành các tổ chức, đơn vị của Đại học</b>	
1	Trưởng khoa, Viện trưởng, Giám đốc Trung tâm, Hiệu trưởng và tương đương	
2	Phó Trưởng khoa, Phó Viện trưởng, Phó Giám đốc Trung tâm, Phó Hiệu trưởng và tương đương	
3	Trưởng phòng và tương đương	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	
5	Trưởng Bộ môn, Trưởng phòng thí nghiệm, Tổ trưởng Tổ chuyên môn, Giám đốc Chương trình, Giám đốc xưởng và tương đương	
6	Phó Trưởng Bộ môn, Phó Trưởng phòng thí nghiệm, Phó Tổ trưởng Tổ chuyên môn, Phó Giám đốc Chương trình, Phó Giám đốc xưởng và tương đương	
<b>III.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc khoa thuộc phân hiệu</b>	
1	Trưởng bộ môn	
2	Phó Trưởng bộ môn	
<b>IV</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
<b>IV.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
5	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	
6	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
11	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	
12	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	
<b>IV.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
<b>IV.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	
<b>IV.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	
<b>V</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
<b>V.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>VI</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù</b>	
1	Trưởng ban Kiểm soát	Ngành, lĩnh vực y tế
2	Phó Trưởng ban Kiểm soát	Ngành, lĩnh vực y tế
3	Thành viên ban Kiểm soát	Ngành, lĩnh vực y tế
4	Nữ hộ sinh trưởng	Ngành, lĩnh vực y tế
5	Điều dưỡng trưởng	Ngành, lĩnh vực y tế
6	Kỹ thuật y trưởng	Ngành, lĩnh vực y tế
7	Trưởng phòng khám đa khoa khu vực	Ngành, lĩnh vực y tế
8	Phó Trưởng phòng khám đa khoa khu vực	Ngành, lĩnh vực y tế
9	Trưởng Bộ môn thuộc Khoa	Ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo
10	Phó Trưởng Bộ môn thuộc Khoa	Ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC NỘI VỤ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Giám đốc	
2	Phó Giám đốc	
3	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực Tư pháp</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNNCL</b>		
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
<b>I.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc hoặc tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc hoặc tương đương	
3	Người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc ĐVSNNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Giám đốc hoặc tương đương	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNNCL thuộc ĐVSNNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc hoặc tương đương	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng hoặc tương đương	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng hoặc tương đương	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực Tư pháp</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ	Giám đốc hoặc tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ	Phó Giám đốc hoặc tương đương	
3	Trưởng phòng và tương đương	Trưởng phòng hoặc tương đương	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	Phó Trưởng phòng hoặc tương đương	
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
<b>II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc Trung tâm/ Trưởng phòng Công chứng	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Trưởng phòng Công chứng	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Trưởng Chi nhánh	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	
3	Thư ký Hội đồng quản lý	
4	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL	
3	Trưởng phòng và tương đương	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>	
1	Giám đốc	
2	Phó Giám đốc	
3	Trưởng phòng và tương đương (Trưởng Chi nhánh)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (Trưởng Chi nhánh)	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC  
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>	
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
<b>IV.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
<b>II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
<b>III.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực giao thông vận tải</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>		
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
<b>I.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Ban Quản lý dự án	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng	
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>		

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực giao thông vận tải	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Tổng Giám đốc Trung tâm/ Giám đốc Trung tâm/ Giám đốc Ban Quản lý dự án	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Tổng Giám đốc Trung tâm/ Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng	
<b>I.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ</b>		

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực giao thông vận tải</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm/ Giám đốc Cụm phà	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Giám đốc Cụm phà	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Bến trưởng/ Xưởng trưởng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Khu thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Bến trưởng/ Xưởng phó	
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
<b>II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc Ban Quản lý dự án	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng	
<b>II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực giao thông vận tải	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc Ban Quản lý dự án/ Giám đốc Bến xe/ Giám đốc Ban Quản lý Cảng/ Giám đốc Khu Quản lý, bảo trì đường bộ/ Giám đốc Trung tâm/ Trưởng Ban Quản lý dự án/ Trạm trưởng/ Giám đốc Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông/ Giám đốc Ban Duy tu/ Giám đốc Trung tâm Quản lý, bảo trì giao thông công cộng/ Giám đốc Trung tâm Quản lý và giám sát giao thông	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án/ Phó Giám đốc Bến xe/ Phó Giám đốc Ban Quản lý Cảng/ Phó Giám đốc Khu Quản lý, bảo trì đường bộ/ Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Trưởng Ban Quản lý dự án/ Phó Trạm trưởng/ Phó Giám đốc Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông/ Phó Giám đốc Ban Duy tu/ Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý, bảo trì giao thông công cộng/ Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý và giám sát giao thông	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Đội trưởng/ Ca trưởng/ Trưởng bến	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Đội trưởng/ Phó Trưởng bến	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL	Giám đốc hoặc tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL	Phó Giám đốc hoặc tương đương	
3	Trưởng phòng thuộc ĐVSNCL	Trưởng phòng hoặc tương đương	
5	Phó Trưởng phòng thuộc ĐVSNCL	Phó Trưởng phòng hoặc tương đương	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**  
**TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên và môi trường</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>		
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Tổng Giám đốc/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm/ Liên đoàn trưởng	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Ghi chú
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Liên đoàn trưởng	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Trưởng ban/ Chánh Văn phòng	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng ban/ Phó Chánh Văn phòng	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Trưởng trạm/ Đoàn trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng trạm/ Đoàn trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm/ Giám đốc Đài khí tượng thủy văn khu vực/ Liên đoàn trưởng/ Trưởng ban	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Giám đốc Đài khí tượng thủy văn khu vực/ Phó Liên đoàn trưởng/ Phó Trưởng ban	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm/ Giám đốc Đài khí tượng thủy văn tỉnh/ Đoàn trưởng/ Trưởng trạm	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Ghi chú
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Giám đốc Đài khí tượng thủy văn tỉnh/ Phó Đoàn trưởng/ Phó Trưởng trạm	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng	
<b>I.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm/ Liên đoàn trưởng	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Liên đoàn trưởng	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Giám đốc trung tâm/ Đoàn trưởng/ Giám đốc chi nhánh	



STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Ghi chú
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc trung tâm/ Phó Đoàn trưởng/ Phó Giám đốc chi nhánh	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng	
<b>I.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm/ Liên đoàn trưởng	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Liên đoàn trưởng	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng	
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
<b>II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng	
<b>II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Giám đốc Trung tâm/ Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Giám đốc Chi nhánh	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Giám đốc Chi nhánh	
<b>II.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Giám đốc Trung tâm	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên và môi trường</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng	
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>		
<b>III.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Giám đốc Trung tâm/ Trưởng ban	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Trưởng ban	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>	
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
<b>I.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
7	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
11	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
12	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
7	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
<b>I.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Bổ sung VTVL theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Bổ sung VTVL theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi nhánh và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	
<b>I.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	
<b>II</b>	<b>Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
<b>II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	



STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	
<b>II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
<b>III.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực lao động, người có công và xã hội</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Chủ tịch Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng trường	
3	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
4	Thành viên Hội đồng trường	Thành viên Hội đồng trường	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>		
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
<b>I.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Hiệu trưởng Trường Đại học/ Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề/ Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học/ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng/ Phó Hiệu trưởng Trường Trung cấp/ Phó Giám đốc Trung tâm	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	Ghi chú
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Trưởng khoa/ Trưởng bộ môn	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng khoa/ Phó Trưởng bộ môn	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Trưởng khoa/ Trưởng bộ môn	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng khoa/ Phó Trưởng bộ môn	
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Viện trưởng	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	Ghi chú
<b>I.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)		
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)		
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)		
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)		
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
<b>II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc Trung tâm/ Giám đốc cơ sở	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Giám đốc cơ sở	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Trưởng khoa/ Trưởng bộ môn/ Đội trưởng	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	Ghi chú
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng khoa/ Phó trưởng bộ môn/ Phó đội trưởng	
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>		
<b>III.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Tổ trưởng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Tổ phó	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>		
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
<b>I.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc và tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc và tương đương	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Giám đốc	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Ghi chú
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng và tương đương	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng và tương đương	
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Giám đốc và tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc và tương đương	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Giám đốc	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng và tương đương	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng và tương đương	
<b>I.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Giám đốc	



STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Ghi chú
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Giám đốc	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng	
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
<b>II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc và tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc và tương đương	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng và tương đương	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng và tương đương	
<b>II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc và tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc và tương đương	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Giám đốc	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Giám đốc	
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng và tương đương	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng và tương đương	
<b>II.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Giám đốc và tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Giám đốc và tương đương	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Trưởng phòng và tương đương	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Ghi chú
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Trưởng phòng và tương đương	
<b>III</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>		
<b>III.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Giám đốc và tương đương	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Phó Giám đốc và tương đương	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Trưởng phòng và tương đương	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Phó Trưởng phòng và tương đương	

**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực khoa học và công nghệ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý	
3	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	Bao gồm Thư ký HĐQL
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>		
<b>I</b>	<b>Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
<b>I.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 th	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
5	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
6	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng ban/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng ban/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
11	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng ban/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện/ Giám đốc Trại, trạm nghiên cứu	
12	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc Bộ)	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện/ Phó Giám đốc Trại, trạm nghiên cứu	
<b>I.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
<b>I.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
5	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
<b>I.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Cục và tổ chức tương đương Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	



STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
<b>II</b>	<b>Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL trực thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL trực thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL trực thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng Chi nhánh/Trưởng Văn phòng đại diện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL công lập trực thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
<b>III</b>	<b>ĐVSNCL là đơn vị trực thuộc hoặc thành viên Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL trực thuộc (hoặc là thành viên) Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là ĐVSNCL cấp 1 thuộc ĐHQG)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL trực thuộc (hoặc là thành viên) Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là ĐVSNCL cấp 1 thuộc ĐHQG)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
3	Người đứng đầu ĐVSNCL trực thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc ĐHQG (sau đây gọi là ĐVSNCL cấp 2 thuộc ĐHQG)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL trực thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc ĐHQG (sau đây gọi là ĐVSNCL cấp 2 thuộc ĐHQG)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
5	Trưởng phòng và tương đương thuộc tổ chức KH&CN công lập cấp 1 thuộc ĐHQG	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng ban/ Trưởng Văn phòng đại diện	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc tổ chức KH&CN công lập cấp 1 thuộc ĐHQG	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
7	Trưởng phòng và tương đương thuộc tổ chức KH&CN công lập cấp 2 thuộc ĐHQG	Chánh Văn phòng/ Trưởng phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng ban/ Trưởng Văn phòng đại diện	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc tổ chức KH&CN công lập cấp 2 thuộc ĐHQG	Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
<b>IV</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
<b>IV.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
5	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
6	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
9	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
10	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
11	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
12	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 3 thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
<b>IV.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
4	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
7	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
8	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
<b>IV.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL thuộc Chi cục thuộc Sở và tương đương)	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	
<b>IV.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>		

STT	Tên vị trí việc làm	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	Ghi chú
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Trưởng phòng/ Chánh Văn phòng/ Trưởng Chi nhánh/ Trưởng Văn phòng đại diện	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh	Phó Trưởng phòng/ Phó Chánh Văn phòng/ Phó Trưởng Chi nhánh/ Phó Trưởng Văn phòng đại diện	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL đã được hướng dẫn tại Thông tư</b>	
<b>I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non</b>	
1	Hiệu trưởng	
2	Phó Hiệu trưởng	
<b>II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập</b>	
1	Hiệu trưởng	
2	Phó Hiệu trưởng	
<b>B</b>	<b>VTVL chưa được hướng dẫn tại Thông tư</b>	
<b>I</b>	<b>Đại học</b>	
<b>I.I</b>	<b>VTVL Hội đồng trường</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng Đại học/ Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học/ Chủ tịch Hội đồng Học viện	
<b>I.II</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>	
<b>I.II.I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý Đại học</b>	
1	Giám đốc Đại học	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
2	Phó Giám đốc Đại học	
<b>I.II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học</b>	
1	Hiệu trưởng, Giám đốc và tương đương	
2	Phó Hiệu trưởng, Phó Giám đốc và tương đương	
3	Chánh Văn phòng Đại học, Trưởng ban và tương đương	
4	Phó Chánh Văn phòng Đại học, Trưởng ban và tương đương	
5	Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm và tương đương	
6	Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa, Phó Giám đốc Trung tâm và tương đương	
7	Trưởng Bộ môn thuộc khoa, Trưởng phòng thí nghiệm thuộc khoa và tương đương	
8	Phó Trưởng Bộ môn thuộc khoa, Phó Trưởng phòng thí nghiệm thuộc khoa và tương đương	
<b>I.II.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị cấu thành các tổ chức, đơn vị của Đại học</b>	
1	Trưởng khoa, Viện trưởng, Giám đốc Trung tâm, Hiệu trưởng và tương đương	
2	Phó Trưởng khoa, Phó Viện trưởng, Phó Giám đốc Trung tâm, Phó Hiệu trưởng và tương đương	
3	Trưởng phòng và tương đương	
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	



STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
5	Trưởng Bộ môn, Trưởng phòng thí nghiệm, Tổ trưởng Tổ chuyên môn, Giám đốc Chương trình, Giám đốc xưởng và tương đương	
6	Phó Trưởng Bộ môn, Phó Trưởng phòng thí nghiệm, Phó Tổ trưởng Tổ chuyên môn, Phó Giám đốc Chương trình, Phó Giám đốc xưởng và tương đương	
<b>I.II.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc khoa thuộc phân hiệu</b>	
1	Trưởng bộ môn	
2	Phó Trưởng bộ môn	
<b>II</b>	<b>Trường Đại học/ Học viện trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b>	
<b>II.I</b>	<b>VTVL Hội đồng trường</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học/ Chủ tịch Hội đồng Học viện	
<b>II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>	
<b>II.II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý Trường đại học/ Học viện</b>	
1	Hiệu trưởng Trường Đại học/ Giám đốc Học viện	
2	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học/ Phó Giám đốc Học viện	
<b>II.II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Trường đại học/ Học viện (đơn vị cấp 1)</b>	
1	Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Trưởng phòng, Giám đốc Phân hiệu, Giám đốc Trung tâm và tương đương	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
2	Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng bộ môn, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc Phân hiệu, Phó Giám đốc Trung tâm và tương đương	
3	Giám đốc Ban Quản lý, Giám đốc Thư viện, Giám đốc xưởng và tương đương	
4	Phó Giám đốc Ban Quản lý, Phó Giám đốc Thư viện, Phó Giám đốc xưởng và tương đương	
5	Hiệu trưởng Trường thuộc Trường đại học	
6	Phó Hiệu trưởng Trường thuộc Trường đại học	
<b>II.II.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị cấu thành các tổ chức, đơn vị của Trường đại học/ Học viện</b>	
1	Trưởng bộ môn thuộc khoa, Trưởng khoa thuộc Phân hiệu, Trưởng phòng thí nghiệm và tương đương	
2	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa, Phó Trưởng khoa thuộc Phân hiệu, Phó Trưởng phòng thí nghiệm và tương đương	
<b>II.II.IV</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc khoa của phân hiệu</b>	
1	Trưởng bộ môn	
2	Phó Trưởng bộ môn	
<b>III</b>	<b>Trường Cao đẳng Sư phạm</b>	
<b>III.I</b>	<b>VTVL Hội đồng trường</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng trường Cao đẳng Sư phạm	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>III.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>	
<b>III.II.I</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trường Cao đẳng Sư phạm</b>	
1	Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm	
2	Phó hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm	
<b>III.II.II</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm</b>	
1	Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng bộ môn, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Giám đốc Ban Quản lý, Trưởng trạm và tương đương	
4	Phó Giám đốc Ban Quản lý, Phó Trưởng trạm và tương đương	
<b>III.II.III</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý các tổ chức, đơn vị cấu thành tổ chức, đơn vị của Trường Cao đẳng Sư phạm</b>	
1	Trưởng Bộ môn và tương đương	
2	Phó Trưởng Bộ môn và tương đương	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC YẾ**

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Ủy viên Hội đồng quản lý	
3	Trưởng ban kiểm soát	
4	Phó Trưởng ban kiểm soát	
5	Ủy viên kiểm soát	
6	Giám đốc Bệnh viện/ Viện trưởng Viện có giường bệnh	
7	Phó Giám đốc Bệnh viện/ Phó Viện trưởng Viện có giường bệnh	
8	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm thuộc Bệnh viện/ Viện có giường bệnh	
9	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm thuộc Bệnh viện/ Viện có giường bệnh	
10	Trưởng khoa bệnh viện/ Viện có giường bệnh	
11	Phó Trưởng khoa bệnh viện/ Viện có giường bệnh	
12	Trưởng phòng và chức vụ tương đương của bệnh viện/ viện có giường bệnh	
13	Phó Trưởng phòng và chức vụ tương đương của bệnh viện/ viện có giường bệnh	
14	Trưởng khoa, phòng và tương đương của Viện/ Trung tâm thuộc bệnh viện	
15	Phó Trưởng khoa, phòng và tương đương của Viện/ Trung tâm thuộc bệnh viện	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
16	Hộ sinh trưởng	
17	Điều dưỡng trưởng	
18	Kỹ thuật y trưởng	
<b>II</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b>	
1	Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	
2	Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	
3	Trưởng khoa, phòng thuộc Trung tâm	
4	Phó Trưởng khoa, phòng thuộc Trung tâm	
5	Trưởng phòng khám đa khoa, chuyên khoa	
6	Phó Trưởng phòng khám đa khoa, chuyên khoa	
<b>III</b>	<b>Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b>	
1	Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng khoa, phòng thuộc Trung tâm	
4	Phó Trưởng khoa, phòng thuộc Trung tâm	
5	Trưởng phòng khám đa khoa, chuyên khoa	
6	Phó Trưởng phòng khám đa khoa, chuyên khoa	
7	Điều dưỡng trưởng	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
8	Hộ sinh trưởng	
9	Kỹ thuật y trưởng	
10	Trưởng phòng khám đa khoa khu vực (nếu có)	
11	Phó Trưởng phòng khám đa khoa khu vực (nếu có)	
<b>IV</b>	<b>Trạm y tế xã, phường, thị trấn</b>	
1	Trưởng trạm Y tế	
2	Phó Trưởng trạm Y tế	
<b>V</b>	<b>Cơ sở Kiểm nghiệm Dược, Mỹ phẩm, Thực phẩm, Trang thiết bị y tế</b>	
1	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
4	Phó Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
<b>VI</b>	<b>Cơ sở Pháp y</b>	
1	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
4	Phó Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
<b>VII</b>	<b>Cơ sở Giám định y khoa</b>	

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
1	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
4	Phó Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
<b>VIII</b>	<b>Cơ sở Pháp y tâm thần</b>	
1	Viện trưởng/ Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Viện trưởng/ Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
4	Phó Trưởng khoa, phòng thuộc Viện/ Trung tâm	
<b>IX</b>	<b>Trung tâm Cấp cứu 115</b>	
1	Giám đốc Trung tâm	
2	Phó Giám đốc Trung tâm	
3	Trưởng khoa, phòng và tương đương thuộc Trung tâm	
4	Phó Trưởng khoa, phòng và tương đương thuộc Trung tâm	
5	Điều dưỡng trưởng	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Lĩnh vực ngân hàng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>VTVL Hội đồng quản lý</b>		
1	Chủ tịch Hội đồng quản lý	Chủ tịch Hội đồng quản lý	
2	Thành viên Hội đồng quản lý	Thành viên Hội đồng quản lý	
<b>B</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL</b>		
1	Tổng Giám đốc		
2	Phó Tổng Giám đốc		
3	Trưởng phòng và tương đương		
4	Phó Trưởng phòng và tương đương		
5	Giám đốc Chi nhánh		
6	Phó Giám đốc Chi nhánh		
7	Trưởng phòng và tương đương trực thuộc Chi nhánh		
8	Phó Trưởng phòng và tương đương trực thuộc Chi nhánh		



**Phụ lục IX**  
**TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH**

STT	Ngành, lĩnh vực	Tổng cộng	Chia ra						Ngạch khác			Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Chưa xếp hạng	Chuyên viên chính hoặc tương đương	Chuyên viên hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	
1	Ngành, lĩnh vực nội vụ	3	1	1	1							
2	Ngành, lĩnh vực tư pháp	15	3	5	7							
3	Ngành, lĩnh vực tài chính	17	1	6	8	1	1					
4	Ngành, lĩnh vực công thương	26		13	13							
5	Ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	63		21	21	21						
6	Ngành, lĩnh vực giao thông vận tải	58	8	9	12	11		18				
7	Ngành, lĩnh vực xây dựng	10	3	3	3	1						
8	Ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường	34	8	10	10	6						
9	Ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông	36	10	11	9	6						
10	Ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	21	2	6	8	5						
11	Ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	33	6	9	9	9						
12	Ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ	16	4	4	4	2			1	1		
13	Ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo	25	6	7	8			4				
14	Ngành, lĩnh vực y tế	33	3	9	11	8		2				
15	Ngành, lĩnh vực ngân hàng	2		1	1							
	<b>Tổng số</b>	<b>392</b>	<b>55</b>	<b>115</b>	<b>125</b>	<b>70</b>	<b>1</b>	<b>24</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC NỘI VỤ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lưu trữ viên chính	Hạng I	
2	Lưu trữ viên	Hạng II	
3	Lưu trữ viên trung cấp	Hạng III	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lý lịch tư pháp hạng I	Hạng I	x		
2	Lý lịch tư pháp hạng II	Hạng II	x		
3	Lý lịch tư pháp hạng III	Hạng III	x		
4	Đăng ký biện pháp bảo đảm hạng I	Hạng I	x		
5	Đăng ký biện pháp bảo đảm hạng II	Hạng II	x		
6	Đăng ký biện pháp bảo đảm hạng III	Hạng III	x		
7	Hỗ trợ pháp lý hạng II	Hạng II	x	x	Lĩnh vực cung ứng dịch vụ thông tin, hỗ trợ pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; Thực hành nghề luật và tư vấn pháp luật thuộc phạm vi quản lý của đơn vị thuộc Bộ; Lĩnh vực thông tin, tư vấn công chứng thuộc phạm vi quản lý thuộc Sở
8	Hỗ trợ pháp lý hạng III	Hạng III	x	x	
9	Công chứng viên hạng III	Hạng III		x	
10	Đấu giá viên hạng III	Hạng III		x	
11	Trợ giúp viên pháp lý hạng I	Hạng I		x	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Ghi chú</b>
12	Trợ giúp viên pháp lý hạng II	Hạng II		x	
13	Trợ giúp viên pháp lý hạng III	Hạng III		x	
14	Hỗ trợ nghiệp vụ hạng II	Hạng II		x	
15	Hỗ trợ nghiệp vụ hạng III	Hạng III		x	Lĩnh vực cung ứng dịch vụ trợ giúp pháp lý/ công chứng/ đấu giá tài sản

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giá hạng II	Hạng II	
2	Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giá hạng III	Hạng III	
3	Tính toán bảo hiểm hạng I	Hạng I	
4	Tính toán bảo hiểm hạng II	Hạng II	
5	Tính toán bảo hiểm hạng III	Hạng III	
6	Triển khai, thử nghiệm công nghệ bảo quản hạng II	Hạng II	
7	Triển khai, thử nghiệm công nghệ bảo quản hạng III	Hạng III	
8	Thử nghiệm chất lượng hàng dự trữ hạng II	Hạng II	
9	Thử nghiệm chất lượng hàng dự trữ hạng III	Hạng III	
10	Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị bảo quản hạng II	Hạng II	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
11	Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị bảo quản hạng III	Hạng III	
12	Phân tích hàng hóa xuất nhập khẩu hạng II	Hạng II	
13	Phân tích hàng hóa xuất nhập khẩu hạng III	Hạng III	
14	Quản lý phòng thí nghiệm, phòng máy, tiếp nhận mẫu hạng III	Hạng III	
15	Quản lý phòng thí nghiệm, phòng máy, tiếp nhận mẫu hạng IV	Hạng IV	
16	Quản lý phòng thí nghiệm, phòng máy, tiếp nhận mẫu hạng V	Hạng V	
17	Dịch vụ tài chính hạng III	Hạng III	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khuyến công hạng II	Hạng II	
2	Khuyến công hạng III	Hạng III	
3	Ứng phó sự cố và an toàn hóa chất hạng II	Hạng II	
4	Ứng phó sự cố và an toàn hóa chất hạng III	Hạng III	
5	Cảnh báo sớm trong phòng vệ thương mại hạng II	Hạng II	
6	Cảnh báo sớm trong phòng vệ thương mại hạng III	Hạng III	
7	Phát triển thị trường điện hạng II	Hạng II	
8	Phát triển thị trường điện hạng III	Hạng III	
9	Quản lý dự án năng lượng hạng II	Hạng II	
10	Quản lý dự án năng lượng hạng III	Hạng III	
11	Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số hạng II	Hạng II	
12	Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số hạng III	Hạng III	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
13	Hỗ trợ phát triển công nghiệp hạng II	Hạng II	
14	Hỗ trợ phát triển công nghiệp hạng III	Hạng III	
15	Hỗ trợ xuất nhập khẩu hạng II	Hạng II	
16	Hỗ trợ xuất nhập khẩu hạng III	Hạng III	
17	Xúc tiến thương mại và đầu tư hạng II	Hạng II	
18	Xúc tiến thương mại và đầu tư hạng III	Hạng III	
19	Phát triển công nghiệp môi trường hạng II	Hạng II	
20	Phát triển công nghiệp môi trường hạng III	Hạng III	
21	Hỗ trợ điện lực và năng lượng tái tạo hạng II	Hạng II	
22	Hỗ trợ điện lực và năng lượng tái tạo hạng III	Hạng III	
23	Hỗ trợ cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hạng II	Hạng II	
24	Hỗ trợ cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hạng III	Hạng III	
25	Chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại hạng II	Hạng II	
26	Chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại hạng III	Hạng III	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khuyến nông hạng II	Hạng II	
2	Khuyến nông hạng III	Hạng III	
3	Khuyến nông hạng IV	Hạng IV	
4	Kiểm nghiệm cây trồng hạng II	Hạng II	
5	Kiểm nghiệm cây trồng hạng III	Hạng III	
6	Kiểm nghiệm cây trồng hạng IV	Hạng IV	
7	Bảo vệ thực vật hạng II	Hạng II	
8	Bảo vệ thực vật hạng III	Hạng III	
9	Bảo vệ thực vật hạng IV	Hạng IV	
10	Giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng II	Hạng II	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
11	Giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng III	Hạng III	
12	Giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV	Hạng IV	
13	Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu hạng II	Hạng II	
14	Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu hạng III	Hạng III	
15	Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu hạng IV	Hạng IV	
16	Giám định kiểm dịch thực vật hạng II	Hạng II	
17	Giám định kiểm dịch thực vật hạng III	Hạng III	
18	Giám định kiểm dịch thực vật hạng IV	Hạng IV	
19	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm phân bón hạng II	Hạng II	
20	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm phân bón hạng III	Hạng III	
21	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm phân bón hạng IV	Hạng IV	
22	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm chăn nuôi hạng II	Hạng II	
23	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm chăn nuôi hạng III	Hạng III	
24	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV	Hạng IV	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
25	Kiểm nghiệm thuốc thú y hạng II	Hạng II	
26	Kiểm nghiệm thuốc thú y hạng III	Hạng III	
27	Kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV	Hạng IV	
28	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng II	Hạng II	
29	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng III	Hạng III	
30	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV	Hạng IV	
31	Chẩn đoán bệnh động vật hạng II	Hạng II	
32	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	Hạng III	
33	Chẩn đoán bệnh động vật hạng IV	Hạng IV	
34	Kiểm nghiệm thủy sản hạng II	Hạng II	
35	Kiểm nghiệm thủy sản hạng III	Hạng III	
36	Kiểm nghiệm thủy sản hạng IV	Hạng IV	
37	Quản lý, bảo vệ rừng hạng II	Hạng II	
38	Quản lý, bảo vệ rừng hạng III	Hạng III	
39	Quản lý, bảo vệ rừng hạng IV	Hạng IV	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
40	Đăng kiểm tàu cá hạng II	Hạng II	
41	Đăng kiểm tàu cá hạng III	Hạng III	
42	Đăng kiểm tàu cá hạng IV	Hạng IV	
43	Đánh giá chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản hạng II	Hạng II	
44	Đánh giá chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản hạng III	Hạng III	
45	Đánh giá chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản hạng IV	Hạng IV	
46	Kỹ thuật thủy lợi hạng II	Hạng II	
47	Kỹ thuật thủy lợi hạng III	Hạng III	
48	Kỹ thuật thủy lợi hạng IV	Hạng IV	
49	Kỹ thuật nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hạng II	Hạng II	
50	Kỹ thuật nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hạng III	Hạng III	
51	Kỹ thuật nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hạng IV	Hạng IV	
52	Kỹ thuật đê điều và phòng chống thiên tai hạng II	Hạng II	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
53	Kỹ thuật đê điều và phòng chống thiên tai hạng III	Hạng III	
54	Kỹ thuật đê điều và phòng chống thiên tai hạng IV	Hạng IV	
55	Điều tra nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản hạng II	Hạng II	
56	Điều tra nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản hạng III	Hạng III	
57	Điều tra nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản hạng IV	Hạng IV	
58	Quản lý, vận hành cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, khu bảo tồn biển hạng II	Hạng II	
59	Quản lý, vận hành cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, khu bảo tồn biển hạng III	Hạng III	
60	Quản lý, vận hành cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, khu bảo tồn biển hạng IV	Hạng IV	
61	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng II	Hạng II	
62	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng III	Hạng III	
63	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi hạng IV	Hạng IV	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Quản lý dự án hạng I	Hạng I	Bao gồm quản lý dự án đường bộ; quản lý dự án đường sắt; quản lý dự án đường thủy; quản lý dự án hàng hải
2	Quản lý dự án hạng II	Hạng II	
3	Quản lý dự án hạng III	Hạng III	
4	Quản lý dự án hạng IV	Hạng IV	
5	Thông tin an ninh hàng hải hạng I	Hạng I	
6	Thông tin an ninh hàng hải hạng II	Hạng II	
7	Thông tin an ninh hàng hải hạng III	Hạng III	
8	Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hạng I	Hạng I	
9	Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hạng II	Hạng II	
10	Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hạng III	Hạng III	
11	Thuyền trưởng		
12	Máy trưởng		

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
13	Đại phó		
14	Máy hai		
15	Thuyền phó hai		
16	Máy ba		
17	Thuyền phó ba		
18	Máy tư		
19	Sỹ quan kỹ thuật điện		
20	Thủy thủ trưởng		
21	Thủy thủ		
22	Thợ máy		
23	Thợ kỹ thuật điện		
24	Nhân viên cứu nạn		
25	Bác sỹ tàu		
26	Y tá tàu		

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
27	Phục vụ viên		
28	Cấp dưỡng		
29	Kỹ thuật viên đường bộ hạng I	Hạng I	
30	Kỹ thuật viên đường bộ hạng II	Hạng II	
31	Kỹ thuật viên đường bộ hạng III	Hạng III	
32	Kỹ thuật viên đường bộ hạng IV	Hạng IV	
33	Kỹ thuật viên bến phà hạng II	Hạng II	
34	Kỹ thuật viên bến phà hạng III	Hạng III	
35	Viên chức Đăng kiểm hạng I	Hạng I	
36	Viên chức Đăng kiểm hạng II	Hạng II	
37	Viên chức Đăng kiểm hạng III	Hạng III	
38	Viên chức Đăng kiểm hạng IV	Hạng IV	
39	Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ hạng III	Hạng III	
40	Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ hạng IV	Hạng IV	



<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
41	Quản lý bến xe hạng III	Hạng III	
42	Quản lý bến xe hạng IV	Hạng IV	
43	Quản lý vận tải quá cảnh hạng III	Hạng III	
44	Quản lý vận tải quá cảnh hạng IV	Hạng IV	
45	Kiểm tra tải trọng xe hạng III	Hạng IV	
46	Kiểm tra tải trọng xe hạng IV	Hạng IV	
47	Quản lý, bảo trì công trình giao thông hạng I	Hạng I	
48	Quản lý, bảo trì công trình giao thông hạng II	Hạng II	
49	Quản lý, bảo trì công trình giao thông hạng III	Hạng III	
50	Quản lý, bảo trì công trình giao thông hạng IV	Hạng IV	
51	Quản lý bến cảng hạng I	Hạng I	
52	Quản lý bến cảng hạng II	Hạng II	
53	Quản lý bến cảng hạng III	Hạng III	
54	Quản lý bến cảng hạng IV	Hạng IV	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
55	Vận hành, khai thác giao thông công cộng hạng I	Hạng I	
56	Vận hành, khai thác giao thông công cộng hạng II	Hạng II	
57	Vận hành, khai thác giao thông công cộng hạng III	Hạng III	
58	Vận hành, khai thác giao thông công cộng hạng IV	Hạng IV	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Kiến trúc sư hạng I	Hạng I	
2	Kiến trúc sư hạng II	Hạng II	
3	Kiến trúc sư hạng III	Hạng III	
4	Thẩm kế viên hạng I	Hạng I	
5	Thẩm kế viên hạng II	Hạng II	
6	Thẩm kế viên hạng III	Hạng III	
7	Thẩm kế viên hạng IV	Hạng IV	
8	Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng I	Hạng I	
9	Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng II	Hạng II	
10	Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng III	Hạng III	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Địa chính viên hạng I	Hạng I	
2	Địa chính viên hạng II	Hạng II	
3	Địa chính viên hạng III	Hạng III	
4	Địa chính viên hạng IV	Hạng IV	
5	Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng I	Hạng I	
6	Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II	Hạng II	
7	Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	Hạng III	
8	Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV	Hạng IV	
9	Xử lý viên ô nhiễm môi trường hạng I	Hạng I	
10	Xử lý viên ô nhiễm môi trường hạng II	Hạng II	
11	Xử lý viên ô nhiễm môi trường hạng III	Hạng III	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
12	Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng I	Hạng I	
13	Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II	Hạng II	
14	Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III	Hạng III	
15	Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng IV	Hạng IV	
16	Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng I	Hạng I	
17	Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II	Hạng II	
18	Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III	Hạng III	
19	Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV	Hạng IV	
20	Đo đạc bản đồ viên hạng I	Hạng I	
21	Đo đạc bản đồ viên hạng II	Hạng II	
22	Đo đạc bản đồ viên hạng III	Hạng III	
23	Đo đạc bản đồ viên hạng IV	Hạng IV	
24	Viễn thám viên hạng II	Hạng II	
25	Viễn thám viên hạng III	Hạng III	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
26	Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II	Hạng II	
27	Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	Hạng III	
28	Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV	Hạng IV	
29	Kiểm chuẩn thiết bị viên hạng I	Hạng I	
30	Kiểm chuẩn thiết bị viên hạng II	Hạng II	
31	Kiểm chuẩn thiết bị viên hạng III	Hạng III	
32	Phân tích thí nghiệm hạng I	Hạng I	
33	Phân tích thí nghiệm hạng II	Hạng II	
34	Phân tích thí nghiệm hạng III	Hạng III	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Biên tập viên hạng I	Hạng I	
2	Biên tập viên hạng II	Hạng II	
3	Biên tập viên hạng III	Hạng II	
4	Phóng viên hạng I	Hạng I	
5	Phóng viên hạng II	Hạng II	
6	Phóng viên hạng III	Hạng III	
7	Biên dịch viên hạng I	Hạng I	
8	Biên dịch viên hạng II	Hạng II	
9	Biên dịch viên hạng III	Hạng III	
10	Đạo diễn truyền hình hạng I	Hạng I	
11	Đạo diễn truyền hình hạng II	Hạng II	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
12	Đạo diễn truyền hình hạng III	Hạng III	
13	Âm thanh viên hạng I	Hạng I	
14	Âm thanh viên hạng II	Hạng II	
15	Âm thanh viên hạng III	Hạng III	
16	Âm thanh viên hạng IV	Hạng IV	
17	Kỹ thuật dựng phim hạng I	Hạng I	
18	Kỹ thuật dựng phim hạng II	Hạng II	
19	Kỹ thuật dựng phim hạng III	Hạng III	
20	Kỹ thuật dựng phim hạng IV	Hạng IV	
21	Phát thanh viên hạng I	Hạng I	
22	Phát thanh viên hạng II	Hạng II	
23	Phát thanh viên hạng III	Hạng III	
24	Phát thanh viên hạng IV	Hạng IV	



STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Ghi chú
25	Quay phim viên hạng I	Hạng I	
26	Quay phim viên hạng II	Hạng II	
27	Quay phim viên hạng III	Hạng III	
28	Quay phim viên hạng IV	Hạng IV	
29	An toàn thông tin hạng I	Hạng I	
30	An toàn thông tin hạng II	Hạng II	
31	An toàn thông tin hạng III	Hạng III	
32	An toàn thông tin hạng IV	Hạng IV	
33	Công nghệ thông tin hạng I	Hạng I	
34	Công nghệ thông tin hạng II	Hạng II	
35	Công nghệ thông tin hạng III	Hạng III	
36	Công nghệ thông tin hạng IV	Hạng IV	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I)	Hạng I	
2	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II)	Hạng II	
3	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	Hạng III	
4	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III)	Hạng III	
5	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng I	Hạng I	
6	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II	Hạng II	
7	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	Hạng III	
8	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III	Hạng III	
9	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	Hạng IV	
10	Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động	Hạng II	
11	Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động	Hạng III	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
12	Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Hạng IV	
13	Công tác xã hội viên chính	Hạng II	
14	Công tác xã hội viên	Hạng III	
15	Nhân viên công tác xã hội	Hạng IV	
16	Tư vấn viên dịch vụ việc làm hạng II	Hạng II	
17	Tư vấn viên dịch vụ việc làm hạng III	Hạng III	
18	Nhân viên tư vấn dịch vụ việc làm hạng IV	Hạng IV	
19	Quản học viên chính (Quản học viên hạng II)	Hạng II	
20	Quản học viên (Quản học viên hạng III)	Hạng III	
21	Quản học viên trung cấp (Quản học viên hạng IV)	Hạng IV	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Thư viện viên hạng I	Hạng I	x	x		
2	Thư viện viên hạng II	Hạng II	x	x	x	
3	Thư viện viên hạng III	Hạng III	x	x	x	
4	Thư viện viên hạng IV	Hạng IV	x	x	x	
5	Di sản viên hạng I	Hạng I	x	x		
6	Di sản viên hạng II	Hạng II	x	x	x	
7	Di sản viên hạng III	Hạng III	x	x	x	
8	Di sản viên hạng IV	Hạng IV	x	x	x	
9	Phương pháp viên hạng II	Hạng II	x	x	x	
10	Phương pháp viên hạng III	Hạng III	x	x	x	
11	Phương pháp viên hạng IV	Hạng IV	x	x	x	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
12	Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	Hạng II	x	x	x	
13	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	Hạng III	x	x	x	
14	Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	Hạng IV	x	x	x	
15	Đạo diễn nghệ thuật hạng I	Hạng I	x	x		
16	Đạo diễn nghệ thuật hạng II	Hạng II	x	x	x	
17	Đạo diễn nghệ thuật hạng III	Hạng III	x	x	x	
18	Đạo diễn nghệ thuật hạng IV	Hạng IV	x	x	x	
19	Diễn viên hạng I	Hạng I	x	x		
20	Diễn viên hạng II	Hạng II	x	x	x	
21	Diễn viên hạng III	Hạng III	x	x	x	
22	Diễn viên hạng IV	Hạng IV	x	x	x	
23	Họa sĩ hạng I	Hạng I	x	x		
24	Họa sĩ hạng II	Hạng II	x	x	x	
25	Họa sĩ hạng III	Hạng III	x	x	x	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Cấp trung ương</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Ghi chú</b>
26	Họa sĩ hạng IV	Hạng IV	x	x	x	
27	Tuyên truyền viên văn hóa chính	Hạng II	x	x		
28	Tuyên truyền viên văn hóa	Hạng III	x	x	x	
29	Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp	Hạng IV	x	x	x	
30	Huấn luyện viên cao cấp hạng I	Hạng I	x	x		
31	Huấn luyện viên chính hạng II	Hạng II	x	x	x	
32	Huấn luyện viên hạng III	Hạng III	x	x	x	
33	Hướng dẫn viên hạng IV	Hạng IV	x	x	x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nghiên cứu viên cao cấp	Hạng I	
2	Nghiên cứu viên chính	Hạng II	
3	Nghiên cứu viên	Hạng III	
4	Trợ lý nghiên cứu	Hạng IV	
5	Kỹ sư cao cấp	Hạng I	
6	Kỹ sư chính	Hạng II	
7	Kỹ sư	Hạng III	
8	Kỹ thuật viên	Hạng IV	
9	Đánh giá sự phù hợp hạng I	Hạng I	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
10	Đánh giá sự phù hợp hạng II	Hạng II	
11	Đánh giá sự phù hợp hạng III	Hạng III	
12	Năng suất, chất lượng hạng I	Hạng I	
13	Năng suất, chất lượng hạng II	Hạng II	
14	Năng suất, chất lượng hạng III	Hạng III	
15	Sở hữu trí tuệ hạng II	Chuyên viên chính hoặc tương đương	
16	Sở hữu trí tuệ hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Đại học, Cao đẳng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>VTVL đã được hướng dẫn tại Thông tư</b>							
1	Giáo viên mầm non hạng I	Hạng I	x					
2	Giáo viên mầm non hạng II	Hạng II	x					
3	Giáo viên mầm non hạng III	Hạng III	x					
4	Giáo viên tiểu học hạng I	Hạng I		x				
5	Giáo viên tiểu học hạng II	Hạng II		x				
6	Giáo viên tiểu học hạng III	Hạng III		x				
7	Giáo viên trung học cơ sở hạng I	Hạng I			x			
8	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	Hạng II			x			
9	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	Hạng III			x			
10	Giáo viên trung học phổ thông hạng I	Hạng I				x		
11	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Hạng II				x		
12	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Hạng III				x		

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mềm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Đại học, Cao đẳng	Ghi chú
13	Giáo vụ			x	x	x		
14	Tư vấn học sinh			x	x	x		
15	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		x	x	x	x		
16	Thiết bị, thí nghiệm				x	x		
<b>II</b>	<b>VTVL chưa được hướng dẫn tại Thông tư</b>							
1	Giảng viên cao cấp	Hạng I					x	
2	Giảng viên chính	Hạng II					x	
3	Giảng viên	Hạng III					x	
4	Trợ giảng	Hạng III					x	
5	Giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp	Hạng I					x	
6	Giảng viên cao đẳng sư phạm chính	Hạng II					x	
7	Giảng viên cao đẳng sư phạm	Hạng III					x	
8	Giảng viên thực hành chính	Hạng II					x	
9	Giảng viên thực hành	Hạng III					x	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH  
LĨNH VỰC Y TẾ**

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	Cơ sở Kiểm nghiệm Dược, Mỹ phẩm, Thực phẩm, Trang thiết bị y tế	Cơ sở Pháp y	Cơ sở Giám định y khoa	Cơ sở Pháp y tâm thần	Trung tâm cấp cứu 115	Ghi chú
1	Bác sĩ cao cấp (hạng I)	Hạng I	x									
2	Bác sĩ chính (hạng II)	Hạng II	x	x	x			x	x	x	x	
3	Bác sĩ (hạng III)	Hạng III	x	x	x	x		x	x	x	x	
4	Bác sĩ y học dự phòng cao cấp (hạng I)	Hạng I		x								
5	Bác sĩ y học dự phòng chính (hạng II)	Hạng II		x	x							
6	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Hạng III		x	x	x						
7	Y sĩ hạng IV	Hạng IV			x	x					x	
8	Dược sĩ cao cấp (hạng I)	Hạng I	x									
9	Dược sĩ chính (hạng II)	Hạng II	x	x	x		x	x		x		
10	Dược sĩ (hạng III)	Hạng III	x	x	x		x	x		x	x	
11	Dược hạng IV	Hạng IV	x	x	x	x	x	x		x	x	
12	Y tế công cộng chính (hạng II)	Hạng II	x	x	x							
13	Y tế công cộng (hạng III)	Hạng III	x	x	x	x						
14	Dân số viên hạng II	Hạng II			x							
15	Dân số viên hạng III	Hạng III			x							
16	Dân số viên hạng IV	Hạng IV			x	x						
17	Điều dưỡng hạng II	Hạng II	x	x	x							
18	Điều dưỡng hạng III	Hạng III	x	x	x				x	x	x	
19	Điều dưỡng hạng IV	Hạng IV	x	x	x	x		x	x	x	x	
20	Hộ sinh hạng II	Hạng II	x	x	x							
21	Hộ sinh hạng III	Hạng III	x	x	x						x	



**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Thông tin tín dụng hạng II	Hạng II	
2	Thông tin tín dụng hạng III	Hạng III	

**Phụ lục X**

**TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG  
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

STT	Ngành, lĩnh vực	Tổng cộng	Chia ra						Ghi chú
			Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên và tương đương	VTVL không xác định ngạch	
1	Lĩnh vực hợp tác quốc tế	2		1	1				
2	Lĩnh vực pháp chế	2		1	1				
3	Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	0							Được sử dụng chung với các VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ
4	Lĩnh vực văn phòng	13		4	6	3			Trong đó có 02 vị trí lưu trữ được sử dụng chung với 02 vị trí lưu trữ thuộc danh mục VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ
5	Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	13		4	5	2	1	1	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>13</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN  
DÙNG CHUNG TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực hợp tác quốc tế</b>		
1	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực pháp chế</b>		
1	Chuyên viên chính về pháp chế	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng</b>		Được sử dụng chung với các VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực văn phòng</b>		
1	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	
5	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự	
6	Chuyên viên chính về truyền thông	Chuyên viên chính	
7	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	
8	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính	
9	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	
10	Văn thư viên	Văn thư viên	

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Tương ứng ngạch công chức</b>	<b>Ghi chú</b>
11	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	
12	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III	Được sử dụng chung với VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành lưu trữ thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ
13	Lưu trữ viên hạng IV	Hạng IV	
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực kế hoạch, tài chính</b>		
1	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về thống kê	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	
7	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách Kế toán)		
8	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	
9	Kế toán viên	Kế toán viên	
10	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp	
11	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên	
12	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự	
13	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	



**Phụ lục XI**  
**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ**  
**TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

<b>STT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nhân viên kỹ thuật		
2	Nhân viên Y tế cơ quan		
3	Nhân viên Phục vụ		
4	Nhân viên Lễ tân		
5	Nhân viên Bảo vệ		
6	Nhân viên Lái xe		
	<b>VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ đặc thù theo ngành, lĩnh vực</b>		
7	Nhân viên nấu ăn	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	
8	Y tế học đường	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	
9	Nhân viên lái tàu	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
10	Hộ lý	Lĩnh vực y tế	
11	Y công	Lĩnh vực y tế	
12	Thư ký y khoa	Lĩnh vực y tế	
13	Thuyền trưởng	Lĩnh vực giao thông vận tải	
14	Đại phó	Lĩnh vực giao thông vận tải	
15	Phó hai	Lĩnh vực giao thông vận tải	
16	Phó ba	Lĩnh vực giao thông vận tải	
17	Thủy thủ trưởng	Lĩnh vực giao thông vận tải	
18	Thủy thủ	Lĩnh vực giao thông vận tải	
19	Máy trưởng	Lĩnh vực giao thông vận tải	
20	Máy hai	Lĩnh vực giao thông vận tải	
21	Máy ba	Lĩnh vực giao thông vận tải	
22	Máy tư	Lĩnh vực giao thông vận tải	
23	Thợ máy chính	Lĩnh vực giao thông vận tải	
24	Thợ máy	Lĩnh vực giao thông vận tải	
25	Thợ kỹ thuật điện	Lĩnh vực giao thông vận tải	
26	Bếp trưởng	Lĩnh vực giao thông vận tải	
27	Cấp dưỡng	Lĩnh vực giao thông vận tải	

## Phụ lục XII

### DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

STT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cán bộ chuyên trách</b>	
1	Bí thư Đảng ủy	
2	Phó Bí thư Đảng ủy	
3	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	
4	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	
5	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	
6	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	
7	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
8	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	
9	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội nông dân Việt Nam
10	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	
11	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	
<b>II</b>	<b>Công chức cấp xã</b>	
1	Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự	
2	Văn phòng - thống kê	
3	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	
4	Tài chính - kế toán	
5	Tư pháp - hộ tịch	
6	Văn hóa - xã hội	

## **PHỤ LỤC XIII**

### **HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC TỔ CHỨC GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **I. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành**

1. Ban Pháp chế của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện: Áp dụng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các ngành, lĩnh vực sau: (1) Tư pháp; (2) Nội vụ.

2. Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND cấp tỉnh: Áp dụng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các ngành, lĩnh vực sau: (1) Giáo dục và Đào tạo; (2) Y tế; (3) Văn hóa, thể thao và du lịch; (4) Lao động - Thương binh và Xã hội; (5) Thông tin và truyền thông; (6) Nội vụ; (7) Dân tộc (trong trường hợp HĐND cấp tỉnh không thành lập Ban Dân tộc).

3. Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh: Áp dụng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các ngành, lĩnh vực sau: (1) Tài chính; (2) Kế hoạch và đầu tư; (3) Giao thông vận tải; (4) Xây dựng; (5) Khoa học và công nghệ; (6) Tài nguyên và môi trường.

4. Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND thành phố trực thuộc trung ương: Áp dụng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các ngành, lĩnh vực sau: (1) Tài chính; (2) Kế hoạch và đầu tư; (3) Khoa học và công nghệ; (4) Tài nguyên và môi trường.

5. Ban Đô thị của HĐND thành phố trực thuộc Trung ương: Áp dụng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các ngành, lĩnh vực sau: (1) Xây dựng; (2) Giao thông; (3) Tài nguyên và môi trường.

6. Ban Kinh tế - xã hội của HĐND cấp huyện: Áp dụng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc các ngành, lĩnh vực sau: (1) Tài chính; (2) Kế hoạch và đầu tư; (3) Xây dựng; (4) Giao thông; (5) Giáo dục và Đào tạo; (6) Y tế; (7) Văn hóa, thể thao và du lịch; (8) Lao động - Thương binh và Xã hội; (9) Thông tin và truyền thông; (10) Khoa học và công nghệ; (11) Tài nguyên và môi trường; (12) Nội vụ; (13) Dân tộc (trong trường hợp HĐND cấp huyện không thành lập Ban Dân tộc).

7. Ban Dân tộc (trường hợp HĐND cấp tỉnh, cấp huyện thành lập Ban Dân tộc): Áp dụng VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực dân tộc.

#### **II. VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ**

Áp dụng các VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ đã được hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.



# TÀI LIỆU

## BÁO CÁO THAM LUẬN

**TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM  
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ  
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

**DANH MỤC BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm**  
**trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập**

<b>STT</b>	<b>Đơn vị báo cáo</b>	<b>Trang</b>
1	Tham luận của Bộ Giáo dục và Đào tạo	1-5
2	Tham luận của Bộ Y tế	6-8
3	Tham luận của Bộ Tài chính	9-12
4	Tham luận của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	13-19
5	Tham luận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20-27
6	Tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	28-34
7	Tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	35-39
8	Tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng	40-43
9	Tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ	44-48
10	Tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	49-53
11	Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	54-58
12	Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	59-62
13	Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	63-66
14	Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	67-70
15	Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	71-73
16	Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	74-77
17	Tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	78-82

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Bộ Giáo dục và Đào tạo*

### **1. Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ**

#### ***1.1. Về hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục***

Thực hiện Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành việc ban hành Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục (có hiệu lực từ ngày 28/9/2023).

Theo đó, danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục được quy định tại Điều 4 Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục trong các cơ quan, tổ chức hành chính với 21 vị trí việc làm.

- Hướng dẫn Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục trong các cơ quan, tổ chức hành chính. Khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục trong các cơ quan, tổ chức hành chính.

#### ***1.2. Về hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông***

Bộ GDĐT đã ban hành 02 Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT thay thế Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT thay thế Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT). Việc xây dựng Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm nhằm triển khai thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ cũng như làm căn cứ để các địa phương triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, từ đó làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27 của BCH TW Đảng.

Các nội dung của 02 Thông tư đã được Bộ Nội vụ cho ý kiến và thống nhất theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Ngoài các nội dung kế thừa những quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và

Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT nhằm giữ ổn định đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hiện có, 02 Thông tư có nhiều điểm mới để phù hợp với điều kiện thực tiễn các vùng miền, phù hợp thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

*a) Về danh mục vị trí việc làm:*

- Danh mục khung vị trí việc làm được chia làm 4 nhóm theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, bao gồm 04 nhóm: nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (hiệu trưởng; phó hiệu trưởng), nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (giáo viên, giáo vụ, hỗ trợ người khuyết tật,...), nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (kế toán, văn thư, thủ quỹ,...) và nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (bảo vệ, phục vụ, y tế học đường...).

Theo đó, các vị trí việc làm giáo vụ, thư viện, thiết bị thí nghiệm, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật điều chỉnh từ nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ sang nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành. Vị trí việc làm y tế học đường chuyển sang nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ; vị trí việc làm công nghệ thông tin được thay bằng vị trí việc làm quản trị công sở; bổ sung 01 vị trí việc làm tư vấn học sinh. Do có chuyển đổi về nhóm danh mục nên đối với vị trí “y tế học đường”, “công nghệ thông tin” nên Bộ GDĐT đã có điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm quyền lợi cho nhân viên y tế học trường, công nghệ thông tin đã được tuyển dụng cũng như đang thực hiện nhiệm vụ.

Việc bổ sung 01 vị trí việc làm tư vấn học sinh trong trường phổ thông nhằm thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tư vấn học sinh trong các trường phổ thông theo quy định tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GDĐT cũng như thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến công tác tư vấn tâm lý học đường trong bối cảnh những bất ổn tâm lý trong học sinh là vấn đề nhức nhối trong thời gian qua với những biểu hiện tiêu cực như bạo lực học đường, tình trạng bắt nạt trên mạng, học sinh bị rối nhiễu tâm lý dẫn tới các hành vi lệch lạc, tiêu cực... Bên cạnh đó, vị trí việc làm “giáo vụ” cũng được xác định ở cấp học tiểu học, trung học cơ sở thay vì chỉ có ở cấp trung học phổ thông và trường chuyên biệt nhằm giảm áp lực một số công việc quản lý hành chính đối với học sinh của giáo viên các cấp học này.

*b) Về định mức số lượng người làm việc*

Các quy định về định mức số lượng người làm việc cấp mầm non, phổ thông cần giữ ổn định đội ngũ hiện có, phù hợp với đặc thù của từng cấp học nhưng cũng đồng bộ các giải pháp để thực hiện tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Định mức giáo viên các cấp học được xác định

theo nguyên tắc bảo đảm đủ số lượng người làm việc theo định mức để thực hiện công tác giảng dạy tất cả các môn học và các hoạt động giáo dục và để thực hiện các công việc chuyên môn dùng chung, công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ sở giáo dục; những vị trí việc làm không đủ khối lượng công việc theo quy định của một người làm việc thì bố trí thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm; những vị trí việc làm chưa bố trí được biên chế thì hợp đồng lao động hoặc kiêm nhiệm, người được bố trí kiêm nhiệm phải được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm.

Thông tư cũng quy định cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập đang bố trí số lượng viên chức giáo viên thấp hơn định mức tối đa theo quy định tại Thông tư do biên chế được giao không đủ theo định mức tối đa hoặc chưa tuyển dụng được thì căn cứ định mức tối đa quy định tại Thông tư này để xác định số lượng giáo viên ký kết hợp đồng lao động. Quy định này nhằm tạo căn cứ để các cơ sở giáo dục xác định số lượng hợp đồng lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm đủ số lượng người làm việc để triển khai thực hiện chương trình giáo dục.

Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông quy định về chia vùng để tính định mức giáo viên. Trong đó, Vùng 1 bao gồm các xã khu vực II, khu vực III theo quy định hiện hành thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ; Vùng 2 bao gồm các xã khu vực I (trừ các phường, thị trấn) theo quy định hiện hành thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Vùng 3 bao gồm các phường, thị trấn thuộc khu vực I theo quy định hiện hành thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và các xã, phường, thị trấn còn lại.

Bên cạnh đó, quy định số lượng học sinh/lớp theo vùng để làm căn cứ giao hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

#### *c) Về mô tả vị trí việc làm*

Các Thông tư cũng đã hướng dẫn mô tả vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, vị trí việc làm chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông xây dựng bản mô tả vị trí việc làm cụ thể và phù hợp với từng vị trí việc làm của đơn vị và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Xác định vị trí việc làm đòi hỏi



phải thực hiện việc rà soát và sắp xếp bộ máy tinh gọn, tránh chồng chéo và sự trùng lặp về các chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận cũng như là những vị trí việc làm. Mỗi vị trí việc làm đều đòi hỏi người làm việc có một trình độ và năng lực nhất định, từ đó có thể giúp cho các cơ quan và tổ chức xác định được trình độ, năng lực của nguồn nhân lực của tổ chức để có kế hoạch đào tạo hợp lý, bồi dưỡng cũng như tuyển dụng, sắp xếp nguồn nhân lực để có thể chọn được người phù hợp và có thể đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm. Bản hướng dẫn mô tả vị trí việc làm trong Thông tư nhằm phân tích, mô tả vị trí công việc cũng như những yêu cầu công việc và trách nhiệm của từng vị trí được quy định một cách rõ ràng, cụ thể làm có thể tạo được điều kiện cho việc đánh giá năng lực, trình độ của viên chức một cách chính xác, khoa học để có thể đảm bảo được tính công bằng, công khai và minh bạch. Từ đó, đánh giá năng lực làm việc của đội ngũ gắn liền với kết quả công việc, là cơ sở vững chắc cho quá trình quy hoạch và bổ nhiệm và khen thưởng, có thể trả lương một cách công bằng, thỏa đáng để tạo động lực làm việc, cống hiến của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học.

### ***1.3. Về hướng dẫn khung vị trí việc làm trong các cơ sở GDDH và trường CĐSP công lập***

Hiện nay, Bộ GDĐT đang hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Viên chức, đồng thời đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục Đại học.

## **2. Kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

Triển khai Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục, Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ, Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức và các Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành của các Bộ ngành, lĩnh vực có liên quan, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị triển khai xây

dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ<sup>1</sup> (dự kiến hoàn thành trong Quý I/2024).

Bên cạnh đó, căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT, Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT các địa phương đang tiến hành triển khai xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, từ đó làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27 của BCHTW Đảng.

### **3. Đề xuất, kiến nghị**

a) Nhiệm vụ y tế trường học là một nhiệm vụ rất quan trọng và nặng nề, đòi hỏi phải có trách nhiệm cao với công việc và không thể để xảy ra sai sót vì liên quan đến tính mạng, sức khỏe của con người. Bên cạnh đó là các công tác liên quan khác như: công tác thu và lập hồ sơ Bảo hiểm y tế học sinh, công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống bệnh học đường, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, phòng chống tác hại thuốc lá, thuốc lá điện tử, ma túy, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống HIV/AIDS, chăm sóc sức khỏe tâm thần, tư vấn tâm lý và hỗ trợ học sinh có những biểu hiện bất thường về tâm lý, phát hiện sớm các dấu hiệu của trẻ tự kỷ để phối hợp cùng gia đình và các cơ sở y tế can thiệp kịp thời...

Tại Phụ lục V, Thông tư số 12/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ, quy định “y tế học đường” thuộc Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ và được thực hiện theo chế độ Hợp đồng lao động. Mặc dù Thông tư số 19, Thông tư số 20/2023 của Bộ GDĐT đã quy định điều khoản chuyển tiếp để bảo quyền lợi cho đội ngũ nhân viên y tế trường học đã được tuyển dụng trước ngày 15/02/2023, tuy nhiên đội ngũ nhân viên y tế trường học sau ngày 15/02/2023 phải thực hiện theo chế độ Hợp đồng lao động, gây khó khăn, tâm lý không ổn định cho đội ngũ này trong trường học, trong điều kiện thực hiện Quyết định số 85/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 – 2025.

Do đó, Bộ GDĐT đề nghị Bộ Nội vụ điều chỉnh vị trí “y tế học đường” từ danh mục hỗ trợ, phục vụ sang vị trí việc làm chuyên môn dùng chung trong các đơn vị sự nghiệp công lập để bảo đảm chế độ, chính sách và chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ, học sinh trường học.

b) Theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ, vị trí việc làm “công nghệ thông tin” trong trường học được thay thế bằng vị trí việc làm khác khác như “quản trị công sở”. Việc thay thế tên gọi, mô tả vị trí việc

<sup>1</sup> Công văn số 1261/TCCB ngày 24/10/2023, Công văn số 1421/TCCB ngày 24/11/2023 của Vụ Tổ chức cán bộ gửi các đơn vị thuộc Bộ xây dựng Đề án vị trí việc làm.

làm này mang tính khiên cưỡng, không thể hiện bao quát được vị trí việc làm này trong trường học. Do đó, Bộ GDĐT đề nghị Bộ Nội vụ bổ sung vị trí việc làm “công nghệ thông tin” tại Danh mục vị trí việc làm chuyên môn dùng chung để các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện nhiệm vụ dạy học phù hợp bối cảnh hiện đại hóa với cuộc cách mạng 4.0.

c) Bộ Nội vụ hướng dẫn, bổ sung các vị trí việc làm chuyên môn dùng chung (các vị trí việc làm tại các phòng, ban của cơ sở giáo dục đại học, đang hưởng mã ngạch hành chính) để các cơ sở giáo dục đại học có cơ sở xác định danh mục vị trí việc làm./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Bộ Y tế*

### **1. Sự cần thiết và hiệu quả bước đầu của công tác triển khai xây dựng văn bản hướng dẫn vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp y tế công lập**

Khái niệm “Vị trí việc làm” lần đầu tiên đã được quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Luật viên chức năm 2010.

Trên cơ sở Luật cán bộ, công chức, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức (Đến nay đã có Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 thay thế), Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ..

Trên cơ sở Luật viên chức, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập (Đến nay đã có Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 thay thế). Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 08/12/2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012.

Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức được pháp luật xác định là nhiệm vụ bắt buộc đối với các bộ, ngành, địa phương để thực hiện đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Việc xác định vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng, bố trí, sử dụng công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và tuyển dụng, phân công, sử dụng viên chức nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nguồn nhân lực nói chung và nhân lực trong các cơ quan hành chính về y tế và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong hệ thống tổ chức ngành y tế.

Bản chất của việc xác định vị trí việc làm là sắp đặt trong một cơ quan, đơn vị có bao nhiêu vị trí việc làm và cần bao nhiêu người để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Do tính chất đặc thù của cơ quan hành chính nhà nước nói chung và cơ quan hành chính y tế nói riêng được phân chia theo cấp độ Trung ương/Tỉnh (Thành phố trực thuộc Trung ương)/Huyện cho nên chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính y tế ở mỗi cấp, mỗi địa phương cũng khác nhau về tính chất, nội dung, quy mô, khối lượng công việc.

Đối với ngành y tế, Bộ Y tế là cơ quan thuộc Chính phủ, giúp Chính phủ quản lý nhà nước về y tế gồm 8 lĩnh vực chuyên môn: (1) Khám bệnh, chữa bệnh (2) Kiểm soát bệnh tật (3) Dược (4) An toàn thực phẩm (5) Y Dược cổ truyền (6) Sức khỏe Bà mẹ và trẻ em (7) Bảo hiểm Y tế (8) Dân số).

Vị trí việc làm là chức danh chuyên môn, chức vụ lãnh đạo quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; vị trí việc làm có tính thường xuyên, lặp đi lặp lại chứ không bao gồm những công việc thời vụ, tạm thời. Ý nghĩa của việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính nhằm sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo chức danh chuyên môn, chức vụ quản lý với khung năng lực phù hợp để thực thi công việc.

Trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập, việc xây dựng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp nhằm bảo đảm việc thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất; Do tính chất đặc thù của ngành y tế, để thực hiện một công việc thường phải có một nhóm viên chức ở nhiều chức danh nghề nghiệp tham gia phối hợp giải quyết. Do vậy, cần có một cơ cấu hợp lý để tránh sự mất cân đối, lãng phí nguồn nhân lực. Xác định vị trí việc làm trong từng đơn vị sự nghiệp y tế công lập nhằm phục vụ cho tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, phân công “đúng người, đúng việc” làm cơ sở cho việc đánh giá, quy hoạch cán bộ và cải cách tiền lương hiệu quả.

Việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức là cơ sở xác định biên chế một cách cơ sở khoa học, không chỉ dựa vào nhiệm vụ của cơ quan, nhu cầu công việc mà còn căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện theo khung năng lực của vị trí việc làm và cơ cấu công chức.

Việc xác định vị trí việc làm là cơ sở để sử dụng, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực thi hành công vụ, đồng thời để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng làm việc cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự

## **2. Những điểm hạn chế trong triển khai xây dựng văn bản hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập**

Trên cơ sở của pháp luật quy định về vị trí việc làm Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập và Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 06/11/2023 hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế.

Mặc dù đã có rất nhiều sự cố gắng nghiên cứu, đánh giá thực tiễn, tiếp thu ý kiến góp ý của đối tượng tác động, kế thừa những quy định của văn bản pháp luật đã ban hành trước đây, nhưng việc hướng dẫn vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp y tế công lập vẫn còn một số nội dung chưa đáp ứng được với nhu cầu thực tiễn của mỗi cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp y tế công lập với sự đa dạng về chức năng, nhiệm vụ ở các chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn chuyên sâu đặc thù của ngành y tế.

Đối với vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính y tế tuy đã có quy định khung năng lực theo vị trí việc làm nhưng sản phẩm hoạt động quản lý nhà nước của công chức nói chung và công chức chuyên ngành y tế nói riêng chưa thể định lượng được chất lượng, hiệu quả công việc, phần nhiều mang tính chất định tính nên việc trả lương theo vị trí việc làm vẫn còn là một thách thức lớn.

Đối với vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập: Một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập có thể định lượng được khối lượng công việc nhưng rất khó khăn để định lượng chất lượng, hiệu quả công việc (ví dụ tại Bệnh viện có thể thống kê được số lượng bệnh nhân đến khám, số lượng bệnh nhân điều trị nội trú, ngoại trú, nhưng chưa định lượng chính xác về chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh...). Đồng thời chất lượng dịch vụ y tế còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như trình độ chuyên môn của đội ngũ viên chức, trang thiết bị y tế, vật tư kỹ thuật y tế... Việc xác định cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp y tế phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, tuyến chuyên môn chuyên sâu nên việc hướng dẫn vẫn chỉ ở mức độ khung chung, chưa đủ cơ sở để tuyển dụng, sử dụng ở một đơn vị sự nghiệp y tế công lập cụ thể. Bên cạnh đó, hệ thống các đơn vị sự nghiệp y tế công lập ngoài việc được thiết lập theo cấp hành chính nhà nước còn phân bố ở các vùng kinh tế, xã hội, địa lý khác nhau tạo nên sự khác biệt về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn khác nhau.

Ngành y tế có nhiều loại hình đơn vị sự nghiệp y tế công lập như: y tế dự phòng, giám định, kiểm định, kiểm nghiệm... rất khó khăn trong việc định lượng sản phẩm công việc. Do vậy, sẽ là một thách thức không nhỏ trong việc thực thi chính sách tiền lương theo vị trí việc làm đối với viên chức ngành y tế để bảo đảm duy trì được đội ngũ có số lượng đủ, cơ cấu hợp lý, phù hợp với đặc điểm điều kiện về địa lý, kinh tế, xã hội, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng núi cao./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Bộ Tài chính*

### **1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính**

Theo quy định tại Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ, Bộ Tài chính là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính - ngân sách (bao gồm: Ngân sách nhà nước; ngân quỹ nhà nước; nợ công; thuế; phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; dự trữ nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; tài sản công theo quy định của pháp luật); hải quan; kế toán; kiểm toán độc lập; giá; chứng khoán; bảo hiểm; hoạt động dịch vụ tài chính và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc bộ theo quy định của pháp luật.

Về cơ cấu tổ chức: Bộ Tài chính có 25 đơn vị, trong đó có 24 đơn vị hành chính, 04 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

### **2. Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ**

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Tài chính đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành, địa phương triển khai, xây dựng danh mục vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức, viên chức chuyên ngành tài chính.

- Trên cơ sở kết quả rà soát danh mục vị trí việc làm công chức, viên chức và kết quả xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức, viên chức và ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài

chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện, đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kết quả đến nay như sau:

+ Ban hành Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính **hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính (sau khi rà soát gồm 101 vị trí việc làm kèm theo bản mô tả công việc, tăng 17 vị trí so với Công văn số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 của Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ về kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã).**

+ Tiếp thu hoàn thiện, đăng công Thông tin điện tử Chính phủ dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính và sẽ ban hành trong tháng 12/2023 (với 17 vị trí việc làm và bản mô tả công việc kèm theo, **tăng 01 vị trí so với Công văn số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 của Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ về kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã).**

**3. Kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.**

a) Đối với các tổ chức thuộc Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, căn cứ Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành lĩnh vực, Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ, Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức và các Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành của các Bộ ngành, lĩnh vực có liên quan, Bộ Tài chính xây dựng, ban hành Kế hoạch xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, dự kiến trong quý I/2024 hoàn thành.



b) Đối với Thông tư số 54/2023/TT-BTC và Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính (sau khi ban hành)

Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện hai Thông tư nêu trên.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, ghi nhận các ý kiến phản ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện hai Thông tư (nếu có), tổng hợp, nghiên cứu, trả lời theo thẩm quyền hoặc đề xuất kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý theo ngành, lĩnh vực.

#### c) Khó khăn, vướng mắc

Yêu cầu của Bộ Nội vụ về thời hạn hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với đơn vị hành chính; vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp: bảo đảm hoàn thành trong năm 2023 (theo Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 của Bộ Nội vụ). Trong khi đó theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, quy định thời hạn thẩm định quy định 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phê duyệt lần đầu. Như vậy, nếu thực hiện theo yêu cầu của Bộ Nội vụ sẽ không đúng với quy định pháp luật nêu trên, cũng khó có thể triển khai xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị (Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 05 Tổng cục và tương đương).

#### 4. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị rà soát lại danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với thực tế.

- Đề nghị hướng dẫn cụ thể cách tính cơ cấu ngạch công chức tại Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức.

- Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát lại các Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức, viên chức theo ngành, lĩnh vực để có sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất.

- Đề nghị cho phép lùi thời gian phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong đơn vị hành chính, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính hoàn thành trong quý II/2024.

Trên đây là Báo cáo tham luận về việc xây dựng vị trí việc làm của Bộ Tài chính trong thời gian qua, một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*

### **I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

#### **1. Chức năng, nhiệm vụ**

Theo quy định tại Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động, tiền lương; việc làm; giáo dục nghề nghiệp; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tệ nạn xã hội trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

Về cơ cấu tổ chức, biên chế công chức và số lượng người làm việc: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có 61 đơn vị, trong đó có 17 đơn vị hành chính, 03 Văn phòng chuyên trách và 41 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

#### **2. Vị trí việc làm**

Khái niệm vị trí việc làm đã được quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010. Trên cơ sở quy định này cho thấy việc xác định vị trí việc làm có ý nghĩa quan trọng đối với việc quản lý, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Đến thời điểm này, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai việc xây dựng, quản lý vị trí việc làm được hơn 10 năm, chia làm 02 giai đoạn sau:

- Giai đoạn 2012-2019: căn cứ quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gồm 163 vị trí việc làm (Quyết định số 1696/QĐ-BNV ngày 28/6/2016

của Bộ trưởng Bộ Nội vụ); Phê duyệt theo thẩm quyền Danh mục vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Quyết định số 818/QĐ-LĐTBXH ngày 28/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Giai đoạn từ 2019 đến nay: (1) thực hiện xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công; (2) Kế hoạch xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

## **II. KẾT QUẢ HƯỚNG DẪN VỊ TRÍ VIỆC LÀM THEO PHÂN CÔNG CỦA CHÍNH PHỦ**

### **1. Cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý**

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nêu rõ: “Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm”.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (trong đó xác định: việc xây dựng, ban hành hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo là một trong các nội dung cải cách chính sách tiền lương).

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan đảng, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/9/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm cán bộ, công chức.

## **2. Yêu cầu, nhiệm vụ**

- Yêu cầu: trên cơ sở căn cứ chính trị và pháp lý cũng như cơ sở khoa học, kế thừa thực tiễn triển khai giai đoạn 2012 - 2019 và tuân thủ yêu cầu đổi mới cách tiếp cận là: “từ trên xuống - thống nhất - liên thông giữa các cấp quản lý và phù hợp với các quy định của Đảng và của pháp luật”, bảo đảm tính thống nhất trong cấp quản lý nhà nước (Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện), gắn với loại hình đơn vị sự nghiệp công lập của các lĩnh vực thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, vị trí việc làm được xác định phù hợp với chức danh, chức vụ và chức trách, nhiệm vụ do công chức, viên chức đảm nhiệm, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, tính chất, đặc điểm, yêu cầu, quản lý dịch vụ sự nghiệp công theo các lĩnh vực thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nhiệm vụ: xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công trong năm 2023 theo phân công của Chính phủ.

## **3. Quá trình triển khai**

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và sự phân công của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện:

- Phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành, địa phương triển khai, xây dựng danh mục vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức, viên chức.

- Trên cơ sở kết quả rà soát danh mục vị trí việc làm công chức, viên chức và kết quả xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức, viên chức và ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện, ban hành hai Thông tư đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, gồm:

+ Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (*phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc và căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công, danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/12/2023*).

+ Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công (*phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc và căn cứ xác định vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/12/2023*).

#### **4. Một số nội dung, nhiệm vụ xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong giai đoạn tới**

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện hai Thông tư nêu trên.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, ghi nhận các ý kiến phản ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện hai Thông tư (nếu có), tổng hợp, nghiên cứu, trả lời theo thẩm quyền hoặc đề xuất kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất bổ sung hướng vị trí việc làm đối với hệ thống các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng có sử dụng viên chức đảm nhận nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ y tế.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất bổ sung hướng vị trí việc làm đối với một số đơn vị đặc thù thuộc các lĩnh vực trẻ em, huấn luyện vệ sinh an toàn lao động, lao động ngoài nước, quan hệ lao động.

### **III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

#### **1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch xây dựng Đề án vị trí việc làm**

- Số lượng đơn vị phải xây dựng: thời điểm hiện tại, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có:

+ 17 đơn vị hành chính và 03 văn phòng chuyên trách.

+ 41 đơn vị sự nghiệp, gồm các lĩnh vực: Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: 02 đơn vị; Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: 04 đơn vị; Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: 03 đơn vị; Lĩnh vực Y tế: 05 đơn vị; Lĩnh vực điều dưỡng, phục hồi chức năng: 11 đơn vị; Lĩnh vực Trẻ em: 02 đơn vị; Lĩnh vực việc làm, quan hệ lao động, lao động ngoài nước: 04 đơn vị; Lĩnh vực Công nghệ thông tin: 01 đơn vị; Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông: 02 đơn vị; Lĩnh vực Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động: 03 đơn vị; Lĩnh vực Huấn luyện an toàn lao động: 01 đơn vị; Lĩnh vực Xây dựng: 01 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp khác: 02 đơn vị (Nhà khách).

- Căn cứ xây dựng:

+ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm của các Bộ, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

+ Công văn số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 của Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ về kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

+ Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ (61 đơn vị) theo Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong nhiệm kỳ Chính phủ 2021-2026.

## **2. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ quy định nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, ban hành Kế hoạch xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, trong đó:

### *a) Mục đích*

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp để thực hiện tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ công chức, viên chức; giúp lãnh đạo đơn vị xác định mức độ quan trọng của từng công việc, từng vị trí việc làm, tránh sự chùng chေo về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thuộc Bộ.

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp làm căn cứ để tuyển dụng, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức một cách chính xác, khách quan, làm cơ sở để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm góp phần đổi mới phương thức quản lý công chức, viên chức đối với các đơn vị thuộc Bộ.

### *b) Yêu cầu*

- Hệ thống hóa một cách đầy đủ, chính xác các công việc, phân loại theo khối lượng công việc, theo tính chất, nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ.

- Xác định mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Xác định số lượng vị trí việc làm, gồm: Bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức đối với từng vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm.

- Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị thuộc Bộ.

*c) Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp*

- Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về vị trí việc làm; quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc theo yêu cầu nhiệm vụ.



- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ; Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong nhiệm kỳ Chính phủ 2021 - 2026.

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với sử dụng và quản lý biên chế, số lượng người làm việc.

- Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ, gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trong đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp: bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

### **3. Một số khó khăn, vướng mắc**

- 11 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ thuộc lĩnh vực điều dưỡng, phục hồi chức năng: thực tế đang sử dụng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thuộc lĩnh vực y tế. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập, quy định không áp dụng đối với “Các đơn vị nghiên cứu lĩnh vực y tế và các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng thuộc Bộ, ngành khác”.

- Yêu cầu của Bộ Nội vụ về thời hạn hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với đơn vị hành chính; vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp: bảo đảm hoàn thành trong năm 2023 (theo Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 của Bộ Nội vụ). Trong khi đó theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, quy định thời hạn thẩm định quy định 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phê duyệt lần đầu.

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Về tiến độ thời gian: đề nghị Bộ Nội vụ cho phép phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong đơn vị hành chính, vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp thuộc các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành trong quý II/2024.

2. Đề nghị Bộ Y tế cho phép áp dụng Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập đối với viên chức làm nhiệm vụ y tế thuộc các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng để đảm bảo việc thực hiện chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành.

Trên đây là Báo cáo tham luận xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Kết quả hướng dẫn vị trí việc làm theo phân công của Chính phủ;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

### **A. KẾT QUẢ HƯỚNG DẪN VỊ TRÍ VIỆC LÀM THEO PHÂN CÔNG CỦA CHÍNH PHỦ**

**I. Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.**

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, theo đó, tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 19 quy định trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng các bộ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

#### **1. Sự cần thiết ban hành Thông tư**

Việc xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch sẽ là cơ sở pháp lý cho các cơ quan, tổ chức hành chính ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức. Đồng thời, việc quy định và xác định vị trí việc làm của ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch một cách khoa học, sát thực tế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", là giải pháp căn bản mang tính tiên đề để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII "Về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp" của ngành.

Hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch có tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm, nhận thức và lối sống của mọi đối tượng trong xã hội, tác động đến sự ổn định và phát triển của các ngành kinh tế, xã hội khác; chính vì vậy công tác quản lý và hoạt động phát triển sự nghiệp văn hóa, gia

đình, thể dục, thể thao và du lịch không những phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, nhạy bén về chính trị trong hội nhập quốc tế, tuân thủ những quy định pháp luật của nhà nước mà còn cần phải có những giải pháp, bước đi phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo, điều kiện địa lý ở mỗi vùng miền; mặt bằng dân trí; trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức làm công tác văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch để xác định vị trí việc làm nhằm phát hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý; đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể thao và du lịch của Đảng, Nhà nước; giữ gìn và phát huy nền văn hóa dân tộc, sự sáng tạo và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao và du lịch của nhân dân.

Do đó, việc xây dựng và ban hành dự thảo Thông tư để làm căn cứ pháp lý thống nhất xác định vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cả nước là đòi hỏi cấp thiết.

## **2. Mục đích xây dựng Thông tư**

Là căn cứ pháp lý để các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch xây dựng và xác định vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch; đồng thời là căn cứ pháp lý để cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **3. Quan điểm xây dựng Thông tư**

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm.

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- Trình tự, thủ tục xây dựng Thông tư thực hiện theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

## **4. Kết quả xây dựng Thông tư**

Ngày 15/5/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

## **II. Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch**

Thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2020 và thay thế Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; bãi bỏ các nội dung quy định về tự chủ nhân sự quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập), theo đó, tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 106/NĐ-CP quy định trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu bộ, ngành: “Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.” và các văn bản của Bộ Nội vụ<sup>2</sup>.

### **1. Sự cần thiết ban hành Thông tư**

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã đưa ra quan điểm “Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu, là nhiệm vụ chính trị vừa cấp bách, vừa lâu dài của tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn hệ thống chính trị”. Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cơ bản, trong đó nhiệm vụ, giải pháp về quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là “tổ chức phân loại viên chức theo vị trí việc làm và sắp xếp, bố trí lại cơ cấu viên chức theo hướng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ chiếm tỷ lệ ít nhất 65%”.

Việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp sẽ là cơ sở để đơn vị sự nghiệp công lập xác định số lượng người làm việc gắn với từng vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đối với đơn vị, tổ chức;

---

<sup>2</sup> Công văn số 365/BNV-TCBC ngày 20/01/2020 về xây dựng vị trí việc làm đối với viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; Công văn số 5168/BNV-TCBC ngày 01/10/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020; Công văn số 2300/BNV-TCBC ngày 20/5/2021 về thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020; Công văn số 4515/BNV-CCVC ngày 15/9/2021 về việc xây dựng bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm; Công văn số 986/BNV-TCCB ngày 09/3/2023 về việc thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí số lượng người cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của đơn vị, tổ chức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và người lao động.

Việc xây dựng và ban hành Thông tư sẽ là cơ sở pháp lý cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành văn hóa, thể thao và du lịch thực hiện xác định vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp trong việc sử dụng và quản lý số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực quản lý của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; là giải pháp căn bản mang tính tiên đề để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá XII: Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, coi đây là giải pháp căn bản mang tính tiên đề để thực hiện cải cách tiền lương... Mục tiêu: Từ năm 2021 áp dụng hệ thống tiền lương mới; và mục tiêu đến năm 2025 xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực... đồng thời, làm cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, đảm bảo hiệu quả hoạt động cho các đơn vị.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch là phù hợp và cần thiết.

## **2. Mục đích xây dựng Thông tư**

Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch từ trung ương đến địa phương.

## **3. Quan điểm xây dựng Thông tư**

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm.

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch, góp phần thực hiện mục tiêu “Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức” của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Trình tự, thủ tục xây dựng Thông tư thực hiện theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

#### **4. Kết quả xây dựng Thông tư**

Ngày 09/8/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch ban hành Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

### **III. Đánh giá chung**

Thực hiện sự phân công của Chính phủ về hướng dẫn vị trí việc làm đối với Bộ quản lý chuyên ngành, Bộ VHTTDL đã hoàn thành việc xây dựng và ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 16/5/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Các Thông tư quy định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức chuyên ngành văn hóa, thể thao và du lịch là cơ sở pháp lý cho các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc. Đồng thời, việc quy định và xác định vị trí việc làm của ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch một cách khoa học, sát thực tế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>3</sup>, Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>4</sup>, là giải pháp căn bản mang tính tiên đề để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW<sup>5</sup> của ngành.

## **B. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ THEO HƯỚNG**

<sup>3</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

<sup>4</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>5</sup> Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII "Về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp".

## **DẪN CỦA BỘ QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC**

Triển khai Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xây dựng Kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm công chức trong các cơ quan hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với mục đích, yêu cầu:

### **I. Mục đích**

1. Xác định vị trí việc làm công chức trong các cơ quan hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan; Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức.

2. Rà soát lại toàn bộ đội ngũ công chức của từng cơ quan để có kế hoạch phân bổ, điều chỉnh biên chế phù hợp với từng đối tượng gắn với vị trí việc làm, ngạch công chức cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính thuộc Bộ.

3. Đổi mới phương pháp quản lý, đánh giá công chức trên từng lĩnh vực; sắp xếp bố trí nhân lực gắn với vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ khoa học, hiệu quả, phát huy năng lực, khả năng công tác của từng công chức.

### **II. Yêu cầu**

1. Phải căn cứ nhu cầu thực tế hoạt động của cơ quan; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được giao và đảm bảo tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.

2. Mỗi vị trí việc làm phải gắn với chức danh ngạch công chức nhất định. Đối với vị trí việc làm công chức là lãnh đạo, quản lý thì có thêm chức danh lãnh đạo, quản lý.

3. Đảm bảo trình tự xây dựng vị trí việc làm theo nguyên tắc đầy đủ nội dung, các biểu mẫu theo quy định.

## **C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **I. Kiến nghị**

1. Tại bản mô tả công việc vị trí việc làm có nội dung về “mã vị trí việc làm”, tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về cách đánh mã vị trí việc làm để tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện.



2. Theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, một trong các căn cứ quan trọng để xác định biên chế công chức dựa trên “vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm”. Tuy nhiên, trong thực tế việc giao biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức vẫn mang tính định tính (không có công thức để định lượng biên chế từ vị trí việc làm của cơ quan) và căn cứ theo các quy định pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy (Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ).

3. Việc xác định cơ cấu ngạch công chức của mỗi cơ quan, tổ chức là cơ sở để tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, nâng ngạch, đào tạo, bồi dưỡng... đối với công chức của cơ quan. Tuy nhiên, đối với các cơ quan đã có số lượng công chức giữ các ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp lớn (do thi đỗ các kỳ thi nâng ngạch từ trước đến nay), phần nào ảnh hưởng đến quyền lợi của các công chức.

4. Xác định vị trí việc làm là công việc còn khá mới mẻ và đòi hỏi tính chuyên môn cao, trong khi đó đa số công chức, viên chức được giao nhiệm vụ triển khai nội dung công việc này chưa có đủ kiến thức và kinh nghiệm về vấn đề này, chưa nắm vững kiến thức căn bản về phân tích và thiết kế tổ chức. Do đó, khi tiến hành thực hiện xác định vị trí việc làm, nhiều công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị gặp khó khăn và lúng túng.

5. Khó khăn trong việc thông kê, đánh giá vị trí của từng công chức, viên chức. Thực tế cho thấy hiện nay còn nhiều công chức, viên chức làm kiêm nhiệm cùng lúc nhiều nhiệm vụ khác nhau. Do đó, trong quá trình xác định vị trí việc làm, các đơn vị không biết phải ghi thế nào cho đúng. Có đơn vị khi xây dựng đề án vị trí việc làm chỉ tập trung vào việc xác định nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm mà chưa mô tả được các tiêu chuẩn cần thiết cũng như các yếu tố ảnh hưởng để xác định biên chế tại vị trí đó.

6. Khó khăn trong việc tính toán một cách khoa học biên chế dành cho mỗi vị trí việc làm tại các đơn vị đảm bảo phải phù hợp với thực tế yêu cầu công việc. Bởi vì, hiện nay còn thiếu căn cứ thực tế để xác định số lượng người làm việc cần thiết để hoàn thành khối lượng công việc được giao hàng năm. Khó khăn nhất là việc xác định số lượng người làm việc bởi vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ này thường do nhiều người đảm nhiệm. Hơn nữa, việc xác định vị trí việc làm có thể khiến số biên chế của đơn vị tăng lên hoặc giảm đi. Số lượng biên chế có thể tăng nhưng phải bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của đơn vị. Biên chế dự kiến theo Đề án xác định vị trí việc làm chính là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét giao số lượng biên

chế cho phù hợp với từng đơn vị. Vì vậy, không ít đơn vị trong khi xây dựng đề án mô tả vị trí việc làm có tâm lý muốn tăng thêm hoặc giữ nguyên biên chế nên chưa mô tả hết thực chất tính chất công việc của từng vị trí việc làm, công chức kê khai không đúng tỷ lệ thời gian thực hiện công việc của mình do lo sợ bị giảm biên chế. Do đó, dẫn đến tình trạng không có sự đồng nhất về số lượng vị trí việc làm của các địa phương trong cùng một lĩnh vực.

7. Khó khăn trong việc mô tả vị trí việc làm, thống kê công việc thường niên của từng công chức, viên chức. Một số công chức, viên chức do phân công kiêm nhiệm nhiều việc nên khi xác định vị trí việc làm gặp lúng túng, không biết có thống kê cả những nhiệm vụ khác ngoài chuyên môn hay không bởi thực tế các công việc này chiếm không ít thời gian của họ. Thực tế còn gặp khó khăn trong việc xác định thế nào là công việc có tính ổn định, lâu dài, thường xuyên, lặp đi lặp lại; lựa chọn tên gọi vị trí việc làm thế nào cho phù hợp và bao quát được tính chất công việc. Một số công việc rất khó xác định thời gian hoàn thành và sản phẩm đầu ra, chẳng hạn công việc mang tính dài hạn như xây dựng các kế hoạch, đề án, hoặc đối với những công việc chuyên môn, nghiệp vụ nhưng đòi hỏi phải có sự tham gia, phối hợp của nhiều người thì chưa có bản phân tích, mô tả công việc chi tiết để đánh giá khối lượng, mức độ, tính chất phức tạp của công việc.

8. Khó khăn trong việc sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức. Một trong những mục tiêu của xác định vị trí việc làm là nhằm sắp xếp lại đội ngũ công chức, viên chức cho phù hợp với chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, xuất phát từ thực trạng bố trí, sử dụng công chức dựa trên thâm niên, kinh nghiệm công tác, tình trạng công chức làm trái ngành, trái nghề so với chuyên môn đào tạo là phổ biến. Vì vậy, khi xác định vị trí việc làm sẽ gặp khó khăn trong việc sắp xếp lại đội ngũ công chức, viên chức.

## **II. Đề xuất**

1. Xác định công tác xây dựng đề án vị trí việc làm là một trong những bước đi đầu tiên, có ảnh hưởng quyết định đến thành công của quá trình cải cách công vụ, công chức; do đó, cần coi trọng quy trình, chất lượng, làm từng bước vững chắc, lộ trình phù hợp, không tạo ra áp lực cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong một thời gian ngắn phải hoàn thành công việc quan trọng nhưng còn mới mẻ và khó khăn này.

2. Phát huy vai trò của thủ trưởng đơn vị trong việc xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu công chức. Thủ trưởng đơn vị là người nắm rõ nhất đặc điểm của tất cả các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý cũng như nhu cầu sử dụng nhân lực của từng đơn vị trực thuộc. Vì vậy, trong quá trình triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm, thủ trưởng đơn vị phải chỉ đạo tất cả các đơn vị trực thuộc phối

hợp cán bộ trực tiếp xây dựng đề án. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc phải đánh giá chính xác khối lượng công việc hiện tại, khả năng đáp ứng khối lượng công việc của công chức trong đơn vị và dự kiến công việc mới phát sinh trong tương lai (01 - 03 năm) để làm căn cứ đề xuất số lượng biên chế hoặc số lượng người làm việc cần thiết bảo đảm khách quan, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến kết hợp với việc mở các lớp bồi dưỡng, hội nghị tập huấn ở các bộ, ngành và địa phương xây dựng đề án xác định vị trí việc làm. Bộ Nội vụ chủ trì các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để hình thành đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách, chuyên sâu về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức.

Trên đây là Báo cáo tham luận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội*

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XII của Ban chấp hành Trung ương đã xác định xây dựng, quản lý vị trí việc làm là mục tiêu quan trọng để rà soát, cơ cấu lại đội ngũ các cấp gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; là cơ sở để thực hiện cải cách chính sách tiền lương trong giai đoạn mới.

Căn cứ các quy định của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, trong thời gian vừa qua, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết liệt, khẩn trương chỉ đạo và thực hiện việc kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của toàn bộ các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố. Trên cơ sở đó, thành phố Hà Nội xác định việc triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần làm ngay. Với cách làm thận trọng, lộ trình thích hợp và không cầu toàn, vừa làm vừa điều chỉnh, trong giai đoạn từ năm 2017-2021, thành phố Hà Nội đã cơ bản hoàn thành xong việc hoàn thiện và xây dựng Đề án vị trí việc làm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố. Sản phẩm đề án vị trí việc làm của thành phố Hà Nội được các đoàn công tác của Bộ Chính trị, Chính phủ, các bộ, ban, ngành đánh giá rất cao và được nhiều tỉnh, thành phố đến trao đổi kinh nghiệm và áp dụng triển khai ở địa phương.

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ: số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức, số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch của Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ phát huy những thành tích đã đạt được trong giai đoạn trước và tiếp tục triển khai xây dựng vị trí việc làm theo những quy định mới của Chính phủ.

Việc triển khai đề án vị trí việc làm tại thành phố Hà Nội chia thành 02 giai đoạn:

(1) Giai đoạn 1: Trước và sau khi Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP có hiệu lực;

(2) Giai đoạn 2: Sau khi Bộ Nội vụ, các Bộ chuyên ngành ban hành Thông tư hướng dẫn.

### **I. GIAI ĐOẠN 1**

#### **1. Quá trình triển khai thực hiện**

Trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là địa phương đi đầu trong cả nước triển khai việc thực hiện đề án vị trí việc làm đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý. Ủy ban nhân dân Thành phố đã phê duyệt đề án vị trí việc làm giai đoạn 2017-2021 đối với toàn bộ cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau khi các Nghị định nêu trên của Chính phủ được ban hành, trong khi chờ các Bộ chuyên ngành ban hành Thông tư hướng dẫn, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 5266/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về việc điều chỉnh thời hạn thực hiện vị trí việc làm trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố. Theo đó, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện đề án vị trí việc làm theo Quyết định đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt giai đoạn 2017-2021 đến thời điểm các Bộ, ban, ngành ban hành hướng dẫn. Đồng thời, tiếp tục rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm cho các cơ quan, đơn vị có thay đổi tổ chức bộ máy.

Trong giai đoạn này, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành 10 Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh vị trí việc làm và 09 Văn bản cho ý kiến đề cơ quan, đơn vị ban hành theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý.

## **2. Kết quả**

Việc hoàn thành phê duyệt đề án vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố trong giai đoạn vừa qua đã có tác động tích cực trong việc quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hà Nội. Một số kết quả nổi bật như:

(1) Trên cơ sở đề án vị trí việc làm được phê duyệt, 100% cơ quan, đơn vị thực hiện triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động theo đúng quy định.

Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí công tác... đối với công chức, viên chức dựa trên danh mục vị trí việc làm, dự kiến số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm về cơ bản đã góp phần giảm được tình trạng làm việc trái ngành, trái nghề, nâng cao chất lượng giải quyết công việc.

(2) Việc rà soát, đánh giá, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức, người lao động theo đúng vị trí việc làm, đã phát hiện các đối tượng chưa đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng hoặc luân chuyển, điều động đến những vị trí phù hợp; giải quyết có lý, có tình số công chức, viên chức, người lao động dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo đề án vị trí việc làm.

Kết quả, toàn Thành phố đã có 646 trường hợp phải thay đổi để phù hợp với vị trí việc làm, trong đó: 96 trường hợp điều chuyển để phù hợp với bằng cấp, chuyên môn, nghiệp vụ; 317 trường hợp phải đào tạo, bồi dưỡng bổ sung

cho phù hợp với vị trí việc làm; 154 trường hợp phải nghỉ tinh giản biên chế; 79 trường hợp thôi việc và bố trí công tác khác.

(3) Từ công tác đánh giá công chức, viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, chất lượng hoàn thành công việc được giao, ... đã giúp phản ánh thực chất năng lực công tác của đội ngũ là một trong những tiêu chí, tiêu chuẩn để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hằng năm tại các đơn vị.

(4) Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị đã áp dụng, thí điểm trả lương cho viên chức, người lao động theo vị trí việc làm như: Bệnh viện Tim Hà Nội, Trường PTH Phan Huy Chú, Nhà hát múa rối Thăng Long, một số Ban QLDA Đầu tư xây dựng chuyên ngành .... Từ đó nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của viên chức, người lao động dẫn đến nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

## II. GIAI ĐOẠN 2 (từ tháng 02/2023 đến nay)

Sau khi Bộ Nội vụ và một số Bộ chuyên ngành<sup>6</sup> ban hành Thông tư hướng dẫn, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 21/3/2023 triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội, trong đó giao Sở Nội vụ ban hành Văn bản<sup>7</sup> hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố triển khai thực hiện đề án vị trí việc làm.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng ban Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Văn bản số 6137/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 của Bộ Nội vụ và Thông tư của các Bộ chuyên ngành<sup>8</sup>, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã khẩn trương chỉ đạo Sở Nội vụ nghiên cứu, tham mưu ban hành một số cơ chế, chính sách, hướng dẫn... phù hợp với quy định của pháp luật và rút ngắn được thời gian triển khai thực hiện xây dựng vị trí việc làm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng tiến độ theo quy định, cụ thể:

**Thứ nhất**, căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định về thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, số 106/2020/NĐ-CP và chủ trương thực hiện phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước, đơn giản hóa thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố Hà Nội.

<sup>6</sup> Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Công Thương

<sup>7</sup> Văn bản số 1226/SNV-TCBC ngày 28/4/2023 của Sở Nội vụ

<sup>8</sup> 19/19 Bộ chuyên ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành. 13/14 Bộ chuyên ngành đã ban hành đầy đủ Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Việc ủy quyền giúp rút ngắn thời gian thực hiện, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị sớm triển khai thực hiện rà soát, sắp xếp đội ngũ theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt và tiến tới cải cách tiền lương trong năm 2024.

**Thứ hai**, xác định rõ quy trình 06 bước để xây dựng vị trí việc làm: (1) Phân loại, xác định danh mục vị trí việc làm; (2) Xác định biên chế theo số giao năm 2024 và dự kiến đến năm 2026; (3) Xác định cơ cấu ngạch công chức; (4) Xây dựng Bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm; (5) Trình hồ sơ vị trí việc làm; (6) Thẩm định và phê duyệt.

Trong quá trình tập huấn, hướng dẫn các cơ quan đơn vị, Thành phố chỉ rõ nguyên tắc, yêu cầu, mục đích triển khai; những điểm mới trong xây dựng vị trí việc làm so với giai đoạn trước. Giai đoạn 2017 - 2020, vị trí việc làm được xác định theo đề xuất của địa phương và được Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm<sup>9</sup> đối với khối hành chính. Giai đoạn hiện nay, danh mục vị trí việc làm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành, do vậy các cơ quan, đơn vị cần rà soát kỹ, lựa chọn vị trí việc làm trong danh mục đã quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và thực tiễn triển khai nhiệm vụ tại địa phương.

**Thứ ba**, Thành phố yêu cầu các đơn vị xác định biên chế đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trên cơ sở tổng biên chế giao cho đơn vị năm 2024; đồng thời xác định biên chế dự kiến đến năm 2026 cắt giảm theo tỷ lệ 5% biên chế công chức, 10% biên chế viên chức so với năm 2021, đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương<sup>10</sup>.

Do yêu cầu tinh giản biên chế, khi xác định biên chế công chức, biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước tương ứng với vị trí việc làm, đơn vị phải tính toán, ưu tiên các vị trí việc làm trọng yếu và xác định tỷ lệ cắt giảm phù hợp với quy định.

**Thứ tư**, xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp là nội dung phức tạp, chưa có hướng dẫn cụ thể của các Bộ chuyên ngành. Để thực hiện, Thành phố xây dựng các tiêu chí về ngạch tối đa, đảm bảo sự công bằng, khách quan khi xác định cơ cấu ngạch giữa các đơn vị có tương đồng về khối lượng công việc, mức độ phức tạp về chuyên môn.

- Công chức phòng chuyên môn thuộc Sở: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu vị trí việc làm của ngạch chuyên viên, ngạch chuyên viên chính để đơn vị xác định cơ cấu ngạch phù hợp. Trong đó, tỷ lệ chuyên viên chính/chuyên viên thuộc các đơn vị làm nhiệm vụ tổng hợp, thường xuyên tham mưu các văn bản quy phạm pháp luật... sẽ cao hơn tỷ lệ thuộc các đơn vị có khối lượng công việc chính là giải quyết các thủ tục hành chính.

- Công chức phòng chuyên môn thuộc Chi cục thuộc Sở: Căn cứ các vị trí được quy hoạch chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Chi cục để xác định ngạch tối đa chuyên viên chính hoặc tương đương; phù hợp

<sup>9</sup> Quyết định số 2076/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 về phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố Hà Nội

<sup>10</sup> Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026

với quan điểm không cào bằng, lựa chọn công chức có phẩm chất, trình độ chuyên môn để làm các nhiệm vụ phức tạp. Từ đó, khai thác và phát huy năng lực làm việc của đội ngũ công chức nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

### III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xác định việc xây dựng đề án vị trí việc làm là một nội dung công việc khó, cần có sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, sự điều hành quyết liệt của các cấp chính quyền, sự tham mưu trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn.

Trong suốt quá trình triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của các Bộ, ban, ngành Trung ương, của Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn của Thành phố đã chủ động tham mưu, đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn cơ quan, đơn vị, đảm bảo đúng tinh thần chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Coi trọng công tác chính trị tư tưởng, tuyên truyền thấu đáo, rộng rãi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và những văn bản liên quan đến cả hệ thống chính trị; qua đó nâng cao nhận thức, thống nhất hành động của cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự chuyển biến tích cực trong tổ chức thực hiện. Tạo sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quan điểm thực hiện Đề án là:

- Xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm là một việc mới và khó vì vậy không quá cầu toàn trong tổ chức thực hiện;

- Xác định thời gian áp dụng Đề án Vị trí việc làm trong khoảng từ 3-5 năm và có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn;

- Căn cứ để xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm là các quy định về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của Trung ương và Thành phố, của từng khối ngành, lĩnh vực và yêu cầu thực tiễn của địa phương, của đơn vị (thông qua đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... hàng năm của các cơ quan, đơn vị).

4. Trong quá trình thực hiện, Thành phố đã chỉ đạo rất quyết liệt, cụ thể, rõ ràng, đồng bộ từng khâu trong quá trình thực hiện, từ khâu xây dựng, ban hành Kế hoạch, văn bản hướng dẫn, lựa chọn Sở Nội vụ làm mẫu để tiến hành xây dựng Bản mô tả công việc, khung năng lực, dự kiến số lượng người làm việc và cơ cấu ngạch công chức của từng vị trí việc làm, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân Thành phố cũng chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với từng cơ quan, đơn vị để hướng dẫn cụ thể, chi tiết: Từng phòng ban, đơn vị phải rà soát, thống kê công việc đang làm, cần bao nhiêu người, tổ chức hội thảo, trên cơ sở không bỏ sót việc, biên chế không tăng, nâng cao chất lượng vị trí việc làm bằng quy định chuẩn tại khung năng lực vị trí việc làm và bản mô tả công việc.



Kết thúc quá trình chọn mẫu, làm điểm, Thành phố hướng dẫn, triển khai rộng đến tất cả các cơ quan, đơn vị.

Từ bước đi, cách làm của Khối hành chính, Thành phố triển khai vị trí việc làm tại đơn vị sự nghiệp, tập trung xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm 02 lĩnh vực giáo dục và y tế (chiếm tỷ lệ 90% khối lượng công việc), phê duyệt khung vị trí việc làm theo từng khối và theo hạng đơn vị có tính chất tương đồng giống nhau, cụ thể như:

- Đối với lĩnh vực giáo dục, gồm: Khối các Trường Đại học, Cao đẳng; khối THPT, khối THCS, khối Tiểu học, khối Mầm non.

- Đối với lĩnh vực y tế, gồm: Khối Bệnh viện, khối Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã; khối Trung tâm chuyên khoa.

- Đối với lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm: khối các trường Trung cấp, khối các cơ sở cai nghiện, khối bảo trợ xã hội, khối điều dưỡng người có công.

Các đơn vị sự nghiệp còn lại ngoài y tế, giáo dục: phê duyệt theo từng đơn vị.

5. Công tác hướng dẫn, tập huấn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát được coi trọng. Quy trình thực hiện công khai, dân chủ, khoa học.

6. Căn cứ Đề án được phê duyệt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị rà soát, đánh giá, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... theo đúng vị trí việc làm, từ đó phát hiện các đối tượng chưa đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng hoặc luân chuyển, điều động đến những vị trí phù hợp; giải quyết có lý, có tình số cán bộ dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo đề án vị trí việc làm.

7. Vận dụng sáng tạo các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước vào điều kiện cụ thể ở Thành phố.

#### **IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

##### **1. Về việc xác định biên chế công chức, biên chế viên chức gắn với vị trí việc làm**

- Giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc (biên chế viên chức) xác định theo đề án vị trí việc làm phải gắn với yêu cầu tinh giản biên chế của Trung ương, do vậy tại nhiều cơ quan, đơn vị không đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai nhiệm vụ.

Việc quản lý, giao biên chế hành chính hiện nay chưa phù hợp với thực tiễn của các đô thị đang phát triển rất nhanh như Hà Nội<sup>11</sup>, với khối lượng công việc lớn (giao dịch hành chính), tính chất phức tạp, nhạy cảm ngày càng cao, nhất là sau khi thành phố Hà Nội mở rộng địa giới hành chính. Mặc dù thành phố Hà Nội đã tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin mức độ

<sup>11</sup> Ước tính dân số hơn 8,5 triệu người, đứng thứ 2 cả nước (sau Thành phố Hồ Chí Minh), số người thường xuyên sinh sống trên địa bàn là hơn 10 triệu người, mỗi năm có thêm khoảng 7 vạn người nhập cư, mật độ dân số trung bình gấp 8 lần mật độ chung. Diện tích tự nhiên là 3.358,6 km<sup>2</sup>, gồm 30 đơn vị hành chính cấp huyện, 579 đơn vị hành chính cấp xã, quy mô gần 300.000 doanh nghiệp (chiếm 30% cả nước). Số lượng giao dịch hành chính phải tiếp nhận, giải quyết và ký duyệt rất lớn, trung bình gần 4 triệu hồ sơ hành chính/năm (bao gồm cả hồ sơ trực tiếp và trực tuyến)

3 và 4, song việc liên tục giảm biên chế hành chính là một điều hết sức khó khăn trong việc thực hiện đúng vị trí việc làm đã được xây dựng, công chức chịu sức ép lớn về khối lượng công việc được giao, trong khi yêu cầu công việc đòi hỏi ngày càng cao.

- Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2026, tiếp tục cắt giảm theo tỷ lệ 5% biên chế công chức, 10% biên chế viên chức dẫn đến việc xác định biên chế gắn với vị trí việc làm càng khó khăn. Ngày 05/5/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đặt ra 08 nhóm nhiệm vụ trọng tâm ở các lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, quy hoạch, xây dựng, đối ngoại, pháp chế...), đòi hỏi các cơ quan, đơn vị cần nhiều nỗ lực để tập trung thực hiện các mục tiêu đề ra. Vì vậy, việc tinh giản biên chế như hiện nay gây áp lực lớn đối với đội ngũ công chức, viên chức và bộ máy chính quyền của Thành phố.

Hiện nay, các Bộ chuyên ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức biên chế công chức, định mức số lượng người làm việc (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục trong các đơn vị sự nghiệp công lập). Vì vậy, việc xác định biên chế công chức, biên chế viên chức gắn với vị trí việc làm còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo tính khoa học và đồng bộ.

## **2. Về các vị trí việc làm trong danh mục đã ban hành**

Trong quá trình triển khai, một số vị trí việc làm phù hợp với thực tiễn triển khai nhiệm vụ, nhưng hiện không có trong Thông tư hướng dẫn của các Bộ. Trong danh mục vị trí việc làm dùng chung, còn thiếu các vị trí việc làm về Công nghệ thông tin (danh mục chỉ có vị trí việc làm về Truyền thông), dẫn đến khó khăn trong thực hiện các chủ trương về chuyển đổi số, hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp. Một số vị trí khác chưa có trong danh mục như: vị trí việc làm Hành chính một cửa thuộc Văn phòng các Sở...; vị trí việc làm kiểm nghiệm hoá học, kiểm nghiệm sinh học của Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp...

Tại thành phố Hà Nội, hiện đang thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã theo Quyết định số 21/2023/QĐ-TTg ngày 10/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Qua rà soát, các vị trí việc làm theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng chưa phù hợp để áp dụng đối với đề án vị trí việc làm thuộc Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị nên khó khăn khi triển khai thực hiện.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Các Bộ, ngành tiếp tục nghiên cứu, ban hành hướng dẫn cụ thể định mức biên chế công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực; xác định biên chế đáp ứng đúng, đủ với yêu cầu của vị trí việc làm; đề nghị xem xét không tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế công chức, biên chế viên chức

hưởng lương ngân sách đối với thành phố Hà Nội. Có chính sách cụ thể, hợp lý trong việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ dôi dư, luân chuyển, điều động khi thực hiện đề án vị trí việc làm.

2. Đề nghị Bộ Nội vụ và các Bộ chuyên ngành nghiên cứu, có đánh giá, rà soát; tổng hợp các vị trí việc làm phù hợp với thực tiễn triển khai nhiệm vụ, đã phát huy hiệu quả trong giai đoạn trước để bổ sung vào danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đề nghị tách nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ ra khỏi các Nghị định, để đảm bảo tính thống nhất không giao biên chế đối với lao động hợp đồng theo Kết luận số 40-KL/TW.

4. Đối với quy định số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị tính cả số lượng lãnh đạo quản lý hoặc giảm tỷ lệ cho phù hợp với đơn vị có quy mô nhỏ.

Trên đây là Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm của thành phố Hà Nội. Rất mong nhận được sự đóng góp của các Quý vị đại biểu và toàn thể hội nghị./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*

*Kính thưa: Đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ,*

*Kính thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,*

Thành phố Hồ Chí Minh xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức. Với đặc điểm là một đô thị loại đặc biệt, Thành phố nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm tại các đơn vị trực thuộc để nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện các quy định của Trung ương về vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân Thành phố đã thành lập Tổ Công tác triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức do Sở Nội vụ là Tổ trưởng, giao nhiệm vụ cơ quan chuyên môn triển khai hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Thành phố; thực hiện tuyển dụng, sử dụng, sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng công chức, chuẩn hóa đội ngũ viên chức, đáp ứng khung năng lực của vị trí việc làm. Hằng năm, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án vị trí việc làm trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị khi có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ.

Song song, việc xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động sau khi các Bộ - ngành ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các sở - ngành, quận - huyện cũng được tiến hành đồng loạt. Đến nay, tất cả các cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt Đề án vị trí việc làm (trừ Sở An toàn thực phẩm được thành lập trên cơ sở trước đây thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm).

Kết quả: Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có 29 cơ quan hành chính (gồm 20 cơ quan chuyên môn (chưa bao gồm Sở An toàn thực phẩm mới được thành lập) và 09 cơ quan hành chính khác), 20 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được giao biên chế, 07 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố không được giao biên chế và 22 quận

- huyện và thành phố Thủ Đức (đang hoàn thiện đề án vị trí việc làm sau sáp nhập) thực hiện theo Danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 2077/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp khẩn trương rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm, Thành phố luôn nhận được sự hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời và thường xuyên của Bộ Nội vụ, tuy nhiên các đơn vị gặp phải một số vướng mắc, cần sự hỗ trợ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương để các đơn vị kịp thời phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo quy định như:

*Thứ nhất*, Trong thực tiễn, có vị trí việc làm tương ứng 01 biên chế (vị trí người đứng đầu tổ chức), có vị trí việc làm tương ứng với nhiều biên chế (như vị trí giáo viên trong các trường học do nhiều người đảm nhiệm) và có vị trí phải thực hiện kiêm nhiệm (như 04 vị trí: kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế trong các trường mầm non chỉ do 02 người đảm nhận). Trên cơ sở thống kê công việc, thời gian hoàn thành công việc thì số lượng người làm việc cần thiết thì cao hơn số lượng biên chế đang được giao tại đơn vị (do áp lực về hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân trên địa bàn Thành phố, trung bình mỗi năm Thành phố giải quyết hơn 10 triệu hồ sơ thủ tục hành chính, chưa kể đến các công việc hành chính cần giải quyết giữa nội bộ các cơ quan nhà nước như quy hoạch, đấu thầu, thanh quyết toán tài chính, xử phạt vi phạm hành chính v.v...), phục vụ cho dân số hơn 10 triệu người sinh sống, làm việc và học tập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong trường hợp điều chỉnh số lượng người làm việc tăng theo Đề án vị trí việc làm thì sẽ phát sinh tăng biên chế, trong khi biên chế đến năm 2026, Thành phố Hồ Chí Minh phải giảm hơn 500 biên chế hành chính theo quy định về chỉ tiêu tinh giản biên chế.

*Thứ hai*, Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tổ chức đảng chưa có hướng dẫn về vị trí việc làm, nhất là trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp có số lượng đảng viên lớn mà cấp ủy là Đảng bộ cấp trên cơ sở. Do đó, cần có sự đồng bộ và hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trung ương.

*Thứ ba, về ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức:*

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ thì không quy định ngạch công chức, trong khi Nghị định số 62/2020/NĐ-CP thì quy định “Căn cứ xác định cơ cấu ngạch công

chức” là dựa vào “*tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm*” dẫn đến khó xác định cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị.

- Bên cạnh đó, vị trí việc làm Kế toán Trưởng (phụ trách kế toán) tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV không có quy định chức danh nghề nghiệp trong khi Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý là người chỉ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp.

*Thứ tư, về Bản mô tả vị trí việc làm:*

- Bản mô tả vị trí việc làm kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) yêu cầu về trình độ đào tạo: “*Tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác; có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp chính trị của cơ quan có thẩm quyền*” và “*có thời gian giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương từ đủ 06 năm trở lên...*”. Yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện này quá cao so với quy định về điều kiện bổ nhiệm kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27 tháng 8 năm 2018<sup>12</sup> và khó có công chức, viên chức đạt điều kiện này. Như vậy, có sự chông chéo, không thống nhất trong quy định điều kiện, tiêu chuẩn đối với vị trí này giữa Thông tư số 12/2022/TT-BNV và Thông tư số 04/2018/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

- Đối với bản mô tả vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch ban hành kèm Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL: vị trí việc làm số 33 tại Phụ lục 1B có tên gọi là Hướng dẫn viên hạng IV (thống nhất với tên gọi quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao) nhưng tại bản mô tả vị trí việc làm này thì ghi tên gọi là “Huấn luyện viên hạng IV”.

*Thứ năm*, một số trường Cao đẳng, Đại học do Thành phố quản lý đang hoàn thiện Đề án vị trí việc làm theo các thông tư của các Bộ ngành Trung ương, tuy nhiên một số nhiệm vụ chưa có quy định cụ thể như: Viên chức làm công tác thanh tra nội bộ (Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT quy định), Viên chức làm các nhiệm vụ liên quan đến phát hành tạp chí khoa học như: Biên tập, morat, dàn trang, phát hành tạp chí; nhiệm vụ liên quan đến công nghệ thông tin như

<sup>12</sup>Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước;

quản lý server, xây dựng, quản lý hệ thống website phục vụ cho hoạt động của Nhà trường, bảo mật, an ninh mạng..... Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư 17/2023/TT-BKHCN có quy định các vị trí như: Nghiên cứu viên cao cấp, Nghiên cứu viên chính, Nghiên cứu viên, Trợ lý nghiên cứu... đối tượng áp dụng không dùng cho cơ sở giáo dục đại học, dẫn đến việc xây dựng Đề án vị trí việc làm tại các Viện nghiên cứu thuộc Trường Đại học gặp khó khăn.

*Thứ sáu*, một số Thông tư quy định định mức người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp phù hợp với thực tiễn (như giáo dục, y tế), tuy nhiên chưa có hướng dẫn đối với trường hợp thực hiện đúng định mức của các Bộ quy định, dẫn đến tổng số biên chế, số lượng người làm việc tăng so với tổng số biên chế mà Trung ương đã quy định, phân bổ giao cho địa phương.

*Kính thưa Hội nghị,*

Để thực hiện có hiệu quả đề án vị trí việc làm, trong thời gian tới cần triển khai một số giải pháp sau:

- Nâng cao vai trò của Thủ trưởng cơ quan trong xây dựng Đề án vị trí việc làm.
- Xây dựng, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và việc sắp xếp tổ chức bộ máy sau khi tinh gọn.
- Việc thông kê công việc của cá nhân cần phải làm chính xác, làm cơ sở xác định khối lượng thời gian giải quyết từ đó xác định biên chế, số lượng người làm việc cho các vị trí việc làm.

Qua thực tiễn xây dựng Đề án vị trí việc làm, nhất là khối đơn vị sự nghiệp, Thành phố kiến nghị các cơ quan trung ương một số nội dung như sau:

### **1. Bộ Nội vụ và Ban Tổ chức Trung ương**

- Sớm hướng dẫn vị trí việc làm công tác đảng trong các cơ quan chính quyền, đơn vị sự nghiệp có tổ chức đảng mà cấp ủy là Đảng bộ cấp trên cơ sở.
- Xem xét, xác định giao biên chế các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác thuộc nhà nước quản lý trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **2. Bộ Nội vụ**

- Hướng dẫn việc xác định vị trí việc làm tại các Hội đặc thù, Quỹ do Nhà nước quản lý và giao biên chế, số lượng người làm việc.

### **3. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Đối với việc xây dựng bản mô tả vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong các cơ sở giáo dục mầm

non công lập, các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt cần sớm có hướng dẫn, ban hành phụ lục khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực để đơn vị dễ xây dựng theo tình hình thực tế của đơn vị.

- Sớm ban hành hướng dẫn vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong các cơ sở giáo dục cao đẳng, Đại học.

#### **4. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch**

- Rà soát lại tên vị trí việc làm viên chức chuyên ngành thể dục thể thao quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL và tên gọi tại bản mô tả vị trí việc làm tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL thống nhất để áp dụng đúng tên vị trí việc làm trong tuyển dụng viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

- Ban hành danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp là các đơn vị cung cấp dịch vụ lưu trú, nhà hàng, khách sạn.

#### **5. Bộ Y tế**

- Ban hành bản mô tả vị trí việc làm của từng vị trí theo Thông tư 03/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Bộ y tế về hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

#### **6. Bộ Khoa học và Công nghệ**

- Hướng dẫn vị trí việc làm về công tác nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, y tế và đơn vị sự nghiệp khác.

*Kính chúc đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ cùng các đồng chí tham dự Hội nghị mạnh khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.*



## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng*

*Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh, chức vụ tương ứng, là cơ sở xác định biên chế công chức, số lượng người làm việc để tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức. Khái niệm này được quy định cụ thể tại Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức, cho thấy việc xác định vị trí việc làm có ý nghĩa rất lớn, tác động đến nhiều khía cạnh, đặc biệt là đối với việc quản lý, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cải cách tiền lương hiệu quả. Tại thành phố Đà Nẵng, trong những năm qua, việc triển khai xây dựng và thẩm định Đề án vị trí việc làm được thực hiện một cách nghiêm túc với sự nghiên cứu công phu, hướng dẫn chi tiết và ứng dụng công nghệ thông tin, từ đó làm cơ sở để tuyển dụng và quản lý công chức, viên chức*

### **1. Về việc chỉ đạo rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP**

a) Triển khai Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị tiến hành rà soát, xây dựng lại đề án vị trí việc làm. Đồng thời, Sở Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm để tạo sự thống nhất và thuận lợi cho các cơ quan sớm hoàn thành việc xây dựng Đề án, cụ thể:

- Công văn số 1040/UBND-SNV ngày 26/02/2021 triển khai việc rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm đến các cơ quan, địa phương.

- Công văn số 2132/SNV-CCVC ngày 07/7/2021 về việc rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm;

- Công văn số 2165/SNV-XDCQ ngày 12/7/2021 về rà soát và xây dựng đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính khối quận, huyện;

- Công văn số 2435/SNV-CCVC ngày 06/8/2021 về việc trao đổi, hướng dẫn một số nội dung về xây dựng Đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính.

b) Triển khai Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư của các Bộ, ngành hướng

dẫn về vị trí việc làm công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành; UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Công văn số 5698/UBND-SNV ngày 18/10/2023 chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị rà soát xây dựng lại đề án vị trí việc làm theo thông tư mới của các Bộ, ngành hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm.

## **2. Kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm**

### **a) Tại các cơ quan, tổ chức hành chính**

Triển khai Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, UBND thành phố đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm của 30 cơ quan, địa phương (gồm 22 sở, ban, ngành và 08 quận, huyện) với 346 vị trí việc làm, trong đó gồm có 67 vị trí việc làm nhóm lãnh đạo, quản lý; 243 vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, 16 vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và 20 vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ. Bên cạnh đó, từ khi thành phố thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị, công chức của UBND phường thuộc biên chế công chức của UBND quận và do UBND quận quản lý, sử dụng. Nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã và quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và để phù hợp với bối cảnh thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị, UBND thành phố đã chỉ đạo xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án vị trí việc làm của 45/45 phường, đạt tỉ lệ 100%.

### **b) Đơn vị sự nghiệp**

Tại thành phố Đà Nẵng, Đề án vị trí việc làm được xem là cơ sở để xác định định mức lao động, thời gian lao động, số lượng người làm việc cần thiết, yêu cầu của từng vị trí việc làm đóng vai trò đặc biệt quan trọng nhằm tuyển dụng, bố trí, sử dụng nguồn nhân lực phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác, góp phần phát huy được hết khả năng của viên chức trong công việc. Tính đến tháng 12/2018, 100% đơn vị đã được phê duyệt Đề án vị trí việc làm (đơn vị sự nghiệp của 19 sở, ngành và 08 quận, huyện) với tổng số vị trí việc làm (cộng dồn) là 1.991 vị trí, trong đó khối sở ngành 1.658 vị trí và khối quận, huyện 333 vị trí.

Thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, mặc dù các Bộ chuyên ngành chưa ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm và biên chế công chức, tuy nhiên UBND thành phố đã đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị chủ động rà soát, điều chỉnh lại đề án vị trí việc làm để phù hợp với quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, làm cơ sở để giao chỉ tiêu số lượng người làm việc và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng viên chức. Từ năm 2020 đến nay, Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt đề án điều chỉnh vị trí việc làm đối với 06 đơn vị sự nghiệp mới thành lập hay thực

hiện sắp xếp, sáp nhập<sup>13</sup>. Trên cơ sở vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị đã rà soát lại đội ngũ công chức, viên chức, đối chiếu với tiêu chuẩn, khung năng lực quy định của từng vị trí việc làm cụ thể để bố trí lại cho phù hợp, cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và làm cơ sở để thực hiện tinh giản biên chế trong trường hợp chưa đạt yêu cầu về trình độ, chuyên ngành nhưng không thể bố trí công việc khác, tăng cường kiêm nhiệm đối với các vị trí hỗ trợ phục vụ. Khung năng lực (yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ) là cơ sở để thẩm định, xác định nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đã xác định.

c) Vừa qua, nhiều Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành. UBND thành phố Đà Nẵng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát, trình phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm, đảm bảo thời hạn hoàn thành theo yêu cầu của Bộ Nội vụ Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023.

### **3. Những khó khăn, vướng mắc**

a) Nghị định số 62/2020/NĐ-CP quy định việc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hướng dẫn về “vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương” và “định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý”; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn cụ thể việc xác định cơ cấu ngạch công chức (khoản 2, Điều 19). Tuy nhiên đến năm 2023, các bộ chuyên ngành và mới ban hành các văn bản triển khai thực hiện về danh mục vị trí việc làm chuyên ngành, danh mục vị trí việc làm dùng chung làm cho quá trình triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm còn chậm trễ và gặp nhiều khó khăn, nhất là việc xác định lại danh mục vị trí việc làm.

b) Trong quá trình xác định vị trí việc làm có thể sẽ phát sinh một số vị trí của công chức, viên chức ở địa phương chưa được quy định tại các Thông tư hướng dẫn danh mục vị trí việc làm. Tuy nhiên hiện nay, Thông tư của các Bộ, ngành không quy định về việc phê duyệt đối với các vị trí việc làm chưa có trong danh mục quy định nhưng thực sự cần thiết và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương.

c) Nghị định 106/2020/NĐ-CP quy định các bộ, ngành “Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp”. Tuy nhiên vừa qua, nhiều Thông tư của các Bộ, ngành chỉ hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm; và giao cho địa phương tự xác định cơ cấu viên chức theo các nguyên tắc quy định tại Nghị định

<sup>13</sup> Năm 2020: Trung tâm Phát triển hợp tác quốc tế trực thuộc Sở Ngoại vụ, Trung tâm Quản lý hạ tầng đô thị thành phố Đà Nẵng trực thuộc Sở Xây dựng. Năm 2021: Ban Quản lý Tòa nhà Trung tâm Hành chính thành phố thuộc Văn phòng UBND thành phố, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Năm 2022: Trung tâm Công tác xã hội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Năm 2023: Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Quản lý hạ tầng đô thị trực thuộc Sở Xây dựng.

106/2020/NĐ-CP. Do đó việc xác định cơ cấu chức danh nghề nghiệp giữa các địa phương chưa có sự đồng bộ.

d) Việc giao chỉ tiêu biên chế và vị trí việc làm chưa gắn liền với nhau; theo yêu cầu tinh giản biên chế như hiện nay thì khó khăn trong việc đảm bảo biên chế theo vị trí việc làm.

đ) Khó khăn trong việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 và hiện nay là Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ đối với một số vị trí việc làm quy định khung năng lực cụ thể với chuyên ngành hạn chế.

#### **4. Kiến nghị, đề xuất**

a) Việc xác định cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của mỗi công chức, viên chức. Vì vậy, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, hướng dẫn thống nhất về cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức để thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

b) Ngoài các vị trí việc làm do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, kính đề nghị Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm cho phép các địa phương xây dựng các vị trí việc làm đặc thù, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ*

Theo phân công của Ban Tổ chức hội nghị, thành phố Cần Thơ xin được phép trình bày tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo tham luận “*Kết quả triển khai và thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ*”, cụ thể như sau:

### **1. Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm trong thời gian qua**

Việc xác định vị trí việc làm là nội dung quan trọng để thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức. Công việc này được coi là khâu cơ bản, khởi đầu để từ đó có cơ sở sắp xếp bộ máy. Qua xác định vị trí việc làm, sẽ giúp cơ quan, đơn vị phát hiện những chông chéo về nhiệm vụ của các vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức; xác định trong một cơ quan, đơn vị có bao nhiêu vị trí việc làm và cần bao nhiêu người với những tiêu chuẩn, năng lực gì để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đó; phục vụ hiệu quả sắp xếp lại đội ngũ công chức, viên chức. Qua đó, cơ quan, đơn vị thực hiện tuyển dụng, sắp xếp, bố trí và sử dụng công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức không đáp ứng yêu cầu công việc, góp phần thực hiện tinh giản biên chế.

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP và Nghị định số 36/2013/NĐ-CP của Chính phủ (hiện nay đã được thay thế bởi Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ), Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành kế hoạch<sup>14</sup> và văn bản chỉ đạo; đồng thời, tổ chức hội nghị triển khai các văn bản quy định. Theo đó, giao Sở Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức các lớp tập huấn để thực hiện việc xây dựng đề án vị trí việc làm. Kết quả đạt được, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính: Bộ Nội vụ thẩm định, phê duyệt 305 vị trí

<sup>14</sup> Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố

việc làm tại Quyết định số 2079/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2015<sup>15</sup>. Đồng thời, Bộ Nội vụ yêu cầu thành phố hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được Bộ Nội vụ phê duyệt; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tối thiểu tương ứng đã được Bộ Nội vụ phê duyệt.

Để thực hiện nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2016, Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 chỉ đạo sở, ngành, quận, huyện khẩn trương triển khai thực hiện Quyết định số 2079/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ<sup>16</sup>. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nội vụ phối hợp với Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ hỗ trợ tư vấn, hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được Bộ Nội vụ phê duyệt.

Trên cơ sở nghiên cứu, tư vấn của Viện Khoa học Tổ chức nhà nước, ngày 05 tháng 3 năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 552/QĐ-UBND về việc ban hành Khung năng lực công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố Cần Thơ làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố xác định khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm theo phê duyệt của Bộ Nội vụ. Đồng thời, chỉ đạo cơ quan, địa phương trên cơ sở khung năng lực công chức trong cơ quan hành chính tại Quyết định số 552/QĐ-UBND nêu trên, người đứng đầu cơ quan, địa phương quyết định khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm, phê duyệt bảng mô tả công việc theo từng vị trí và bố trí người làm việc phù hợp vị trí việc làm của từ cơ quan, địa phương.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: 100% đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố đã hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và được phê duyệt vị trí việc làm.

Trên cơ sở khung danh mục vị trí việc làm được phê duyệt và thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 02 tháng 02 tháng 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan, đơn vị đã hoàn thiện Bản mô tả công việc và xây dựng Khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt nhằm hoàn thiện các nội dung còn lại của Đề án, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và thực hiện xác định số lượng người làm việc phù hợp với khối lượng công việc, quy mô của từng đơn vị.

<sup>15</sup> Kết quả phê duyệt của Bộ Nội vụ: 305 vị trí, nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 47 vị trí; nhóm chuyên môn, nghiệp vụ: 243 vị trí (trong đó: cấp thành phố: 182 vị trí; cấp quận: 61 vị trí); nhóm hỗ trợ, phục vụ: 15 vị trí.

<sup>16</sup> Đồng thời, ban hành Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Tổ Công tác xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính của thành phố để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính của thành phố.

## **2. Kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ, cuối năm 2020 Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành 02 Kế hoạch<sup>17</sup> để triển khai 02 Nghị định nêu trên. Đồng thời, giao Sở Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn<sup>18</sup> để cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc xây dựng vị trí việc làm cần có sự hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương để đảm bảo tính thống nhất về danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Do vậy, khi chưa có hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về danh mục vị trí việc làm, thì thành phố Cần Thơ cũng mới chỉ dừng lại việc rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm ở một số cơ quan, đơn vị có sự thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy, các cơ quan, đơn vị còn lại tiếp tục thực hiện vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến khi Bộ Nội vụ có Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành 02 văn bản<sup>19</sup> chỉ đạo, triển khai thực hiện và yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị khẩn trương rà soát, xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm để trình phê duyệt theo quy định. Ngoài ra, để đẩy mạnh phân cấp trong thực hiện phê duyệt vị trí việc làm, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023, phân cấp cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

Khi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành thông tư hướng dẫn danh mục vị trí việc làm, Sở Nội vụ tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn và phối hợp với

<sup>17</sup> Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

<sup>18</sup> Hướng dẫn số 310/HD-SNV ngày 09 tháng 02 năm 2023, Công văn số 2587/SNV-TCBC ngày 29 tháng 8 năm 2023, Công văn số 3505/SNV-TCBC ngày 13 tháng 11 năm 2023

<sup>19</sup> Công văn số 4305/UBND-NC ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Công văn số 4376/UBND-NC ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Trung tâm Đào tạo - Nghiên cứu khoa học tổ chức và quản lý thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức lớp tập huấn “Vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp năm 2023” cho lãnh đạo và công chức phụ trách xây dựng, hướng dẫn, thẩm định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tổ chức hành chính tại các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp; Phòng Nội vụ quận, huyện. Ngoài ra, Sở Nội vụ còn tổ chức các buổi hướng dẫn trực tiếp tại các quận, huyện để hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cơ quan, đơn vị trong thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm.

Tính đến nay, đã có 05 cơ quan hành chính cấp thành phố và 19 cơ quan hành chính cấp huyện; 02 đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm để trình phê duyệt. Các cơ quan, đơn vị và địa phương còn lại đang trong quá trình hoàn thiện để trình phê duyệt theo quy định và phân cấp.

Tuy nhiên, việc xây dựng đề án và phê duyệt vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương còn chậm so với tiến độ đề ra; chất lượng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa đạt yêu cầu. Với những nguyên nhân chủ yếu và khó khăn như sau:

a) Nguyên nhân chủ yếu: các Bộ, ngành chậm ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (có Bộ đến tháng 11 năm 2023 mới ban hành Thông tư hướng dẫn và đến tháng 12 năm 2023, tháng 01 năm 2024 mới có hiệu lực thi hành); hiện nay chưa có hướng dẫn việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và còn rất nhiều Bộ chưa ban hành định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ có 03 Bộ: Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo ban hành định mức số lượng người làm việc);

b) Khó khăn, vướng mắc:

- Thông tư của một số Bộ ban hành chưa đầy đủ danh mục vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị (đơn cử như Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ và đơn vị sự nghiệp trực thuộc, theo quy định thì việc xây dựng vị trí việc làm được thực hiện theo Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, Ban và đơn vị sự nghiệp trực thuộc còn hoạt động ở lĩnh vực lao động, xây dựng, tài nguyên và môi trường nhưng Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm của ngành lao động, xây dựng, tài nguyên và môi trường chỉ áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đó; hoặc ngành lao động, thương binh và xã hội quy định thiếu một số vị trí việc làm của các đơn vị giáo dục nghề nghiệp (công tác đào tạo, tuyển sinh,...), đơn vị



bảo trợ xã hội (y tế, dinh dưỡng, nấu ăn...)); chưa phù hợp với tổ chức đơn vị sự nghiệp thực tế tại địa phương và tổ chức sự nghiệp do sắp xếp lại theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Một số văn bản hướng dẫn chưa thống nhất về bản mô tả vị trí việc làm, cụ thể một số Bộ hướng dẫn khá chi tiết, nhưng cũng có một số Bộ hướng dẫn chung chung (chỉ có mẫu chung, biểu khung về mô tả vị trí việc làm như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Giao thông vận tải). Riêng ngành y tế tại Thông tư hướng dẫn chưa có bản mô tả vị trí việc làm.

- Các Bộ, ngành chưa hướng dẫn việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, lao động - thương binh và xã hội).

- Việc xây dựng vị trí việc làm được xác định trên cơ sở quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, tuy nhiên một số Bộ, ngành chưa ban hành văn bản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý, vì vậy địa phương gặp khó khăn trong việc xác định vị trí việc làm.

- Khi xác định vị trí việc làm và bố trí người làm việc theo vị trí việc làm ở các đơn vị sự nghiệp có quy mô nhỏ (đơn cử như một đơn vị có 17 người làm việc), thì tổng số lượng người làm việc chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung không đảm bảo tỷ lệ 65%.

### **3. Kiến nghị**

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kiến nghị như sau:

a) Đề nghị Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành rà soát, tiếp tục hoàn thiện hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan đến danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc tương ứng với từng vị trí việc làm đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ quy định và tình hình thực tế địa phương.

b) Đối với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực:

- Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về định mức số lượng người làm việc (hiện nay có Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn), việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp làm cơ sở cho các đơn vị, địa phương thực hiện thống nhất.

- Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý, làm cơ sở xây dựng vị trí việc làm (hiện nay có Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hướng dẫn).

Trên đây là nội dung tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về *“Kết quả triển khai và thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ”*.

Xin trân trọng cảm ơn!

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng*

Kính thưa:.....

Theo sự phân công của Ban tổ chức, thay mặt Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, tôi xin báo cáo một số nội dung liên quan đến việc xây dựng vị trí việc làm tại thành phố Hải Phòng trong thời gian qua, những khó khăn, vướng mắc và kế hoạch triển khai trong thời gian tới, cụ thể:

### **1. Về kết quả thực hiện xây dựng đề án và phê duyệt vị trí việc làm theo quy định mới của Chính phủ và kế hoạch trong thời gian tới**

Theo quy định *Vị trí việc làm là công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để xác định biên chế và bố trí công việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*. Việc xác định vị trí việc làm có ý nghĩa rất lớn, tác động đến nhiều khía cạnh, đặc biệt là đối với việc quản lý, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức và cải cách tiền lương.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ<sup>20</sup>, năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã có văn bản<sup>21</sup> chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng đề án vị trí việc làm. Từ cuối năm 2022, căn cứ Danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị của Ban Tổ chức Trung ương, các Thông tư của Bộ Nội vụ<sup>22</sup>; từ năm 2020 đến nay (sau khi có Nghị định của Chính phủ), Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng luôn quan tâm tới công tác chỉ đạo việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp<sup>23</sup>. Tuy nhiên, việc xây dựng vị trí việc làm

<sup>20</sup> (1) Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; (2) Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

<sup>21</sup> Công văn số 7471/UBND-NV2 ngày 25/11/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

<sup>22</sup> (1) Số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; (2) số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức

<sup>23</sup> Chỉ đạo và ban hành các văn bản: (2) Công văn số 121/UBND-KSTTHC ngày 16/01/2023 về việc xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn thành phố; (3) Công văn số 64/VP-KSTTHC ngày 05/01/2023 về việc thực hiện Thông tư của Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; (4) Công văn số 324/VP-KSTTHC ngày 17/01/2023 về việc thực hiện Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; (5) Công văn số 1172/UBND-KSTTHC ngày 26/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện việc xây dựng, điều chỉnh đề án vị trí việc

cần có sự hướng dẫn của bộ, ngành trung ương để đảm bảo tính thống nhất về danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp .... Do vậy, khi chưa có hướng dẫn của bộ, ngành trong việc xây dựng đề án và phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tại thành phố Hải Phòng cũng mới chỉ dừng lại ở một số cơ quan, đơn vị có sự thay đổi về tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức hoặc bất cập trong yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị còn lại tiếp tục thực hiện vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Từ cuối năm 2022, sau khi có hướng dẫn của bộ, ngành, các cơ quan, địa phương, đơn vị đã thực hiện việc rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm; nhưng việc xây dựng đề án và phê duyệt vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương còn chậm so với tiến độ đề ra; chất lượng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa đạt yêu cầu. Nguyên nhân chủ yếu do chưa có đầy đủ cơ sở để chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện (các bộ, ngành chậm ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý, vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành trong cơ quan hành chính. Từ tháng 3/2023 thậm chí đến tháng 11/2023 có bộ, ngành mới ban hành thông tư hướng dẫn và có hiệu lực thi hành văn bản trong tháng 12/2023, tháng 01/2024).

Tính đến tháng 11/2023, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã phê duyệt vị trí việc làm theo hướng dẫn mới đối với 03 sở, ngành. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị đang trong quá trình hoàn thiện để trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt theo quy định.

Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng đề án và phê duyệt vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố; sau khi Bộ Nội vụ có Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp Ủy ban nhân dân thành phố đã có văn bản<sup>24</sup> yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị khẩn trương rà soát, xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định. Đồng thời, giao Sở Nội vụ tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trách nhiệm

---

làm; (6) Công văn số 2741/UBND-KSTTHC ngày 06/11/2023 về việc triển khai thực hiện việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

<sup>24</sup> Công văn số 2741/UBND-KSTTHC ngày 06/11/2023 về việc triển khai thực hiện việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

người đứng đầu nếu cơ quan, đơn vị, địa phương không hoàn thành nhiệm vụ trong việc xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong năm 2023.

Dự kiến Hải Phòng sẽ phân đầu hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp viên chức trong năm 2023 theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

## **2. Một số khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất**

Đến nay, hầu hết các bộ, ngành đã ban hành thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện xây dựng vị trí việc làm theo hướng dẫn của các bộ, ngành có một số khó khăn, vướng mắc như sau:

*Thứ nhất*, việc xây dựng vị trí việc làm được xác định trên cơ sở quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, tuy nhiên, một số bộ, ngành chưa ban hành văn bản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý (Ví dụ: Bộ Công Thương chưa có văn bản hướng dẫn mới thay thế Thông tư liên tịch số 16/2011/TTLT-BCT-BNV ngày 05/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa có văn bản hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý cảng cá, bến cá...).

*Thứ hai*, việc hướng dẫn về vị trí việc làm của một số bộ, ngành phát sinh rất nhiều vị trí việc làm, dẫn đến khó khăn trong việc xác định biên chế và bố trí số người làm việc theo vị trí việc làm tại cơ quan, địa phương, đơn vị. Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng vị trí kiêm nhiệm rất nhiều (nhiều hơn vị trí chuyên trách và dự kiến số người bố trí thực hiện nhiệm vụ). Bên cạnh đó, quy định việc xây dựng vị trí việc làm là cơ sở để xác định biên chế, tuy nhiên, việc xây dựng vị trí việc làm đang được tính toán trên cơ sở số biên chế được giao hàng năm và thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo quy định.

*Thứ ba*, một số văn bản hướng dẫn chưa thống nhất về bản mô tả vị trí việc làm (hướng dẫn của một số bộ, ngành khá chi tiết, nhưng cũng có một số bộ ngành rất chung chung, có ngành đưa mẫu chung về mô tả (như Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và môi trường), có ngành thì đưa ra biểu khung (như Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải).

*Thứ tư*, một số ngành quy định thiếu một số vị trí việc làm so với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (ví dụ như Ban Quản lý khu kinh tế, theo quy định

thì việc xây dựng vị trí việc làm được thực hiện theo Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, Ban Quản lý khu kinh tế còn hoạt động ở lĩnh vực lao động, xây dựng, tài nguyên và môi trường nhưng Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm của ngành lao động, xây dựng, tài nguyên và môi trường chỉ áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đó. Hoặc ngành lao động, thương binh và xã hội quy định thiếu một số vị trí việc làm so với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị giáo dục nghề nghiệp (công tác đào tạo, tuyển sinh,...), đơn vị bảo trợ xã hội (y tế, dinh dưỡng, nấu ăn.....). Ngành giáo dục và đào tạo chưa có hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trong các cơ sở giáo dục đại học và các trường cao đẳng sư phạm công lập. Riêng ngành y tế tại Thông tư hướng dẫn chưa có bản mô tả vị trí việc làm.

*Thứ năm*, hầu hết các bộ, ngành chưa hướng dẫn cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư của các Bộ quy định về vị trí việc làm hiện nay đều chỉ dẫn sang nguyên tắc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc (***cơ cấu số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm***), không phải cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp).

*Thứ sáu*, ở địa phương còn một số ít đơn vị có quy mô nhỏ, số lượng người ít, chưa đủ điều kiện để thực hiện chuyển đổi cơ chế tài chính, ngân sách nhà nước vẫn phải đảm bảo chi thường xuyên, khi xây dựng vị trí việc làm khó khăn trong việc xác định số người làm việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (ví dụ: Đơn vị sự nghiệp có 17 người, theo quy định được bố trí 2 phòng và 3 lãnh đạo đơn vị. Như vậy, tổng số người làm việc ở vị trí lãnh đạo, quản lý là 7/17 người; số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung là 10/17 (chỉ chiếm tỷ lệ 59%)).

*Thứ bảy*, về yêu cầu trình độ chuyên môn đối với từng vị trí việc làm: Hiện nay, thông tư của các bộ, ngành yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với hầu hết các vị trí việc làm đều chung chung “*phù hợp với lĩnh vực công tác*”. Khi xây dựng đề án vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT<sup>25</sup> cụ thể hóa các ngành, chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm. Tuy nhiên, có nhiều chuyên ngành đào tạo trước đây không có trong danh mục kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT, do đó cũng là một khó khăn, vướng mắc trong việc xác định yêu cầu chuyên môn đối với vị trí việc làm khi thực hiện

<sup>25</sup> Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học

tuyên dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức (đối với các trường hợp có bằng chuyên ngành được cấp trước thời điểm Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT có hiệu lực hoặc trường hợp có bằng tốt nghiệp ở trường nước ngoài có chuyên ngành khác với chuyên ngành trong nước đào tạo).

*Thứ tám*, một số quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV (đã được đính chính tại Công văn số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 của Bộ Nội vụ) chưa phù hợp với thực tế và vướng mắc trong việc triển khai thực hiện thống nhất (ví dụ: đối với một số vị trí việc làm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc huyện, thuộc Sở đều yêu cầu: “*Có chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trở lên (sau khi bổ nhiệm)*”; tuy nhiên, lại không xác định thời hạn cụ thể phải hoàn thiện chứng chỉ sau khi bổ nhiệm; (2) quy định vị trí Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra cấp huyện, nhưng không quy định vị trí Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra thuộc Sở và tương đương; (3) không quy định riêng vị trí Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong khi Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định riêng về tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện (Thông tư số 10/2019/TT-BGDĐT ngày 09/8/2019)....

*Thứ chín*, về tiến độ hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm: với những khó khăn vướng mắc nêu trên, việc hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2023 theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 là khó thực hiện.

Từ một số nội dung vướng mắc nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có kiến nghị, đề xuất các bộ, ngành một số nội dung sau:

- Đề nghị hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý làm cơ sở xây dựng vị trí việc làm (hiện mới có Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể dục và Thể thao có hướng dẫn).

- Đề nghị rà soát, hướng dẫn bổ sung việc xây dựng vị trí việc làm đối với công chức, viên chức, trong đó có việc bổ sung vị trí việc làm còn thiếu so với nhu cầu thực tế, thu gọn số lượng vị trí việc làm theo hướng gộp các vị trí việc làm theo nhóm chức năng, nhiệm vụ tại các cơ quan, địa phương, đơn vị, làm cơ sở bố trí biên chế phù hợp với yêu cầu tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

- Đề nghị hướng dẫn cụ thể về định mức số lượng người làm việc (hiện Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hướng

dẫn), việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp làm cơ sở cho các đơn vị, địa phương thực hiện thống nhất.

- Hướng dẫn cụ thể việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp để các đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai thống nhất, đồng bộ, phục vụ việc tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng.

Trên đây là Báo cáo tham luận về việc xây dựng vị trí việc làm tại thành phố Hải Phòng trong thời gian qua, một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn./.



## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa*

### ***Kính thưa Hội nghị!***

Xác định vị trí việc làm là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; Từ năm 2014, tỉnh Khánh Hòa đã tập trung triển khai quyết liệt và toàn diện, hướng tới mục tiêu 100% cơ quan, đơn vị được phê duyệt vị trí việc làm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, đảm bảo tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng của đội ngũ công chức, viên chức.

Nếu như giai đoạn những năm 2016 trở về trước, việc xác định vị trí việc làm là công việc mới và khó, lần đầu tiên áp dụng ở nước ta; quy định của pháp luật còn chưa rõ ràng và đầy đủ; việc hiểu và thực hiện của các cơ quan, đơn vị còn chưa thống nhất, chưa chính xác; kết quả xác định vị trí việc làm không lượng hóa được thời gian lao động cần thiết để hoàn thành từng công việc hoặc những công việc đòi hỏi có sự tham gia, phối hợp của nhiều người.

Thì từ năm 2020 trở lại đây, sau khi đã được Chính phủ cụ thể hóa quy định về vị trí việc làm trong 02 Nghị định (Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập) và các văn bản triển khai của Bộ Nội vụ, tỉnh Khánh Hòa đã có cơ sở rõ hơn trong việc xác định vị trí việc làm gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu ngạch, làm căn cứ xác định biên chế, tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

Thời gian đầu, trong khi chờ hướng dẫn của các Bộ, ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm chuyên ngành, để có cơ sở cho việc bố trí, tuyển dụng, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính một cách khoa học, đảm bảo theo đúng các quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xem xét ban hành các Quyết định tạm phê duyệt Danh mục vị trí việc làm cho 21/21 cơ quan, tổ chức hành chính (đạt 100%); theo đó, tổng số lượng vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Khánh Hòa là: 925 vị trí; trong đó:

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 205 vị trí;
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 320 vị trí;

- Vị trí việc chuyên môn dùng chung: 325 vị trí;
- Vị trí việc làm HĐLĐ theo ND 68 và ND 161: 75 vị trí.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt tạm thời danh mục vị trí việc làm của 579/579 đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (chiếm tỷ lệ: 100%); trong đó có 03/03 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, 92/92 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 484/484 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện. Đồng thời, tỉnh Khánh Hòa cũng đã chủ động giao quyền tự phê tự quyết vị trí việc làm cho các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư.

Đối với các ngành có hệ thống đơn vị sự nghiệp lớn và tương đồng (như các bệnh viện, các trường học, các Trung tâm văn hóa thể thao, Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện...), UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành các Quyết định vị trí việc làm mang tính khung, quy định chung và chỉ đạo các cơ quan chủ quản có trách nhiệm căn cứ Quyết định triển khai thực hiện hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Đến nay, sau khi đã được 18 Bộ chuyên ngành hướng dẫn, tỉnh Khánh Hòa đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khẩn trương rà soát, căn cứ các quy định hiện hành đề hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch của cơ quan, đơn vị theo quy định, trong đó định hướng như sau:

- Đối với Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: Khi chưa có hướng dẫn cụ thể để xác định cơ cấu ngạch thì vẫn thực hiện các chế độ theo ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp cho tới khi có hướng dẫn mới.

- Đồng thời, để đảm bảo triển khai đầy đủ các nội dung về cơ cấu ngạch và hạng chức danh nghề nghiệp, tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo việc xây dựng Đề án vị trí việc làm có xác định tỉ lệ cơ cấu ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị và địa phương; trong đó đề xuất cơ cấu ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp cụ thể tại mỗi nhóm vị trí: Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý với Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung.

Việc này tạo được sự liên tục, chủ động trong quản lý hành chính cũng như không ảnh hưởng nhiều đến việc xác định cơ cấu ngạch và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ và vị trí

việc làm chuyên môn dùng chung vì tỉ lệ này tách riêng so với tỉ lệ của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

Về cơ bản các cơ quan, đơn vị đã hoàn thiện Đề án trình UBND tỉnh; dự kiến hoàn tất việc phê duyệt trước ngày 15/12/2023.

***Kính thưa Hội nghị!***

Với quyết tâm, góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại hóa, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tỉnh Khánh Hòa đã chú trọng chỉ đạo, triển khai nhiều nội dung, trong đó nổi trội là xác định và phê duyệt vị trí việc làm, cụ thể:

- Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò quan trọng trong triển khai xây dựng vị trí việc làm, xác định đây là nhiệm vụ then chốt, bắt buộc của mỗi cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện xác định vị trí việc làm;

- Lấy đội ngũ công chức, viên chức làm trung tâm trong triển khai xây dựng vị trí việc làm;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tình hình thực tiễn tại cơ quan, đơn vị;

Để đạt được những kết quả nêu trên là có sự đồng thuận, chung tay vào cuộc và sự chỉ đạo quyết liệt của Cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp; cùng với đó là sự nỗ lực, cố gắng, quyết tâm, đồng lòng của cả hệ thống chính trị tỉnh Khánh Hòa.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trên thực tế công tác xác định triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, hạn chế, cụ thể là:

- Khó khăn trong việc thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp của từng công việc và tính toán một cách khoa học việc phân bổ biên chế dành cho mỗi vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị sao cho vừa không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lại phải sát với thực tế yêu cầu công việc. Đồng thời, công việc thay đổi theo tính chất sự vụ công việc cấp trên giao, việc phân định mức độ phức tạp từng công việc hiện nay còn mang tính định tính nhiều hơn định lượng cụ thể;

- Công chức, viên chức tham mưu chưa có nhiều kiến thức và kinh nghiệm về việc xác định, phân tích, mô tả vị trí việc làm;

- Việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị phù hợp, bảo đảm cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp hợp lý, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao vẫn gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định;

- Vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ, ngành chưa thể hiện được hết công việc thực tế tại cơ quan, đơn vị. Rõ nét nhất là Thanh tra sở, hiện vẫn còn tồn tại trong cơ cấu tổ chức của các sở nhưng không có vị trí Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra; không có vị trí việc làm về công nghệ thông tin (trong thời kỳ đẩy mạnh chuyển đổi số) trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ...

- Hướng dẫn của Bộ chuyên ngành về xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chưa thống nhất, cụ thể: Thông tư hướng dẫn của một số bộ không xác định cơ cấu viên chức mà chỉ hướng dẫn về cơ cấu % số lượng người ở từng loại vị trí việc làm, chưa phân định rõ hạng chức danh nghề nghiệp...

- Khó khăn lớn nhất hiện nay là: với nhu cầu công việc và nhiệm vụ ngày càng tăng trong quá trình nâng cấp các đô thị trên địa bàn tỉnh. Đồng thời thực hiện nhiệm vụ đi đôi với đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nên tỉnh đã gặp không ít khó khăn vì khối lượng công việc ngày càng quá tải và phức tạp. Trong khi số công chức nghỉ hưu, nghỉ việc, chuyển công tác mang tính liên tục, các công chức hiện có phải kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác vì không được thực hiện hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ, công tác tuyển dụng cũng phải đảm bảo chỉ tiêu dự phòng để tinh giản đến năm 2026 đã gây nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, so với năm 2015, tỉnh Khánh Hòa tăng 01 sở nhưng số lượng biên chế được giao không tăng, vẫn phải thực hiện tinh giản tối thiểu 10% lộ trình 2015-2021 và hướng tới tinh giản 5% biên chế công chức, 10% biên chế sự nghiệp đến năm 2026.

Đồng thời trong năm 2022, 2023 theo quy định của Trung ương chuyển giao nhiệm vụ về kiểm ngư và cảng vụ đường thủy nội địa, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định tổ chức lại 02 tổ chức hành chính này nhưng vẫn chưa được bổ sung biên chế.

Trong bối cảnh toàn tỉnh tập trung thực hiện nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 55/2022/NQ-QH ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị ngày càng tăng, nhiều nội dung nhiệm vụ quan trọng đòi hỏi sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo chất lượng, hiệu quả tham mưu, số lượng biên

chế hiện được giao hiện nay khó đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

UBND tỉnh Khánh Hòa xin đề xuất Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành, lĩnh vực nghiên cứu xem xét một số vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, hướng dẫn cụ thể về định mức phân loại và xác định số lượng người làm việc theo khối lượng công việc;

*Thứ hai*, đề nghị xây dựng khung vị trí việc làm chi tiết theo từng cơ quan trên toàn quốc (vì số lượng các cơ quan chuyên môn ở các địa phương cơ bản giống nhau), từ đó, hoàn thiện để hạn chế thời gian, tiết kiệm nguồn lực, tránh việc sửa đổi nhiều và không đồng bộ trong triển khai thực hiện giữa các tỉnh thành;

*Thứ ba*, tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật liên quan về vị trí việc làm, các quy định còn bất cập hạn chế trong các văn bản quy phạm pháp luật; xem xét, đồng bộ quy định về hệ thống danh mục và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp với vị trí việc làm và trả lương, xếp lương tương ứng với từng chức danh nghề nghiệp để làm cơ sở xây dựng, quản lý và phát triển đội ngũ viên chức; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và xã hội trong các lĩnh vực sự nghiệp.

*Thứ tư*, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến kết hợp với mở các lớp bồi dưỡng, hội nghị tập huấn ở các bộ, ngành và địa phương về xây dựng đề án xác định vị trí việc làm;

*Thứ năm*, xây dựng tiêu chí cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, lãnh thổ, quy mô phát triển, ... để xác định tổng biên chế và tỷ lệ tinh giản biên chế của từng địa phương, tránh việc áp đặt bình quân đồng loạt, cắt giảm cơ học. Xem xét bổ sung biên chế cho tỉnh Khánh Hòa trong việc thực hiện các chính sách đặc thù theo các Nghị quyết của Trung ương và tăng số lượng cơ quan trong giai đoạn 2015-2023.

### ***Kính thưa Hội nghị!***

Tỉnh Khánh Hòa vừa báo cáo một số kết quả triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và có một số kiến nghị tại Hội nghị.

Kính chúc các đồng chí tham dự Hội nghị mạnh khỏe và hạnh phúc; kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang*

***Kính thưa Quý lãnh đạo!***

***Thưa toàn thể Hội nghị!***

Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xin báo cáo tham luận về công tác triển khai xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương như sau:

### **1. Kết quả đạt được về việc xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian qua**

Thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Quyết định số 2039/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm công chức cho 23/23 cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, 15/15 huyện, thành phố. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời phê duyệt Đề án điều chỉnh vị trí việc làm cho 23 cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh và 15 huyện, thành phố sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm viên chức cho 40 cơ quan, tổ chức có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, trong đó 10 đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 15 đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban ngành tỉnh và 15 huyện, thành phố.

Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trên cơ sở số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc được cấp thẩm quyền giao hằng năm và gắn với lộ trình tinh giản biên chế<sup>(26)</sup>; đây là cơ sở để cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đúng

<sup>(26)</sup> Đề án số 795/ĐA-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình tinh giản biên chế.

trình độ chuyên môn khung năng lực vị trí việc làm được xây dựng; là cơ sở để xác định cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, đáp ứng công tác nâng ngạch, thăng hạng theo quy định; đồng thời là cơ sở để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

## **2. Kế hoạch triển khai xây dựng vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 16/3/2023 về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan tổ chức, hành chính trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 22/3/2023 về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và triển khai đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Ngày 15/6/2023 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1527/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng vị trí việc làm theo Danh mục đã được phê duyệt, khi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành quy định vị trí việc làm công chức, viên chức chuyên ngành thì lựa chọn vị trí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong cơ quan, đơn vị quản lý.

***Thưa Hội nghị!***

Đến thời điểm hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 15 Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (06 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 02 đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn, 03 đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và 04 huyện, thành phố), cơ quan chuyên môn đã có ý kiến thẩm định đối với các cơ quan, đơn vị còn lại và sớm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Nhìn chung, tiến độ xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn chậm so với yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản<sup>(27)</sup> chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị khẩn trương xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoàn thành trong năm 2023. Đây là một trong nhiệm vụ chính trị quan trọng, cơ sở triển khai thực hiện hiệu quả cải cách chính sách tiền lương trong thời gian tới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII<sup>(28)</sup>.

### 3. Kiến nghị, đề xuất

Qua quá trình triển khai thực hiện xây dựng vị trí việc làm, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

(1) Theo Công văn số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2023 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về việc kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã thì có Bản mô tả công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhưng không có Bản mô tả công việc của Phó Chủ tịch HĐND huyện, Phó Trưởng các Ban HĐND huyện. Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất căn cứ vào Luật Tổ chức chính quyền địa phương để xây dựng bản mô tả công việc đối với các vị trí cán bộ nêu trên.

(2) Theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, vị trí Chánh Thanh tra Sở áp dụng theo Bản mô tả công việc của vị trí Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở thì không phù hợp với Luật Thanh tra. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất căn cứ vào Luật Thanh tra hiện hành để xây dựng Bản mô tả công việc đối với Chánh Thanh tra Sở.

(3) Bộ Nội vụ nghiên cứu điều chỉnh Bản mô tả công việc vị trí Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán) theo hướng phù hợp với Luật Kế toán và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ, do khung năng lực vị trí Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán) tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư

<sup>(27)</sup> Công văn số 8784/VP-NC ngày 24/10/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

<sup>(28)</sup> Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.



số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và được đính chính tại Công văn số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 của Bộ Nội vụ quy định quá cao như “*Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị; có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương*”.

(4) Việc xác định cơ cấu ngạch công chức theo Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ thì cơ quan, đơn vị gặp khó khi xác định tỷ lệ % (phần trăm) các ngạch công chức trong từng cơ quan, tổ chức. Xác định cơ cấu ngạch cao thì sẽ khó khăn trong công tác cán bộ, ngược lại xác định cơ cấu ngạch thấp hoặc xác định theo thực trạng thì ảnh hưởng đến chính sách đối với đội ngũ công chức chuyên môn, cụ thể là thi nâng ngạch, đồng thời không đồng bộ giữa các địa phương có cùng chức năng, nhiệm vụ. Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất “*Căn cứ danh mục vị trí việc làm chuyên ngành, vị trí việc làm chuyên môn dùng chung và số lượng biên chế công chức bố trí theo từng vị trí việc làm tại cơ quan, tổ chức, xác định tỷ lệ không quá 60% (phần trăm) công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương*”.

(5) Để đảm bảo công tác xây dựng Đề án vị trí việc làm công chức, viên chức hiệu quả, chất lượng hơn, đề xuất Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm của Trung ương xem xét chấp thuận thời gian hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong quý I năm 2024.

Trên đây là báo cáo tham luận về công tác triển khai xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Kiên Giang.

*Xin chúc sức khỏe các đồng chí, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp, xin chân trọng cảm ơn!*

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu*

Lai Châu là tỉnh miền núi, có đường biên giới giáp với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc dài 265,165 km; diện tích tự nhiên 9.068 km<sup>2</sup>; có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; nằm trong khu vực đầu nguồn và phòng hộ đặc biệt xung yếu, điều tiết nguồn nước trực tiếp cho các công trình thủy điện lớn trên sông Đà, đảm bảo sự phát triển bền vững cho vùng châu thổ Sông Hồng. Tỉnh có 8 đơn vị hành chính cấp huyện (7 huyện, 1 thành phố; 4 huyện biên giới, 4 huyện nghèo); 108 xã, phường, thị trấn (trong đó: 62 xã đặc biệt khó khăn, 23 xã biên giới); dân số trên 45 vạn người, gồm 20 dân tộc (trong đó có 4 dân tộc rất ít người là Cống, Mảng, La Hủ và Si La), đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 84%.

Xác định vị trí việc làm là nội dung quan trọng để thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức; là khâu cơ bản, khởi đầu để từ đó có cơ sở sắp xếp bộ máy; là căn cứ xác định biên chế cho mỗi cơ quan, đơn vị từ đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bố trí sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu và thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất của các cơ quan, đơn vị.

Nhận thức được tầm quan trọng của vị trí việc làm ngay từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập; UBND tỉnh Lai Châu đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh, trong đó:

- Cơ quan hành chính có 312 vị trí việc làm (nhóm lãnh đạo quản lý 47 vị trí, nhóm chuyên môn nghiệp vụ cấp tỉnh 187 vị trí, nhóm chuyên môn nghiệp vụ cấp huyện 63 vị trí, nhóm hỗ trợ phục vụ 15 vị trí); phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có 327 vị trí việc làm (nhóm lãnh đạo quản lý 69 vị trí, nhóm chuyên môn nghiệp vụ cấp tỉnh 211 vị trí, nhóm chuyên môn

ng nghiệp vụ cấp huyện 79 vị trí, nhóm hỗ trợ phục vụ 47 vị trí); các cơ quan phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Tỉnh Lai Châu đã thực hiện bố trí, sử dụng, tuyển dụng và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm; qua đó giúp cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị có căn cứ để rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng công chức sát thực hơn từ đó xác định được số biên chế cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan để có kế hoạch sử dụng, tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có biện pháp đồng bộ để thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, thay thế những người không đáp ứng được yêu cầu.

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành các văn bản chỉ đạo<sup>29</sup> các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố thực hiện triển khai, quán triệt nội dung của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, trong đó giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương rà soát hoàn thiện vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; đồng thời thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức gắn với sắp xếp lại cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Từ năm 2020 đến tháng 11/2022, trong thời gian các bộ, ngành trung ương chưa ban hành danh mục vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, UBND tỉnh Lai Châu vẫn tiếp tục thực hiện danh mục vị trí việc làm được Bộ Nội vụ phê duyệt; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai áp dụng vị trí việc làm, từ đó xác định chỉ tiêu biên chế, chỉ tiêu thi nâng ngạch; bố trí sử dụng, quy hoạch, đào tạo và đánh giá công chức hằng năm và thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số vị trí việc làm khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức đảm bảo phù hợp theo quy định<sup>30</sup>.

<sup>29</sup> Công văn số 1125/UBND-TH ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và văn bản số 188/VPCP-TCCV

<sup>30</sup> Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 điều chỉnh danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức đơn vị sự

Từ tháng 12/2022 đến nay, sau khi các bộ ngành ban hành hướng dẫn vị trí việc làm công chức chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành **20 văn bản** triển khai đến các cơ quan đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện; yêu cầu các cơ quan thực hiện rà soát, xác định danh mục vị trí việc làm, xây dựng cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy và mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành sửa đổi và phê duyệt mới 13 cơ quan, đơn vị, địa phương; các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục tiến hành triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập và bản mô tả công việc khung năng lực của từng vị trí việc làm trình Sở Nội vụ thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định (hiện nay đang thẩm định Đề án của 20 cơ quan, đơn vị, địa phương).

**Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng và thực hiện bố trí, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm còn một số hạn chế và khó khăn như sau:**

- Theo quy định chậm nhất đến hết ngày 31/10/2020, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành; chậm nhất đến hết ngày 30/6/2021, Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Tuy nhiên, các bộ, ngành chủ yếu ban hành Thông tư trong năm 2023 (17 Bộ, ngành trung ương) nên việc hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong năm 2023 rất khó khăn.

- Đối với nhóm vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: Tại vị trí việc làm nhân viên nấu ăn thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó trong bản mô tả có yêu cầu trình độ chuyên môn từ trung cấp nấu ăn trở lên nên khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện ký hợp đồng ở vị trí việc làm nấu ăn đối với các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

---

ngiệp của tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 bổ sung danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 bãi bỏ một số vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Lai Châu.

- Một số cơ quan, đơn vị có những vị trí thực tế đang thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao nhưng không có trong danh mục vị trí việc làm theo Thông tư hướng dẫn của Bộ và trong Thông tư hướng dẫn chuyên ngành của Bộ không có quy định được sử dụng các vị trí việc làm chuyên ngành có liên quan khác nên cơ quan, đơn vị còn lúng túng trong quá trình xác định vị trí việc làm ví dụ như: nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung không có vị trí công nghệ thông tin nên khó khăn trong việc xác định, xây dựng vị trí việc làm của các Sở có vị trí công nghệ thông tin tại Văn phòng thuộc Sở; chưa có hướng dẫn vị trí chuyên ngành đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; các Ban Quản lý dự án chuyên ngành...; vị trí việc làm viên chức chuyên ngành thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội tại các đơn vị chăm sóc người có công, quỹ bảo trợ trẻ em không có vị trí tiếp nhận, cấp phát hàng viện trợ; vận động ủng hộ quỹ; vị trí tâm lý học; dinh dưỡng...

- Hiện nay chưa có tiêu chí để đánh giá về nhu cầu cần thiết của mỗi cơ quan, tổ chức để xác định tỷ lệ % (phần trăm) cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của từng cơ quan, đơn vị. Do đó chưa có sự đồng bộ, thống nhất trong xác định cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị.

**Từ những kết quả, khó khăn vướng mắc nêu trên tỉnh Lai Châu đề xuất một số kiến nghị như sau:**

1. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trong đó thống nhất quy định về quản lý biên chế công chức, biên chế viên chức theo Kết luận số 40-KL/TW, Quy định số 70-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

2. Đề nghị các bộ, ngành xem xét:

- Quy định khung tỷ lệ % (phần trăm) của các ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính và tương đương trở lên.

- Hướng dẫn bổ sung danh mục một số danh mục vị trí còn thiếu nhất là đối với vị trí trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Hướng dẫn xác định số biên chế, người làm việc cần có cho từng vị trí việc làm.

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng*

*Kính thưa .....*

*Kính thư các vị đại biểu tham dự Hội nghị!*

Được sự cho phép của chủ trì Hội nghị, đại diện cho tỉnh Lâm Đồng, tôi xin trình bày báo cáo tham luận “***Việc triển khai, kết quả xây dựng, quản lý vị trí việc làm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng***”.

Trước tiên, tôi xin khái quát đôi nét về tỉnh Lâm Đồng. Tỉnh Lâm Đồng là tỉnh thuộc phía Nam Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 9.783,34 km<sup>2</sup>. Dân số 1.321.389 người. Toàn tỉnh có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, 142 đơn vị hành chính cấp xã, 18 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức khác trực thuộc UBND tỉnh, 739 đơn vị sự nghiệp công lập, với 29.665 cán bộ, công chức, viên chức.

Tỉnh Lâm Đồng xác định nhiệm vụ xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đẩy mạnh đổi mới chế độ công chức, công vụ theo hướng công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; là cơ sở để thực hiện cải cách chính sách tiền lương, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, là một trong những tiêu chí đánh giá chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm. Do đó, việc xây dựng đề án vị trí việc làm luôn được UBND tỉnh chỉ đạo sát sao và giao Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh khẩn trương thực hiện.

\* Về kết quả phê duyệt vị trí việc làm trước khi có Nghị định số 62/2020/NĐCP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đối với cơ quan hành chính: Theo đề xuất của UBND tỉnh Lâm Đồng, Bộ Nội vụ đã thẩm định và ban hành Quyết định số 2037/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính của tỉnh Lâm Đồng, gồm 32 cơ quan với 317 vị trí việc làm. Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được Bộ Nội vụ phê duyệt, UBND tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm đối

với cơ quan hành chính cấp tỉnh (*Sở, ban, ngành*), UBND cấp huyện cho 32 đơn vị và giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng công chức theo bản mô tả công việc, khung năng lực theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại buổi làm việc với UBND tỉnh Lâm Đồng và quy định tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016 trong đó thống nhất giao việc phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp về cho UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến nay, UBND tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt danh mục khung vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của 21 sở, ban, ngành, 12 UBND cấp huyện và giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại bộ máy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, căn cứ xác định vị trí việc làm và đề xuất của các cơ quan, đơn vị về điều chỉnh danh mục vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành; UBND tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm thay thế những vị trí việc làm không còn phù hợp nhằm đảm bảo đúng quy định.

\* Về triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐCP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm. Đến nay, hầu hết các Bộ, ngành đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo Nghị định số 62/2020/NĐCP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; Trên cơ sở đó, tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai đến các sở, ban ngành và các địa phương căn cứ quy định tại các Thông tư mới ban hành, để khẩn trương xây dựng đề án vị trí việc theo đúng quy định, đảm bảo phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Bên cạnh đó Sở Nội vụ cũng đã xây dựng Đề án mẫu của Sở để gửi cho các cơ quan, đơn vị tham khảo trong quá trình triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm tại đơn vị mình.

Đến nay, Sở Nội vụ đã thẩm định trình UBND tỉnh Lâm Đồng xem xét phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn mới cho 03 sở, ngành<sup>31</sup>. Đồng thời, Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng đang thẩm định Đề án vị trí việc làm của 01 huyện và 08 sở, ngành, đơn vị sự nghiệp để trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Các sở, ngành, địa phương còn lại đang tiếp tục khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo tinh thần sẽ hoàn thiện đề án vị trí của đơn vị mình để trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2023.

*Kính thưa toàn thể Hội nghị!*

Tỉnh Lâm Đồng luôn coi việc xây dựng, quản lý vị trí việc làm là nhiệm vụ trọng tâm và quan trọng. Là tiền đề để thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức, cải cách chính sách tiền lương, cơ cấu tổ chức, bộ máy. Với tinh thần quyết liệt chỉ đạo, tích cực triển khai thực hiện, thời gian qua cũng gặp những khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

**Một là**, Nghị định chỉ mới quy định khái quát hồ sơ Đề án vị trí việc làm, tuy nhiên không có phụ lục hướng dẫn cụ thể các mẫu biểu về phân nhóm công việc, phân tích cơ cấu, tỷ lệ%... dẫn đến mỗi cơ quan, đơn vị lại triển khai một cách khác nhau, không đồng nhất.

**Hai là**, việc xác định số lượng người làm việc sau khi đã xác định số lượng vị trí việc làm hiện nay còn đang gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai. Vì việc xác định số lượng người làm việc phụ thuộc vào phương pháp phân tích công việc kết hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị. Trong khi đó, việc thống kê công việc cá nhân còn mang tính khái quát, định tính, chưa phân tích quy trình giải quyết công việc, thiếu thông tin về thời gian hoàn thành công việc, tổng thời gian thực hiện. Vì vậy, việc xác định số lượng người làm việc tương ứng với vị trí việc làm vẫn còn mang tính định tính, dẫn đến việc thiếu tính thuyết phục trong đề xuất số lượng người làm việc tương ứng với số lượng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị.

**Ba là**, khi áp dụng xây dựng vị trí việc làm chuyên ngành, theo phản ánh của một số cơ quan, đơn vị có những vị trí thực tế đang thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao nhưng không có trong danh mục vị trí việc làm theo Thông tư hướng dẫn của Bộ; ngoài ra trong Thông tư hướng dẫn chuyên ngành của Bộ không có quy định được sử dụng các vị trí việc làm chuyên ngành có liên quan khác nên cơ quan, đơn vị còn lúng túng trong quá trình xác định vị trí việc làm này (*Ví dụ: vị trí việc làm viên chức chuyên ngành lao động, người có công và xã hội, quản lý dự án, giải phóng mặt bằng...*)

<sup>31</sup> Sở Nội vụ; Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ.



**Bốn là**, việc xác định cơ cấu công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chưa có định mức cụ thể về tỷ lệ phần trăm tối đa của các ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính và tương đương trở lên. Do vậy, địa phương còn lúng túng trong việc xác định và phê duyệt cơ cấu công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh Lâm Đồng có một số đề xuất như sau:

**- Đối với Chính phủ:** Sớm ban hành Nghị định sửa đổi 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập để thống nhất các nội dung thực hiện xây dựng đề án vị trí việc làm trong tình hình hiện nay.

**- Đối với Bộ, ngành:**

+ Đề xuất Bộ Nội vụ biên soạn Niên giám thống kê vị trí việc làm liên bộ để các cơ quan, địa phương qua đó cái nhìn tổng thể về vị trí việc làm, văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện.

+ Có quy định về định mức cụ thể về tỷ lệ phần trăm tối đa của các ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính và tương đương trở lên.

+ Mở các lớp bồi dưỡng, hội nghị tập huấn để hướng dẫn việc triển khai xây dựng đề án xác định vị trí việc làm đến công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, thẩm định vị trí việc làm của địa phương.

Trên đây là báo cáo tham luận của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai, kết quả xây dựng, quản lý vị trí việc làm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Kính đề nghị Chính phủ, Bộ, ngành quan tâm, có hướng dẫn, chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho địa phương để đảm bảo việc xây dựng, quản lý vị trí việc làm được thực hiện đảm bảo theo quy định và đúng tiến độ đề ra.

*Xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, lắng nghe của các đồng chí, chúc Hội nghị thành công, tốt đẹp. Kính chúc các đồng chí tham dự hội nghị sức khoẻ, hạnh phúc và thành công.*

*Trân trọng cảm ơn./.*

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*

*Kính thưa quý vị đại biểu cùng toàn thể các đồng chí!*

Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội nghị, thay mặt UBND tỉnh Lạng Sơn, tôi xin tham luận tại Hội nghị một số nội dung triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

Tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện<sup>32</sup>, 200 đơn vị hành chính cấp xã<sup>33</sup> và 1.646 thôn, tổ dân phố. Cả tỉnh có 21 cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh (gồm: 19 cơ quan chuyên môn và 02 tổ chức hành chính khác) và 769 đơn vị sự nghiệp (gồm: 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; 93 đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành; 673 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện).

Trong thời gian qua, triển khai thực hiện các Nghị định, Thông tư và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về xây dựng Đề án vị trí việc làm<sup>34</sup>, UBND tỉnh Lạng Sơn xác định xây dựng Đề án vị trí việc làm là nhiệm vụ quan trọng cần tập trung chỉ đạo thực hiện, việc xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là cơ sở để tổ chức, triển khai thực hiện công tác tốt quản lý công chức, viên chức (tuyển dụng, bố trí công tác, bổ nhiệm, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, ...), qua đó góp phần thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Do đó, để việc xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo đúng quy định và tiến độ thực hiện, UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành các văn bản<sup>35</sup>

<sup>32</sup> Gồm 10 huyện (trong đó có 05 huyện biên giới) và 01 thành phố;

<sup>33</sup> Gồm: 181 xã, 14 thị trấn và 05 phường;

<sup>34</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

19/19 Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành;

13/15 Thông tư của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>35</sup> Công văn số 1164/UBND-NC ngày 28/8/2023 về việc xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 1685/UBND-NC ngày 22/11/2023 về việc khẩn trương hoàn thành xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

chỉ đạo triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

Kết quả đến thời điểm hiện tại, đã có 34 cơ quan, đơn vị trình đề nghị phê duyệt đề án vị trí việc làm (03 đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính, 31 đề án vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp); Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm định trình 25 Đề án vị trí việc làm (02 đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính và 23 đề án vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp). Trong đó UBND tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định phê duyệt 20 Đề án vị trí việc làm, gồm: 01 Đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính (Sở Nội vụ); 19 Đề án vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp công lập (Sở Nội vụ: 01; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 01; Sở Y tế: 17). Số đề án vị trí việc làm còn lại hiện UBND tỉnh Lạng Sơn tiếp tục rà soát để ban hành Quyết định phê duyệt trong thời gian tới.

Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh Lạng Sơn có một số khó khăn, vướng mắc sau:

*Thứ nhất*, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP không quy định về mẫu Đề án vị trí việc làm kèm theo do đó việc xây dựng Đề án vị trí việc chưa có sự thống nhất.

*Thứ hai*, Thông tư số 13/2022/TT-BNV Ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức, không quy định cụ thể tỷ lệ % cơ cấu ngạch công chức, do đó việc xác định tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức không đồng bộ và có nhiều ý kiến khác nhau.

*Thứ ba*, một số Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực còn có nội dung chưa rõ, chưa cụ thể, như:

- Bản mô tả vị trí việc làm đối với Kế toán trưởng quy định Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ có những yêu cầu về trình độ, năng lực quá cao so với thực tiễn, như quy định Kế toán trưởng: có trình độ cao cấp lý luận chính trị; có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, ...

- Tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không có bản mô tả vị trí việc làm và khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kèm theo

- Tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo không ban hành khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn

tinh bảo đảm theo đúng quy định và tiến độ, UBND tỉnh Lạng Sơn sẽ tổ chức triển khai một số nội dung sau:

*Một là*, tăng cường tập trung chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị hoàn thành đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

*Hai là*, phấn đấu trong năm 2023, hoàn thành và phê duyệt 100% đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính.

*Ba là*, phấn đấu hoàn thành và phê duyệt đề án vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp công lập chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Thông tư hướng dẫn.

*Bốn là*, tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và trong đơn vị sự nghiệp công lập để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp với các quy định và tình hình thực tiễn.

Để xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, UBND tỉnh Lạng Sơn có một số đề xuất, kiến nghị, như sau:

- Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, trong đó quy định về mẫu Đề án vị trí việc làm để địa phương thống nhất triển khai thực hiện.

- Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét điều chỉnh, sửa đổi các yêu cầu về trình độ, năng lực tại bản Mô tả vị trí việc làm đối với Kế toán trưởng tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phù hợp với thực tiễn; bổ sung quy định cụ thể tỷ lệ % cơ cấu ngạch công chức để các địa phương có cơ sở xác định tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức đảm bảo đồng bộ.

- Đề nghị Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội bổ sung các bản mô tả vị trí việc làm; khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với danh nghề nghiệp chuyên ngành quản lý; Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành quản lý để các địa phương làm căn cứ triển khai xây dựng đúng quy định.

*Kính thưa quý vị đại biểu!*

Trên đây là nội dung tham luận của UBND tỉnh Lạng Sơn về một số nội dung triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình*

Xây dựng và quản lý vị trí việc làm (gọi tắt VTVL) là vấn đề rất quan trọng, liên quan đến công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Đây cũng là nhiệm vụ chính trị, để đẩy mạnh đổi mới chế độ công chức, công vụ theo hướng công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; là cơ sở để thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo vị trí việc làm, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 28-KH/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quy định số 70 - QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đề án vị trí việc làm là cơ sở để các cơ quan, đơn vị rà soát cơ cấu tổ chức, cách thức bố trí, phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc; xác định VTVL gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều văn bản triển khai xây dựng, phê duyệt đề án vị trí việc làm, phân cấp quản lý, phê duyệt VTVL<sup>36</sup>. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Nội vụ và thực tiễn xây dựng tổ chức bộ máy, UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm cho một số cơ quan; sau khi các Thông tư hướng dẫn VTVL của Bộ, quản lý ngành

---

<sup>36</sup>Công văn số 817/UBND-NC ngày 21/5/2021 về triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP;

Công văn số 235/UBND\_NCVX ngày 23/02/2023 về triển khai thực hiện xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm đối với cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp;

Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình.

lĩnh vực được ban hành, UBND tỉnh tiếp tục triển khai<sup>37</sup>, chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, thẩm định đề án VTVL của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh<sup>38</sup>.

Trong quá trình triển khai xây dựng Đề án VTVL, UBND tỉnh Quảng Bình thấy một số thuận lợi, khó khăn và kiến nghị, đề xuất như sau:

### 1. Thuận lợi

*Thứ nhất*, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định 106/2020/NĐ-CP đã xác định các nguyên tắc để xây dựng VTVL và quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc bảo đảm chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật về VTVL phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý công chức, viên chức; bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn gắn với tinh giản biên chế với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong về cơ quan, tổ chức. Đây là cơ sở, định hướng cho các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

*Thứ hai*, Bộ Nội vụ đã có hướng dẫn cụ thể về xây dựng VTVL của nhóm lãnh đạo, quản lý, chuyên môn dùng chung và hỗ trợ phục vụ tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV<sup>39</sup>; hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức tại Thông tư số 13/2022/TT-BNV<sup>40</sup> và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về VTVL của công chức nghiệp vụ ngành, lĩnh vực, đó là cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định VTVL theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

*Thứ ba*, việc xây dựng Đề án VTVL là căn cứ quan trọng trong việc xác định số người làm việc tương ứng và xác định cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp đối với viên chức. Theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và Thông tư số 13/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ xác định trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý công chức, viên chức trong việc thẩm định, quyết định vị trí việc làm; xác định người

<sup>37</sup> Kế hoạch số 1559/KH-UBND ngày 04/8/2023 về thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Công văn 2218/UBND-NCVX ngày 31/10/2023 về xây dựng Đề án, phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

<sup>38</sup> Công văn số 1672/SNV-XDCQ&TCBC ngày 07/9/2023 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung xây dựng vị trí việc làm đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>39</sup> Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập

<sup>40</sup> Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức

đứng đầu cơ quan sử dụng công chức, viên chức có trách nhiệm xác định tỷ lệ % công chức, viên chức giữ các ngạch (chức danh) tại cơ quan, đơn vị. Như vậy, sẽ giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, đánh giá đúng tình hình sử dụng, sắp xếp nhận sự trong cơ quan, đơn vị, từ đó có phương án xây dựng VTVL, dự kiến số lượng vị trí việc làm bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

*Thứ nhất*, Theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP phân thành 03 loại<sup>41</sup>. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và nguyên tắc xác định vị trí việc làm nhằm bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức gắn tình giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong các cơ quan, tổ chức; như vậy, sẽ rất khó cho các cơ quan, đơn vị khi xây dựng vị trí việc làm, biên chế cơ quan ít phải cân đối theo vị trí việc làm nhiều; nhất là đối với những VTVL khối lượng công việc không đủ 01 người phải kiêm nhiệm thì không thể ở VTVL Chuyên viên chính và VTVL chuyên viên; việc xác định VTVL nào là VTVL chính và VTVL nào là kiêm nhiệm đối với các cơ quan cũng gặp khó khăn, liên quan đến việc bố trí, chuyển đổi vị trí công tác sau này.

*Thứ hai*, căn cứ Điều 2, Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ để xác định cơ cấu ngạch công chức; tuy nhiên, Thông tư của các Bộ không quy định tỷ lệ ngạch chuyên viên chính hoặc chuyên viên mà do người đứng đầu sử dụng công chức xác định tỷ lệ. Như vậy, khi phân theo khối lượng công việc và xác định ngạch công chức, nếu các cơ quan xác định tỷ lệ chuyên viên chính cao thì khó cho việc tuyển dụng, bố trí; nếu xác định VTVL chuyên viên thấp thì các ngạch chuyên viên không có cơ hội thi nâng ngạch chuyên viên chính, ảnh hưởng đến chế độ chính sách tiền lương của công chức, việc chuyển đổi vị trí công tác. Hiện nay, chưa có quy định, hướng dẫn về tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức để đảm bảo sự thống nhất trên toàn quốc.

*Thứ ba*, căn cứ các thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tại bản mô tả khung năng lực không quy định trình độ chính trị (đối với Phó trưởng phòng và tương đương ...), chưa quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục thuộc sở, phòng và tương đương thuộc sở, phòng thuộc chi cục thuộc sở và phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện nên các địa phương đang khó khăn trong việc phê duyệt đề án, khung năng lực VTVL.

---

<sup>41</sup> Vị trí việc làm do một người đảm nhiệm; Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhiệm; Vị trí việc làm kiêm nhiệm.

*Thứ tư*, căn cứ Điều 16 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 19 Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND quy định “trách nhiệm của UBND tỉnh quyết định phê duyệt điều chỉnh VTVL”; tuy nhiên, căn cứ Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP lại quy định “người đứng đầu địa phương phê duyệt VTVL” và Khoản 2 Điều 3 quy định “người đứng đầu cơ quan quản lý công chức phê duyệt cơ cấu ngạch công chức”. Như vậy, việc phê duyệt VTVL cho các cơ quan đơn vị của địa phương chưa được thống nhất về thẩm quyền.

### **3. Kiến nghị, đề xuất**

- Đề nghị Bộ Nội vụ sớm tổ chức hội nghị triển khai hướng dẫn cụ thể về xác định vị trí việc làm theo khối lượng công việc, tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức, trình độ chính trị đối với một số bản mô tả khung năng lực VTVL lãnh đạo, quản lý chưa quy định để địa phương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo thống nhất và hiệu quả.

- Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu quyết định phê duyệt VTVL để các địa phương thực hiện đảm bảo thống nhất về thẩm quyền, phê duyệt danh mục VTVL, khung năng lực.

- Đề nghị Bộ Nội vụ sớm trình Chính phủ ban hành quy định khung năng lực lãnh đạo, quản lý làm căn cứ để UBND tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục thuộc sở, phòng và tương đương thuộc sở, phòng thuộc chi cục thuộc sở và phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đảm bảo tương ứng với khung năng lực VTVL theo quy định.

- Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành hoàn thiện thông tin về mã VTVL trong bản mô tả tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV và các Thông tư của Bộ ngành, đồng thời hướng dẫn cho địa phương thực hiện đảm bảo thống nhất trong hệ thống chính trị.

Trên đây là báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình./.



## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm thời gian qua;  
kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan,  
tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh*

"Vị trí việc làm" là thuật ngữ đã được thể chế hóa từ năm 2008 tại hai văn bản Luật quan trọng – Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, từ đó đến nay, Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa, hướng dẫn triển khai thực hiện việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Có thể nói, mô hình vị trí việc làm là mô hình công vụ phù hợp với nền hành chính hiện đại, minh bạch bởi nó có nhiều ưu điểm vượt trội trong công tác quản lý nhân sự, từ việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo.. đến thực hiện chính sách tiền lương...Do đó, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, xem việc xây dựng, thực hiện đề án vị trí việc làm là nhiệm vụ quan trọng, là giải pháp góp phần đổi mới phương thức quản lý trong nền hành chính công hiện nay.

Nhận thức tầm quan trọng của việc xây dựng đề án vị trí việc làm trong công tác quản lý biên chế và quản lý công chức, viên chức nên ngay khi có Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ và bộ, ngành trung ương; UBND tỉnh Tây Ninh đã tập trung bắt tay ngay vào triển khai thực hiện quy định của pháp luật về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo phù hợp, kịp thời theo yêu cầu của từng giai đoạn, từ triển khai xây dựng đề án, hoàn thiện đề án, sắp xếp bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt đến rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm đối với các cơ quan, đơn vị được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị xây dựng đề án vị trí việc làm đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị. với kết quả cụ thể như sau:

### **1. Về kết quả triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm trong thời gian qua**

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khẩn trương rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm theo đúng quy định; trên cơ sở Quyết định số 2017/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Danh mục vị trí

việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Tây Ninh, các cơ quan hành chính đã hoàn chỉnh đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính thông qua Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; các đơn vị sự nghiệp công lập đã hoàn chỉnh đề án vị trí việc làm, gửi Sở Nội vụ thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, đơn vị.

Tính đến năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của 20/20 Sở, ban, ngành tỉnh, 09/09 Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và 517/517 đơn vị sự nghiệp công lập (tỉ lệ 100%). Từ năm 2020 đến nay, các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đã thực hiện rà soát, điều chỉnh danh mục vị trí việc làm cho phù hợp và xây dựng Bảng mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục vị trí việc làm, Bảng mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của 29/29 cơ quan, tổ chức hành chính và 489/510 đơn vị sự nghiệp công lập (các đơn vị còn lại, đề án còn phù hợp nên không điều chỉnh).

Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Việc bố trí công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, cơ bản đảm bảo theo đúng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với ngành nghề được đào tạo. Những trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, thực hiện tinh giản biên chế hoặc tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo để bổ sung, hoàn chỉnh trình độ chuyên môn theo tiêu chuẩn quy định.

## **2. Về kế hoạch triển khai việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực**

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận

số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; trong thời gian qua, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ chuyên ngành dùng chung, hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, hỗ trợ phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập, thông tư hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức và Bộ, ngành trung ương cũng đã ban hành thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành được giao quản lý.

Để có cơ sở phân bổ, điều chuyển biên chế giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh, bảo đảm giai đoạn 2022 - 2026 giảm 5% biên chế với năm 2021, Tây Ninh đã ban hành *Đề án rà soát, điều chỉnh biên chế gắn với vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp tỉnh của tỉnh Tây Ninh*. Nguyên tắc của Đề án là không cắt giảm mang tính bình quân; mức độ tăng, giảm số lượng công chức của từng cơ quan, tổ chức phụ thuộc vào sự thay đổi về khối lượng công việc và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đồng thời, Đề án tập trung nghiên cứu, xem xét tỷ lệ bố trí số lượng giữa các nhóm công chức “quản lý”, “chuyên môn nghiệp vụ” và nhóm “dùng chung” để đề xuất điều chỉnh tỷ lệ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng biên chế công chức trong toàn tỉnh với tỷ lệ nhóm dùng chung của các cơ quan cấp tỉnh là  $\leq 20\%$ , cấp huyện  $\leq 15\%$  và đề xuất biên chế dự phòng trong thực hiện thu hút nhân tài. Như vậy tỷ lệ tinh giản đến năm 2026 là 5,03%, trong đó tỷ lệ giảm của khối cơ quan cấp tỉnh là 4,54%, khối cơ quan cấp huyện là 5,85%.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 về việc phê duyệt tạm thời cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh Tây Ninh để làm cơ sở cho việc xem xét phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thẩm định, phê duyệt đề án vị trí việc làm.

Nhằm đảm bảo việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo hướng dẫn mới của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoàn thành trong năm 2023 theo yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; UBND tỉnh đã có Công văn số 3405/UBND-NC ngày 27/10/2023 triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý xây dựng Đề án

vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định và hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định.

Tính đến ngày 26/11/2023, có 11/29 cơ quan, tổ chức hành chính chính<sup>42</sup> và 19/510 đơn vị sự nghiệp công lập<sup>43</sup> gửi đề án vị trí việc làm về Sở Nội vụ thẩm định và Sở Nội vụ đang khẩn trương thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt đề án vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Trong thời gian tới, Tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khẩn trương rà soát xây dựng, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo đúng hướng dẫn của bộ, ngành trung ương để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo hoàn thành trong năm 2023 theo đúng yêu cầu của Bộ Nội vụ.

Mặt khác, nhằm đảm bảo kịp thời, đúng tiến độ trong thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, UBND tỉnh dự kiến sẽ phân cấp cho Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp công thuộc thẩm quyền quản lý (sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ).

### **3. Về đánh giá chung**

#### **a) Mặt làm được**

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã kịp thời triển khai xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát cơ cấu công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm, thực hiện nghiêm việc sắp xếp theo đúng Khung năng lực, Bảng mô tả vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Việc triển khai thực hiện vị trí việc làm trong các cơ quan đơn vị bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực, giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, xác định từng vị trí việc làm gắn với việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; tiến hành cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức.

<sup>42</sup> Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Gò Dầu.

<sup>43</sup> Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Tây Ninh, Ban Quản lý các khu di tích lịch sử Cách mạng miền Nam, Ban Quản lý khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp, Ban Quản lý cửa khẩu Quốc tế, Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh, Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Tây Ninh, Trung tâm Bảo trợ xã hội và Điều dưỡng Người có công tỉnh Tây Ninh, Trung tâm Nuôi dạy trẻ Khiêm thị Tây Ninh; Trung tâm Dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tây Ninh, Cơ sở Cai nghiện ma túy, Trung tâm Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Tân Biên, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Gò Dầu, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Hoà Thành; Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thanh huyện Tân Biên, Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thanh huyện Gò Dầu, Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thanh huyện Châu Thành.

Việc quản lý công chức, viên chức được chuyển dần sang quản lý theo vị trí việc làm. Công chức, viên chức được tuyển dụng, bố trí theo tiêu chuẩn Khung năng lực vị trí việc làm, từ đó phát huy được năng lực, sở trường, chuyên môn, nghiệp vụ của từng công chức, viên chức; tránh được sự chồng chéo trong phân công nhiệm vụ đối với công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

Triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm, công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức được quan tâm thực hiện (*dựa vào cơ cấu ngạch và Khung năng lực từng vị trí việc làm*); công chức, viên chức có nhiều nỗ lực, cố gắng hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu về trình độ, năng lực của vị trí việc làm đang đảm nhận, cũng như vị trí việc làm theo quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị.

## **2. Mặt hạn chế, khó khăn**

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng và triển khai thực hiện vị trí việc làm cũng còn những hạn chế, khó khăn như sau:

- Một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chậm, chưa chủ động triển khai rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm cho phù hợp theo hướng dẫn mới của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Việc xác định số lượng biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp còn chung chung, chưa có tiêu chí rõ ràng nên công tác xây dựng, thẩm định đề án vị trí việc làm gặp khó khăn.

## **3. Kiến nghị, đề xuất**

UBND tỉnh Tây Ninh kiến nghị Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ để địa phương có cơ sở xác định số lượng biên chế công chức, viên chức trong quá trình thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm và làm cơ sở phục vụ công tác quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của địa phương.

Xây dựng Đề án vị trí việc làm là cơ sở giúp các cơ quan, đơn vị rà soát lại tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức và xác định từng vị trí trong tổ chức gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; là cơ sở khoa học cho việc xác định biên chế, cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo công chức, viên chức đúng

người, đúng việc. Công việc này còn giúp cơ quan, đơn vị tránh tình trạng định sẵn nhân sự rồi mới tạo ra công việc hoặc tránh sự chồng chéo khi phân công, giao việc. Nhờ đó, khắc phục tình trạng vừa thừa, vừa thiếu nhân lực. Mặt khác, xác định vị trí việc làm giúp cho công chức, viên chức thấy được vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong tổ chức, không thể đùn đẩy, thoái thác công việc. Tuy nhiên, làm thế nào để mỗi vị trí được bố trí chính xác số lượng người làm việc cần thiết và làm thế nào để xác định khung năng lực cụ thể luôn là bài toán khó. Để giải được bài toán này cần có sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức./.